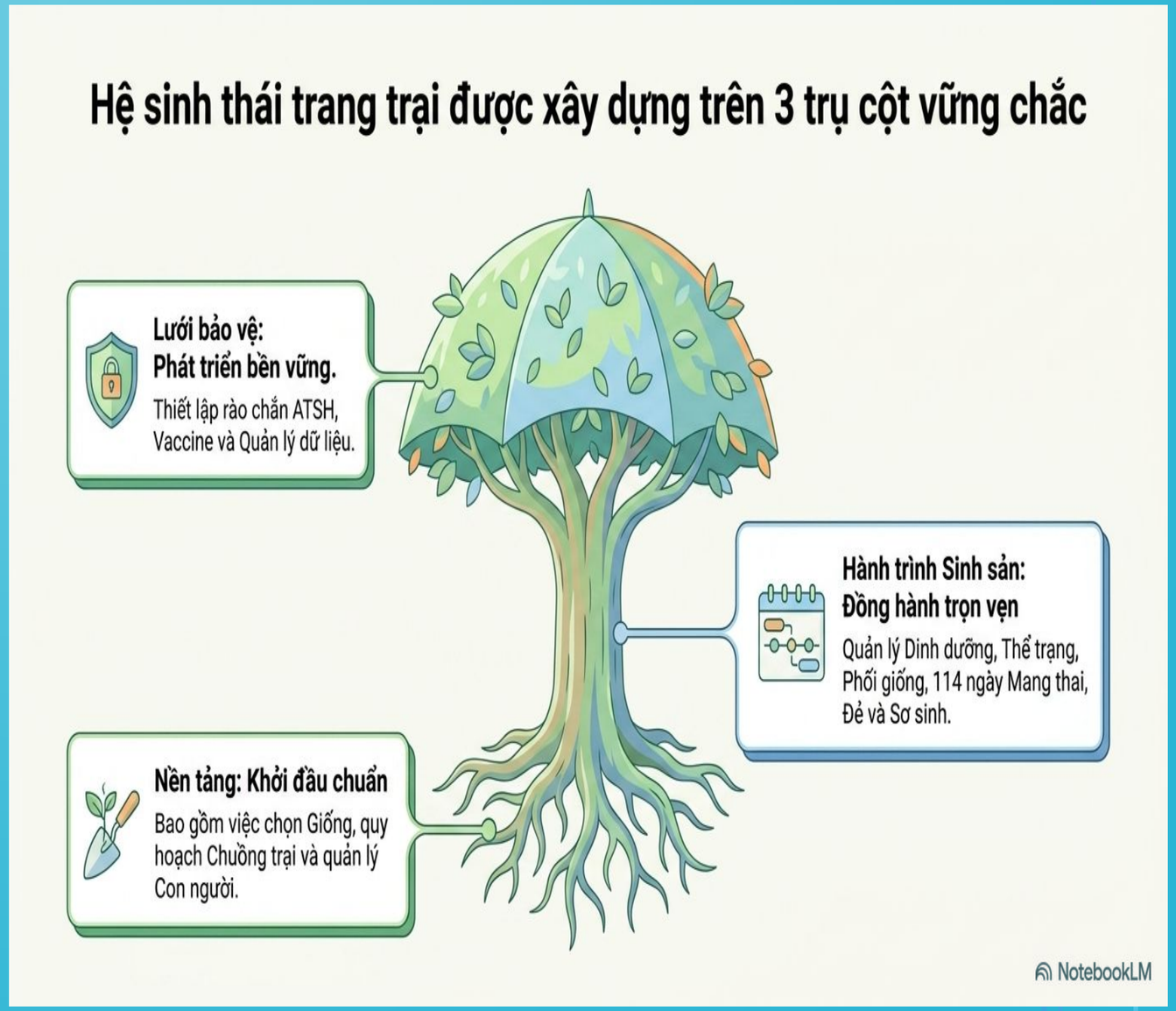
NỘI DUNG 2: KỸ THUẬT CHĂN NUÔI LỢN THEO HƯỚNG AN TOÀN SINH HỌC

- I. Giống
- II. Xây dựng chuồng trại
- III. Dinh dưỡng
- IV. Chăm sóc lợn cái hậu bị và TTNT cho lợn cái sinh sản
- V. Chăm sóc lợn nái qua các giai đoạn
- VI. Chăm sóc lợn con theo mẹ và Chăm sóc lợn con sau cai sữa
- VII. Chăm sóc lợn thịt
- VIII. Công tác Thú y



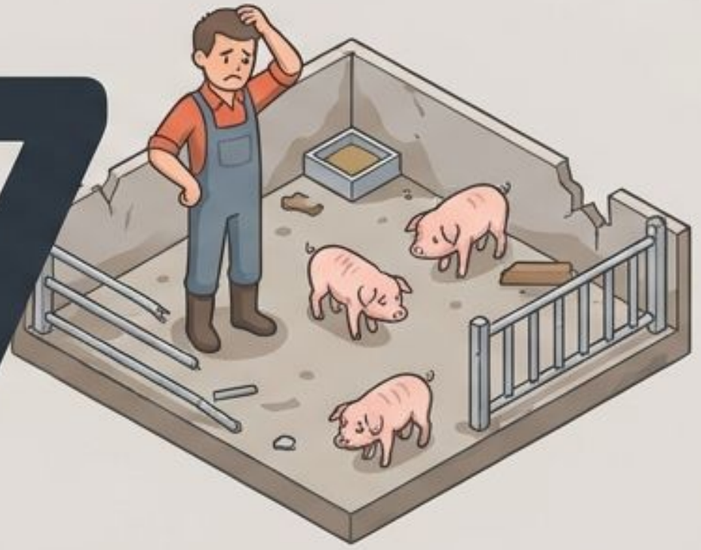
Sự chênh lệch khổng lồ từ cùng một xuất phát điểm.



24

Hộ A cai sữa 24 con/nái/năm.

17



Hộ B chỉ cai sữa 17 con/nái/năm.

Cùng 20 nái, cùng giống, cùng loại thức ăn. Bí mật tạo nên 7 con chênh lệch không nằm ở cám hay thuốc, mà nằm ở **Quản lý Kỹ thuật & An toàn sinh học (ATSH).**

NotebookLM



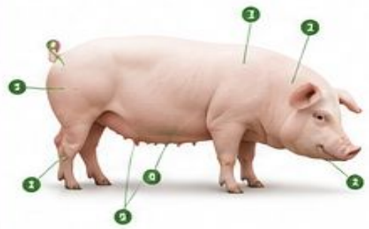
I. CHỌN GIỐNG TRONG CHĂN NUÔI LỢN

CHỌN GIỐNG TỐT – NỀN TẢNG CHO NĂNG SUẤT CAO, HIỆU QUẢ BỀN VỮNG



1. CHỌN GIỐNG NUÔI SINH SẢN

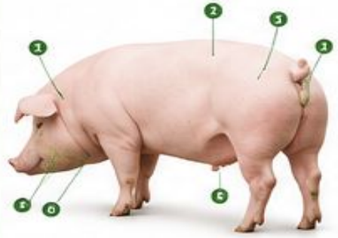
CHỌN NÁI SINH SẢN



TIÊU CHUẨN CHỌN NÁI

1. Thân dài, đùi nở, lưng thẳng
2. Bầu vú đều, số lượng vú nhiều (≥ 12 vú)
3. Chân to, móng chắc, đi đứng vững
4. Âm hộ phát triển tốt
5. Da mịn, lông bóng, sức khỏe tốt
6. Phẩm tính hiền, ăn tốt, mắn đẻ, nuôi con giỏi

CHỌN ĐỰC GIỐNG



TIÊU CHUẨN CHỌN DỰC

1. Thân dài, vai rộng, lưng thẳng
2. Tinh hoàn phát triển đều, khỏe (≥ 15cm)
3. Chân to, móng chắc, dáng đứng vững
4. Khả năng libido cao
5. Da dày, lông bóng, sức
6. Nguồn gốc rõ ... lý lịch đầy đủ

NGUỒN GỐC – LÝ LỊCH RÕ RÀNG

- Giống có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng
- Có giấy tờ, lý lịch phả hệ đầy đủ
- Đã được tiêm phòng đầy đủ
- Không mang mầm bệnh, khỏe mạnh

MỤC TIÊU & CHỈ TIÊU CHỌN GIỐNG SINH SẢN

CHỈ TIÊU	NÁI SINH SẢN	ĐỰC GIỐNG
Tuổi bắt đầu sử dụng	≥ 7 – 8 tháng tuổi	≥ 8 – 9 tháng tuổi
Khối lượng	≥ 120 – 140 kg	≥ 150 – 180 kg
Số con/lứa	≥ 12 – 14 con cai sữa	–
Số lứa/năm	≥ 2,2 – 2,5 lứa	–
Tỷ lệ nuôi sống đến cai sữa	≥ 85 – 90%	–
Khoảng cách 2 lứa	≤ 5 – 6 ngày	–
Chỉ số chuyển hóa thức ăn	Tốt	Tốt
Thời gian sử dụng	3 – 4 năm (6 – 8 lứa)	2 – 3 năm

LƯU Ý KHI CHỌN GIỐNG SINH SẢN

- Chọn giống phù hợp mục tiêu và điều kiện chăn nuôi của trại.
- Không chọn con cận huyết để tránh suy thoái giống.
- Ưu tiên giống có khả năng chống chịu bệnh tốt, thích nghi tốt với môi trường.
- Quan sát thực tế, đánh giá toàn diện ngoại hình – sinh lý – năng suất.
- Cách ly và theo dõi sức khỏe trước khi nhập đàn.

2. CHỌN GIỐNG NUÔI THỊT

CÁC GIỐNG LỢN THỊT PHỔ BIẾN

LỢN LAI 3 MÁU
(Yorkshire × Landrace × Duroc)



- Tăng trọng nhanh
- Thân dài, nạc nhiều
- Thích nghi tốt
- Phù hợp chăn nuôi công nghiệp

LỢN DUROC



- Tăng trưởng nhanh
- Nạc nhiều, chất lượng thịt tốt
- Khả năng chống chịu tốt

LỢN LANDRACE



- Thân dài, nhiều nạc
- Tăng trọng nhanh
- Sinh trưởng tốt

LỢN PIETRAIN



- Tỷ lệ nạc rất cao
- Cơ bắp phát triển
- Cần lai với giống khác để tăng khả năng sinh sản

TIÊU CHUẨN CHỌN LỢN THỊT

- Tăng trọng nhanh, hiệu quả thức ăn tốt
- Tỷ lệ nạc cao, thịt chất lượng tốt
- Sức khỏe tốt, ít mắc bệnh
- Thích nghi tốt với môi trường
- Ngoại hình đẹp, thể trạng cân đối

MỤC TIÊU & CHỈ TIÊU CHỌN LỢN THỊT

CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ THAM KHẢO
Khối lượng xuất chuồng	100 – 120 kg
Tuổi xuất chuồng	5,5 – 6,5 tháng
Tăng trọng trung bình ngày (ADG)	700 – 900 g/ngày
Hệ số chuyển hóa thức ăn (FCR)	2,4 – 2,8
Tỷ lệ nạc thân	≥ 55%
Tỷ lệ thịt xẻ	≥ 72%
Tỷ lệ hao hụt	≤ 2%

LƯU Ý KHI CHỌN GIỐNG THỊT

- Chọn giống phù hợp với điều kiện chuồng trại, thức ăn và thị trường.
- Chọn con khỏe mạnh, nhanh nhẹn, không dị tật.
- Ưu tiên giống có khả năng tăng trưởng nhanh, tiêu tốn thức ăn thấp, tỷ lệ nạc cao.
- Mua giống ở cơ sở uy tín, có kiểm dịch và tiêm phòng đầy đủ.
- Nuôi cách ly và theo dõi trước khi nhập đàn đại trà.

GIỐNG TỐT

- Năng suất cao
- Chất lượng thịt tốt
- Hiệu quả kinh tế cao

NGUYÊN TẮC CHUNG KHI CHỌN GIỐNG

- Chọn đúng mục tiêu
- Nguồn gốc rõ ràng
- Đánh giá toàn diện (tiêu chuẩn + thực tế)
- Sức khỏe tốt, không bệnh tật
- Hiệu quả kinh tế cao, bền vững

HIỆU QUẢ BỀN VỮNG

- Đàn lợn khỏe mạnh
- Sinh sản tốt – tăng trưởng nhanh
- Nâng cao năng suất – lợi nhuận



Nền Tảng Di Truyền: Ma Trận Chọn Giống

Mỗi giống mang một thế mạnh riêng. Lai tạo (LY, YL) là chìa khóa để tối ưu hóa đặc tính sinh sản.

	 Landrace	 Yorkshire	 Duroc	 Pietrain	 Lai LY/YL
Khả năng nuôi con	★★★★★	★★★★	★★	★★	★★★★★
Khả năng tiết sữa	★★★★	★★★★★	★★	★★★	★★★★★
Khả năng thích nghi	★★★	★★★	★★★★	★★★	★★★★★
Ưu điểm chính	Đẻ nhiều, nuôi con khéo	Sữa tốt, khung xương to	Tăng trọng nhanh	Tỷ lệ nạc cao	Sinh sản tối ưu

NotebookLM

II. QUY TRÌNH XÂY DỰNG CHUỒNG TRẠI THEO HƯỚNG AN TOÀN SINH HỌC

AN TOÀN SINH HỌC

AN TOÀN SINH HỌC LÀ NỀN TẢNG – CHẤT LƯỢNG LÀ BỀN VỮNG – HIỆU QUẢ LÀ MỤC TIÊU

MỤC TIÊU
- Ngăn ngừa mầm bệnh xâm nhập
- Bảo vệ vật nuôi – con người – môi trường
- Nâng cao hiệu quả chăn nuôi và phát triển bền vững

1 KHẢO SÁT – LỰA CHỌN VỊ TRÍ



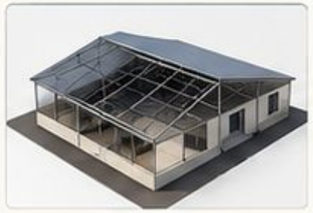
- Cao ráo, thoát nước tốt, xa khu dân cư, nguồn nước sinh hoạt.
- Hướng chuồng Đông Nam (thoáng mát).
- Cách ly tối thiểu:
  - Cách khu dân cư ≥ 300 m
  - Cách đường lớn ≥ 100 m
  - Cách nguồn nước ≥ 200 m

2 QUY HOẠCH – TỔNG THỂ TRANG TRẠI



- Phân khu rõ ràng, tách biệt:
  1. Khu hành chính
  2. Khu cách ly
  3. Khu chăn nuôi
  4. Khu xử lý chất thải
  5. Khu kho, silo, trạm điện nước
- Nguyên tắc: 1 chiều – sạch đến bẩn, không giao cắt.

3 THIẾT KẾ CHUỒNG TRẠI ĐẠT CHUẨN



- Thiết kế phù hợp từng loại vật nuôi và giai đoạn.
- Đảm bảo thông thoáng, ánh sáng, chịu lực, dễ vệ sinh.
- Vật liệu bền, chống thấm, cách nhiệt, cách âm.
- Tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

4 XÂY DỰNG HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT



- Hệ thống cấp nước sạch, ổn định.
- Hệ thống điện an toàn, có dự phòng.
- Hệ thống xử lý nước thải, phân thải đạt chuẩn.
- Đường nội bộ, rãnh thoát nước xung quanh.

5 XÂY DỰNG CHUỒNG TRẠI



- Thi công đúng thiết kế, đảm bảo kết cấu vững chắc.
- Nền chuồng: cao ráo, chống trơn, trượt, thoát nước tốt.
- Vách, mái: cách nhiệt, chống nóng, chống ẩm, dễ vệ sinh.

6 XÂY DỰNG TRANG THIẾT BỊ



- Hệ thống máng ăn, uống tự động phù hợp.
- Hệ thống thông gió, làm mát, sưởi ấm (nếu cần).
- Thiết bị dễ vận hành, dễ vệ sinh, bảo trì.

7 XÂY DỰNG KHU VỰC PHỤ TRỢ



- Nhà kho, kho cám, kho thuốc.
- Khu sát trùng phương tiện.
- Khu thay đồ, tắm sát trùng cho người.
- Hố sát trùng, hố thu gom chất thải.

9 VỆ SINH – KHỬ TRÙNG TOÀN BỘ TRẠI



- Vệ sinh sạch sẽ toàn bộ công trình, thiết bị, khu vực.
- Khử trùng bằng hóa chất đúng quy định.
- Để trống chuồng ít nhất 7–14 ngày trước khi nhập vật nuôi.

10 ĐƯA VÀO SỬ DỤNG – QUẢN LÝ VẬN HÀNH



- Vận hành đúng quy trình an toàn sinh học.
- Theo dõi, bảo trì định kỳ.
- Ghi chép, đánh giá, cải tiến liên tục.

NGUYÊN TẮC AN TOÀN SINH HỌC

CÁCH LY – KIỂM SOÁT
Tách biệt nguồn bệnh, kiểm soát người, phương tiện, vật tư ra vào.

MỘT CHIỀU – KHÔNG GIAO CẮT
Đảm bảo dòng di chuyển: sạch → bẩn, không quay ngược, không giao cắt.

THÔNG THOÁNG – TIỆN VỆ SINH
Chuồng trại thông thoáng, ánh sáng đầy đủ, dễ vệ sinh, dễ khử trùng.

BỀN VỮNG – AN TOÀN
Kết cấu chắc chắn, vật liệu bền, đảm bảo an toàn cho người, vật nuôi và môi trường.

THÂN THIỆN MÔI TRƯỜNG
Giảm thiểu ô nhiễm, xử lý chất thải đạt chuẩn, tái sử dụng nếu có thể.

SƠ ĐỒ TỔNG THỂ TRANG TRẠI THAM KHẢO

1. Khu hành chính
2. Khu cách ly
3. Khu chăn nuôi
4. Khu xử lý chất thải
5. Kho, silo
6. Khu sát trùng xe
7. Ao sinh học, cây xanh



CÁC KHU VỰC CHỨC NĂNG QUAN TRỌNG

CỔNG TRẠI – KIỂM SOÁT RA VÀO



KHU SÁT TRÙNG PHƯƠNG TIỆN



KHU THAY ĐỒ – TẮM SÁT TRÙNG



KHU CÁCH LY



KHU CHĂN NUÔI



KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI



HIỆU QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

- Ngăn ngừa dịch bệnh hiệu quả
- Giảm chi phí thuốc thú y, giảm rủi ro thiệt hại
- Nâng cao năng suất, chất lượng vật nuôi
- Bảo vệ môi trường, phát triển bền vững



XÂY DỰNG ĐÚNG – VẬN HÀNH CHUẨN – AN TOÀN SINH HỌC – THÀNH CÔNG BỀN VỮNG!







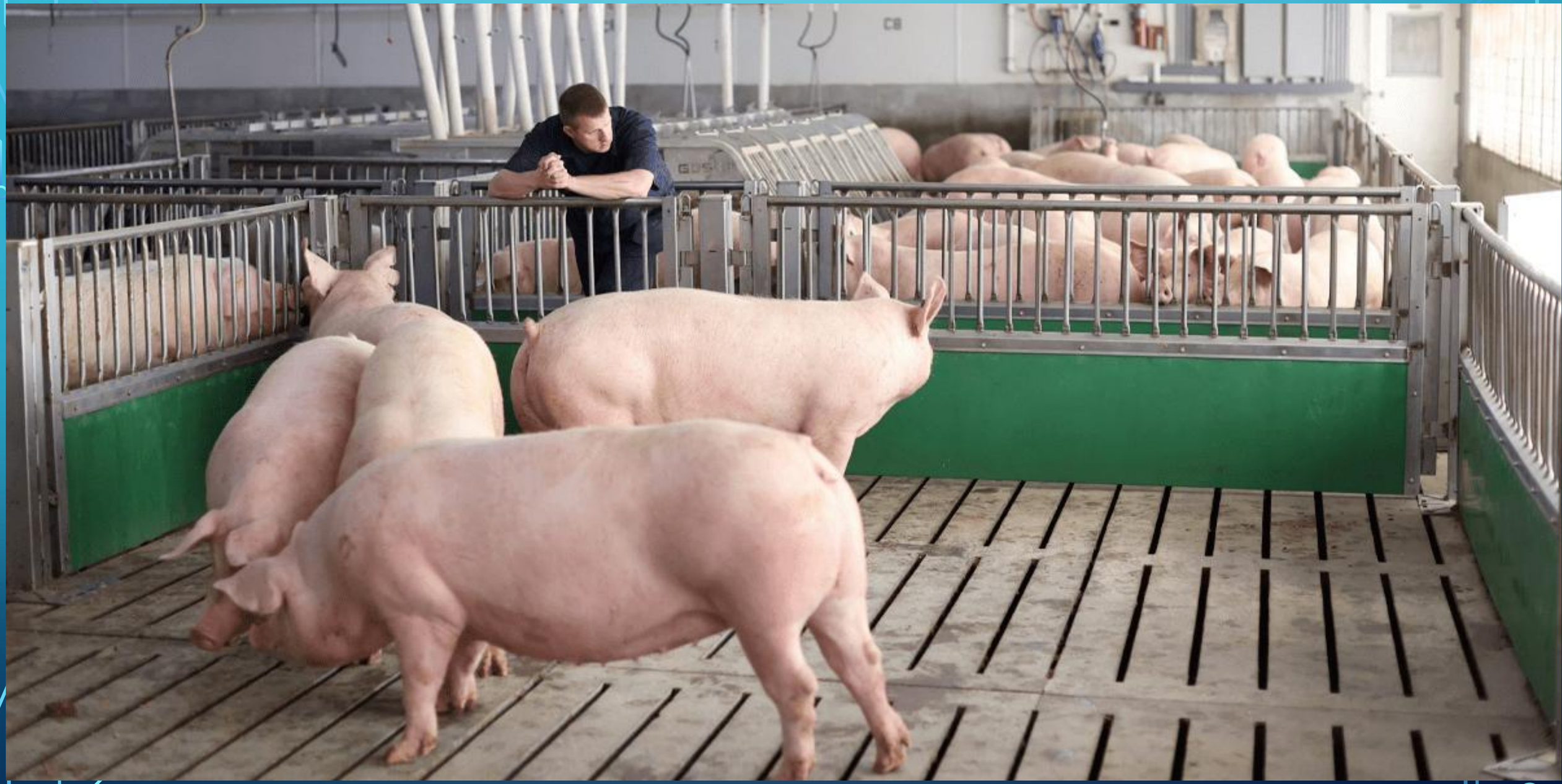




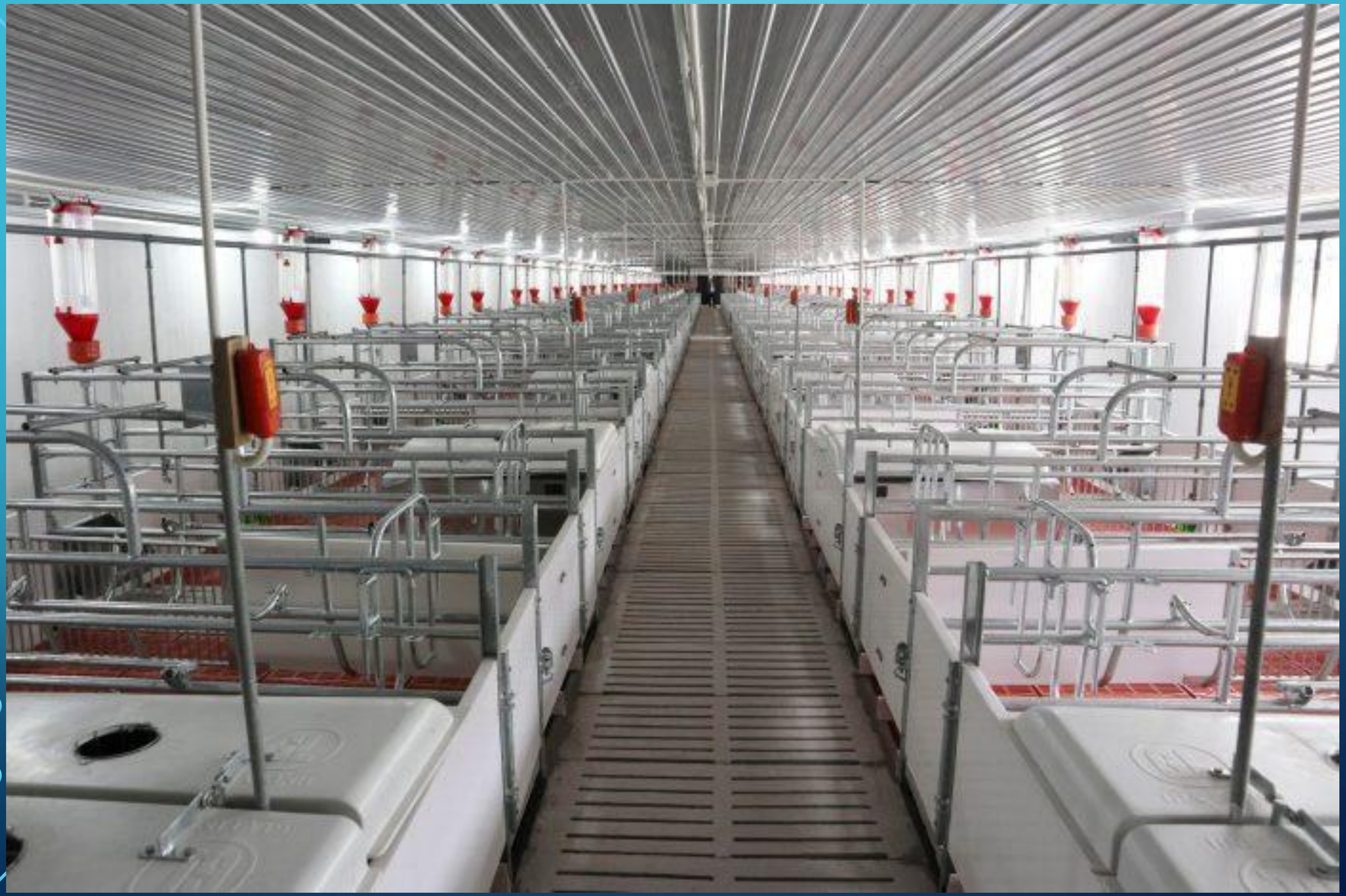


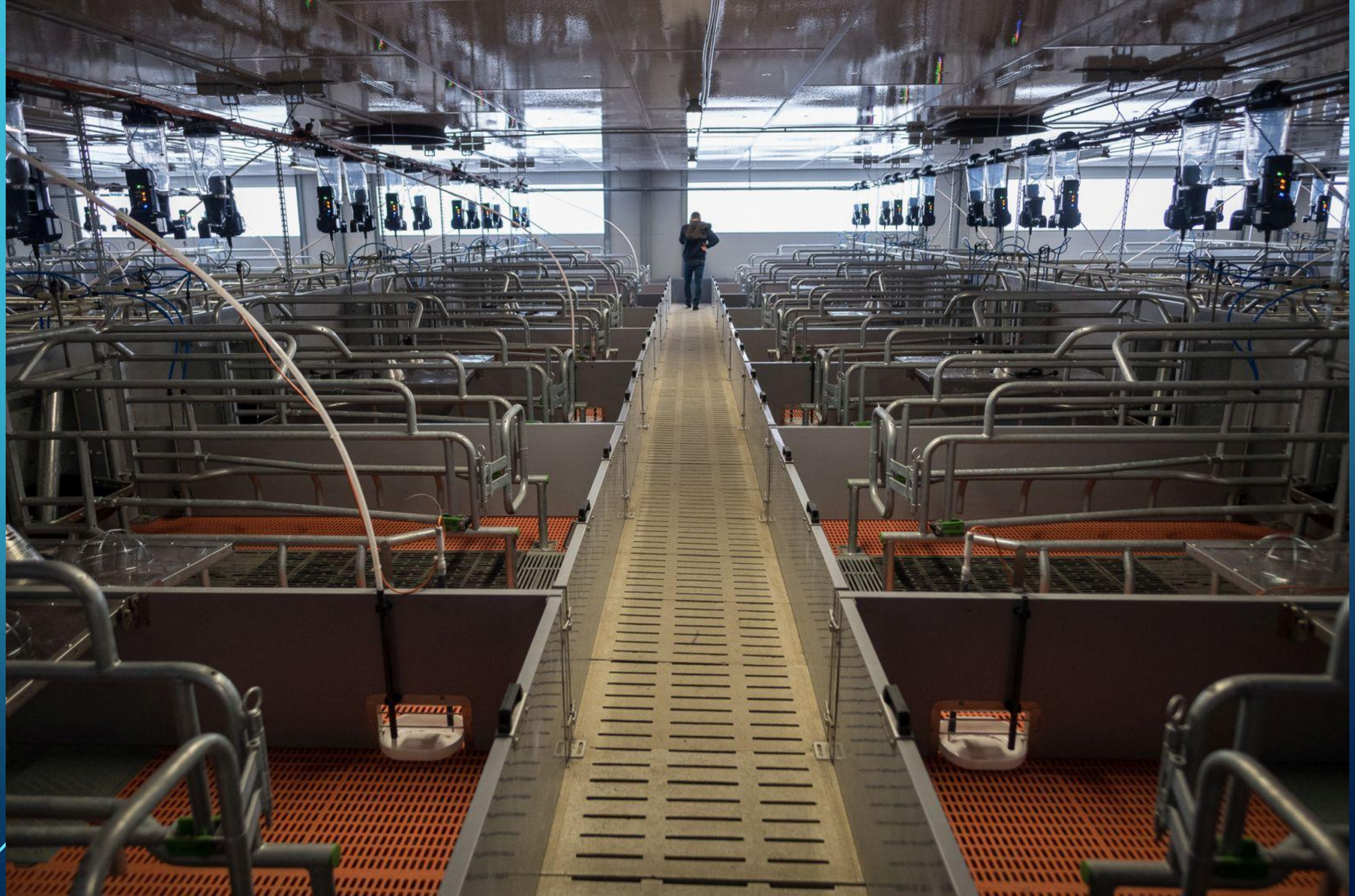


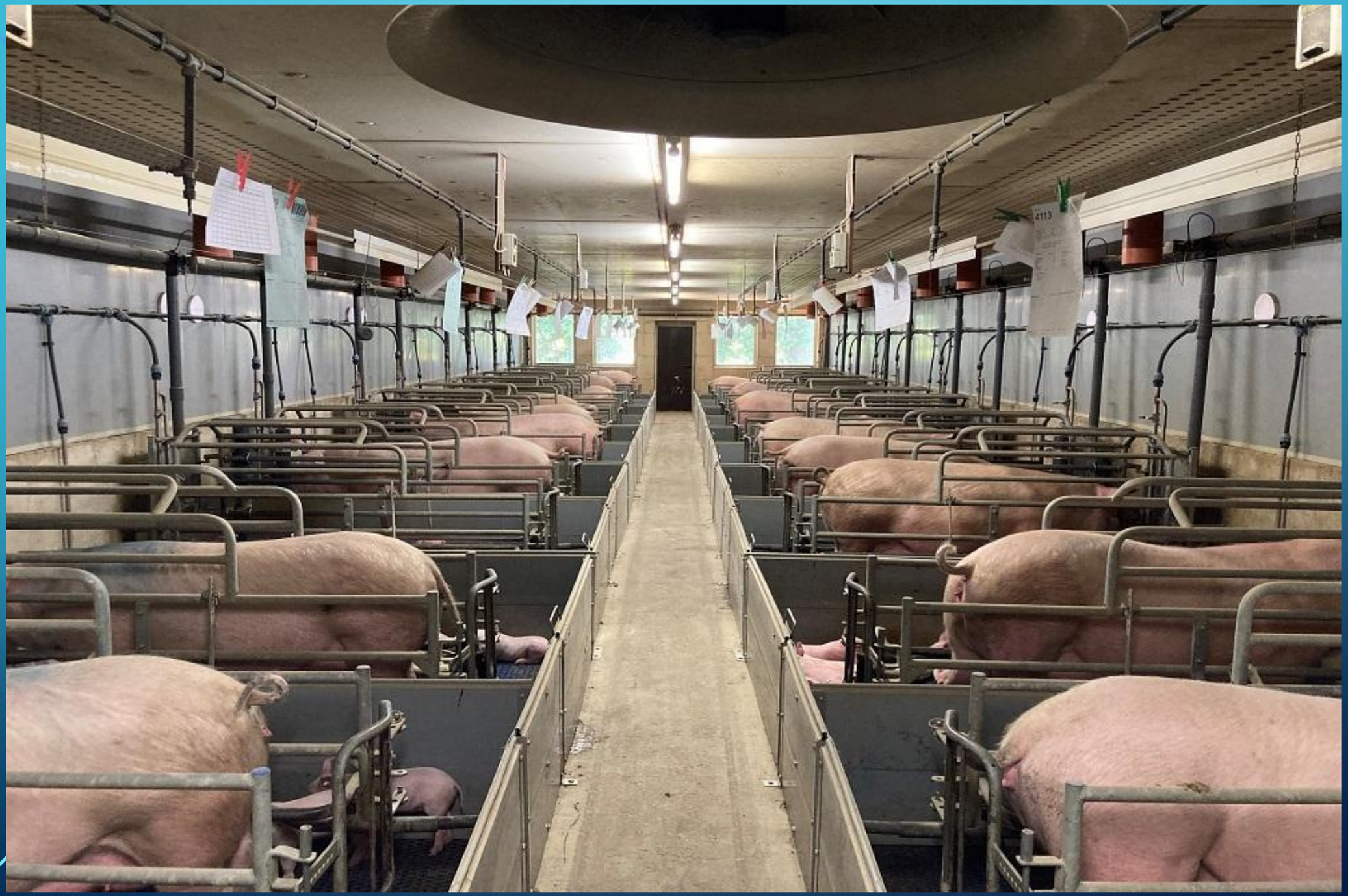






















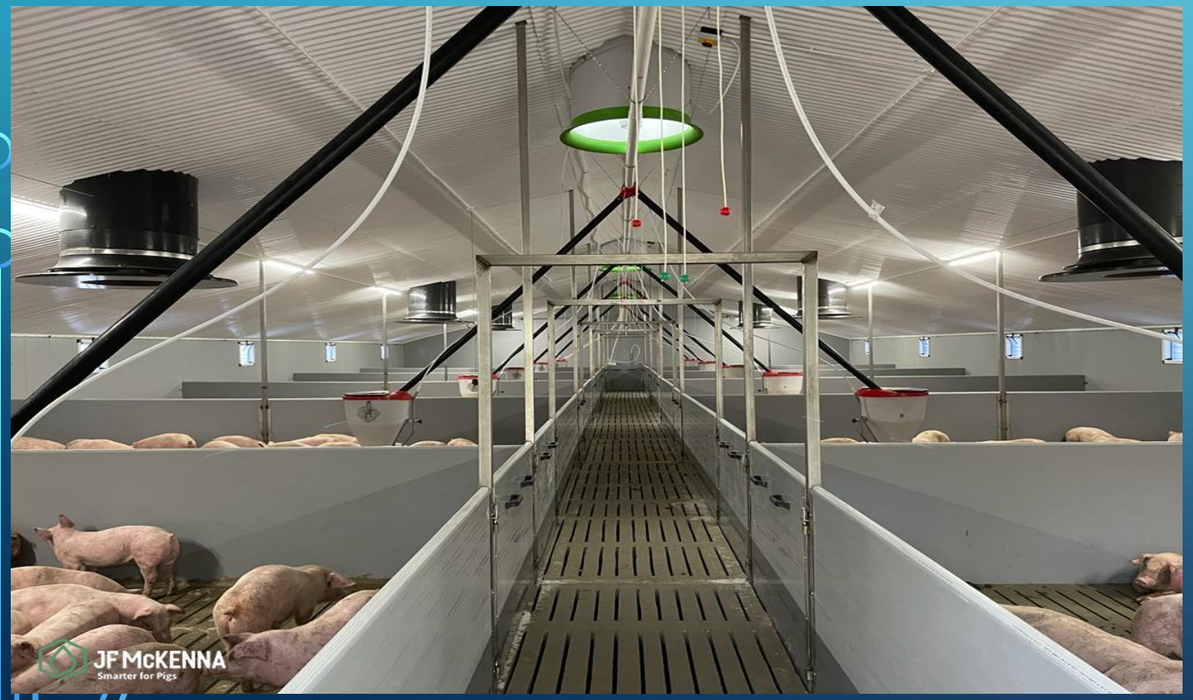


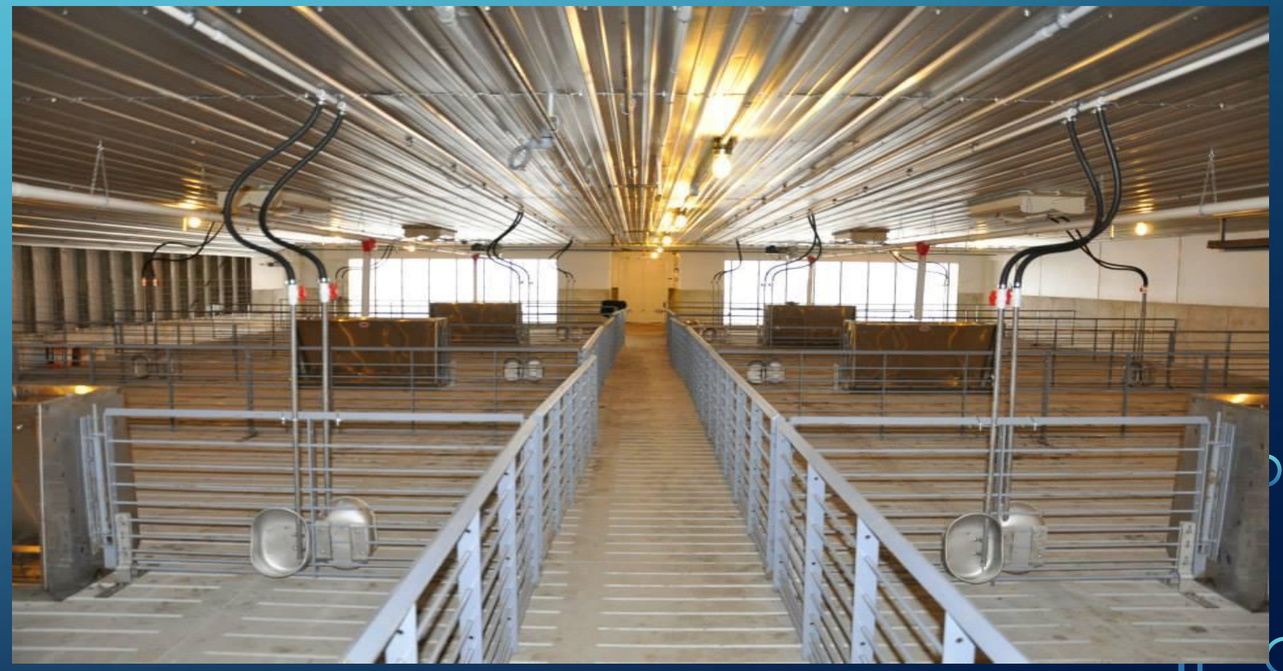



Jemu





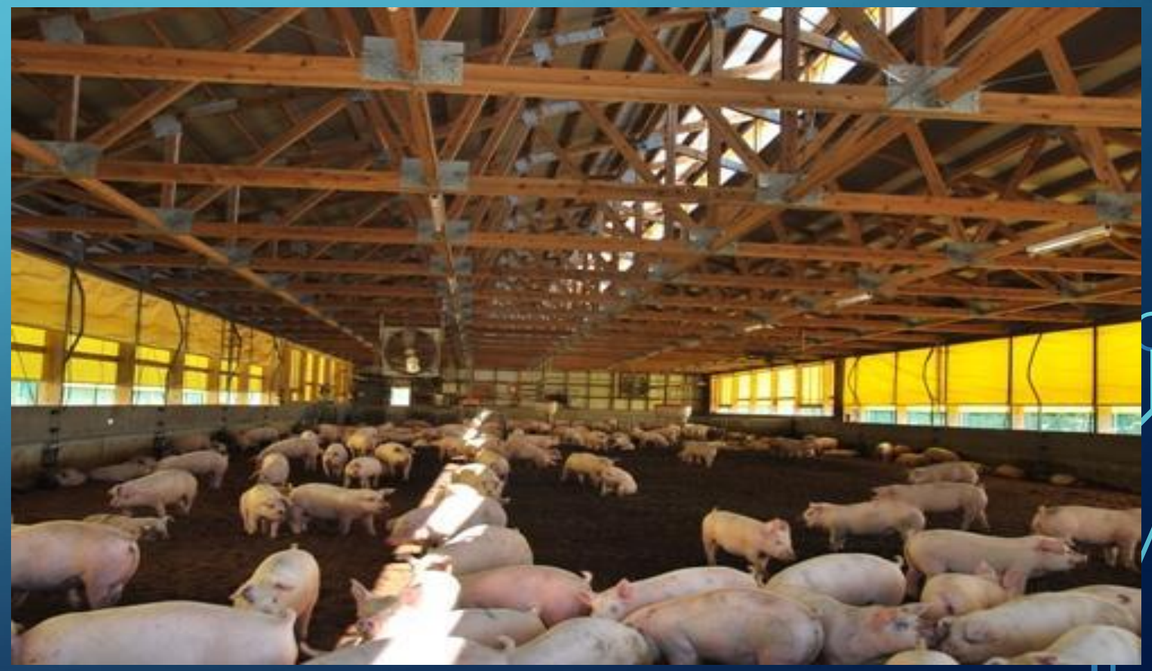

JF McKENNA
Smarter for Pigs











Con người là mắt xích yếu nhất trong hệ thống bảo vệ

>80% mầm bệnh xâm nhập do con người, phương tiện hoặc dụng cụ!

Quy trình Nhập trại An toàn Sinh học



Tắm sạch | Thay đồ trại | Đi ủng trại | Rửa tay | Qua hố sát trùng | Ghi sổ

Tình huống: Khám lợn bệnh PRRS xong chạy sang trại khỏe mà không thay đồ? Đó là cách bạn tự tay kích nổ quả bom dịch bệnh.

NotebookLM

QUY TRÌNH SÁT TRÙNG KHI VÀO TRANG TRẠI LỢN

AN TOÀN SINH HỌC – NGĂN NGỪA DỊCH BỆNH

1 KIỂM TRA & KHAI BÁO



Khai báo y tế, mục đích vào trại. Nhân viên trại kiểm tra và hướng dẫn quy định an toàn sinh học.

2 DỪNG XE SÁT TRÙNG



Phương tiện dừng tại khu vực sát trùng. Phun hóa chất đều quanh xe, gầm, bánh xe.

3 KHU VỰC BẨN – CỞI BỎ ĐỒ DÙNG CÁ NHÂN



Cởi bỏ quần áo, giày dép bên ngoài. Để lại toàn bộ đồ dùng cá nhân tại tủ dụng đồ.

4 TẮM RỬA TOÀN THÂN



Tắm rửa sạch sẽ, gội đầu, kì cọ xà phòng toàn thân để loại bỏ mầm bệnh.

5 KHU VỰC SẠCH – MẶC QUẦN ÁO CỦA TRẠI



Mặc quần áo, đội mũ, đeo khẩu trang của trại. Đi ủng và sử dụng dụng cụ của trại.

6 SÁT TRÙNG TAY VÀ ỦNG



Rửa tay bằng xà phòng hoặc dung dịch sát trùng. Nhúng ủng qua khay sát trùng trước khi vào khu chăn nuôi.

7 VÀO KHU CHĂN NUÔI



Chỉ vào khu chăn nuôi khi đã thực hiện đầy đủ các bước. Tuân thủ nội quy trại.

QUY TRÌNH SÁT TRÙNG PHƯƠNG TIỆN VÀ HÀNG HÓA

1. RỬA SẠCH



Loại bỏ hoàn toàn đất, phân, chất bẩn bám trên xe.

2. PHUN SÁT TRÙNG



Phun hóa chất sát trùng đều toàn bộ bề mặt xe, gầm, bánh xe.

3. SÁT TRÙNG LẠI



Phun lặp lại lần 2 sau 10-15 phút để đảm bảo hiệu quả.

4. HÀNG HÓA, DỤNG CỤ



Hàng hóa, dụng cụ, thiết bị được vệ sinh sạch và sát trùng trước khi mang vào trại.

NGUYÊN TẮC 3 KHÔNG

KHÔNG mang mầm bệnh vào trại

KHÔNG mang mầm bệnh ra khỏi trại

KHÔNG đưa mầm bệnh lây lan trong trại

LƯU Ý QUAN TRỌNG

- Tuân thủ đúng quy trình an toàn sinh học.
- Chỉ những người có nhiệm vụ mới được vào trại.
- Mọi trường hợp vi phạm sẽ không được vào trại.
- Vệ sinh cá nhân sạch sẽ.
- Sát trùng tay, ủng và dụng cụ trước khi tiếp xúc vật nuôi.
- Thay đồ, ủng khi di chuyển giữa các khu vực.
- Báo cáo ngay cho quản lý nếu có dấu hiệu bất thường hoặc nghi ngờ dịch bệnh.

BẢO VỆ ĐÀN LỢN – BẢO VỆ TRANG TRẠI

- Bảo vệ đàn lợn khỏe mạnh
- Giảm thiểu rủi ro dịch bệnh
- Nâng cao hiệu quả chăn nuôi
- Tăng hiệu quả kinh tế

AN TOÀN HÔM NAY – BẢO VỆ NGÀY MAI



DỊCH BỆNH STOP

SẠCH SẼ · SÁT TRÙNG · AN TOÀN · HIỆU QUẢ



III. DINH DƯỠNG TRONG CHĂN NUÔI LỢN NÁI SINH SẢN

ĐẢM BẢO NÁI KHỎE – NUÔI CON TỐT – NĂNG SUẤT CAO – HIỆU QUẢ BỀN VỮNG



1. DINH DƯỠNG PHẢI DỊCH CHUYỂN THEO TỪNG GIAI ĐOẠN

HẬU BỊ
(Tập trung phát triển khung xương và cơ quan sinh dục)



MANG THAI
(Nuôi thai và kiểm soát mỡ)



NUÔI CON
(Tiết sữa và hạn chế hao mòn)



SAU CAI SỮA
(Phục hồi cơ thể và chuẩn bị mang thai lại)



NGUYÊN TẮC CHUNG

- Cân đối đủ năng lượng, protein, amino acid, khoáng và vitamin
- Tiêu hóa tốt, hấp thu tối đa
- Luôn đủ nước sạch, mát, dễ uống
- Cho ăn đúng lượng – đúng thời điểm – đúng cách

2. CHẾ ĐỘ CHO ĂN CỦA LỢN NÁI SINH SẢN THEO TỪNG GIAI ĐOẠN

GIAI ĐOẠN	KHỐI LƯỢNG THỨC ĂN (kg/con/ngày)	MỤC TIÊU CHÍNH	LƯỢNG CÁM/NGÀY (kg) (Công thức)	VÍ DỤ CHO NÁI KHỐI LƯỢNG 200 kg
Sau cai sữa → phối giống	3,5 – 4,5	Kích thích động dục, tăng số trứng rụng	2,5 kg + (0,4 kg × số con đang bú)	–
Mang thai 1 – 30 ngày	2,0 – 2,3	Giúp phôi bám chắc, hạn chế chết phôi	2,5 kg + (0,4 kg × số con đang bú)	–
Mang thai 31 – 84 ngày	2,2 – 2,5	Duy trì thể trạng, nuôi thai	2,5 kg + (0,4 kg × số con đang bú)	–
Mang thai 85 – 110 ngày	2,8 – 3,2	Thai phát triển mạnh, tích lũy dinh dưỡng	2,5 kg + (0,4 kg × số con đang bú)	–
Mang thai 111 – 114 ngày (trước đẻ 3 – 5 ngày)	1,5 – 2,0	Giảm táo bón, giảm khó đẻ	2,5 kg + (0,4 kg × số con đang bú)	–
Ngày đẻ	0 – 1,5	Chỉ cho ăn ít sau khi đẻ xong		–
Sau đẻ ngày 1	2,0	Ăn đa hóa sản lượng sữa + 0,35 – 0,45 kg/con bú		10 con bú → 6,5 kg/ngày
Sau đẻ ngày 2	3,0			12 con bú → 7,3 kg/ngày
Sau đẻ ngày 3	4,0			14 con bú → 8,1 kg/ngày
Sau đẻ ngày 4	5,0			

LƯU Ý: Công thức trên áp dụng tại các trại công nghiệp. Khuyến cáo điều chỉnh lượng ăn trước, trong và sau khi đẻ nhằm đảm bảo đàn nái khỏe và tiết sữa tốt, phù hợp với hướng dẫn thực hành chăn nuôi an toàn, bền vững.

3. TIÊU CHUẨN DINH DƯỠNG KHẨU PHẦN LỢN NÁI

CHỈ TIÊU	MANG THAI	NUÔI CON
Năng lượng trao đổi (ME)	3.200 – 3.300 kcal/kg	3.250 – 3.350 kcal/kg
Protein thô	13 – 15 %	16 – 18 %
Lysine tổng số	0,60 – 0,75 %	0,90 – 1,05 %
Methionine	0,25 – 0,35 %	0,35 – 0,45 %
Methionine + Cystine	0,50 – 0,60 %	0,60 – 0,70 %
Threonine	0,50 – 0,60 %	0,65 – 0,75 %
Tryptophan	0,16 – 0,20 %	0,20 – 0,25 %
Canxi	0,80 – 1,00 %	0,80 – 1,00 %
Phospho tổng số	0,60 – 0,70 %	0,60 – 0,70 %
Muối (NaCl)	0,30 – 0,40 %	0,30 – 0,40 %
Chất xơ thô	5 – 8 %	3 – 5 %

NGUỒN DINH DƯỠNG CHÍNH



Năng lượng: Ngô, lúa mì, cám gạo, khoai, sắn...



Đạm: Khô dầu tương, bột cá, khô dầu, bột thịt xương...



Khoáng & vitamin: Premix khoáng, bột đá, DCP, muối, vitamin tổng hợp...



Chất xơ: Cám mì, bã đậu, rau xanh...



Nước sạch: Luôn sẵn có 24/24h

4. NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý



Từ 85 ngày mang thai đến khi đẻ (giai đoạn thai phát triển nhanh): chiếm khoảng 65 – 70% khối lượng sơ sinh của thai → không được cắt giảm dinh dưỡng.



3 – 5 ngày trước đẻ: giảm lượng cám nhưng không giảm nước, đồng thời tăng chất xơ để hạn chế táo bón và khó đẻ.



5 ngày đầu sau đẻ: tăng lượng cám từ từ, tránh bội thực và rối loạn tiêu hóa.



Từ ngày thứ 5 sau đẻ: cho ăn tối đa theo khả năng thu nhận để tăng sản lượng sữa và tốc độ tăng trưởng của đàn con.



Độc tố nấm mốc (DON, ZEA, aflatoxin) gây giảm ăn, sảy thai, thai chết lưu và ảnh hưởng chất lượng sữa. Cần kiểm soát nguyên liệu và dùng chất hấp phụ độc tố khi cần thiết.

5. PHỐI GIỐNG CHÍNH XÁC VÀ HÀNH TRÌNH 114 NGÀY MANG THAI



NGÀY 0 (Phối giống)
Không phải cứ động dục là phối. Phải xác định đúng thời điểm rụng trứng.



GIAI ĐOẠN ĐẦU (Bảo vệ)
Bảo vệ phôi thai. Tuyệt đối giảm stress và không thay đổi thức ăn đột ngột.



GIAI ĐOẠN GIỮA (Duy trì)
Nuôi thai, điều chỉnh khẩu phần ăn phù hợp.



GIAI ĐOẠN CUỐI (Tăng tốc)
Thai phát triển cực nhanh. Chuẩn bị chuồng đẻ và theo dõi sát sao.

114 NGÀY

NGUYÊN TẮC VÀNG CHO DINH DƯỠNG NÁI SINH SẢN



Cho ăn đúng lượng – đúng thời điểm



Khẩu phần cân đối dinh dưỡng



Tiêu hóa tốt – hấp thu tối đa



Đủ nước sạch 24/24h



Khẩu phần an toàn, không nấm mốc, không độc tố



Theo dõi thể trạng để điều chỉnh kịp thời

KẾT QUẢ KHI DINH DƯỠNG HỢP LÝ



Nái khỏe mạnh, bền bỉ



Năng suất sinh sản cao (nhiều con, con khỏe, đồng đều)



Sản lượng sữa cao – nuôi con tốt



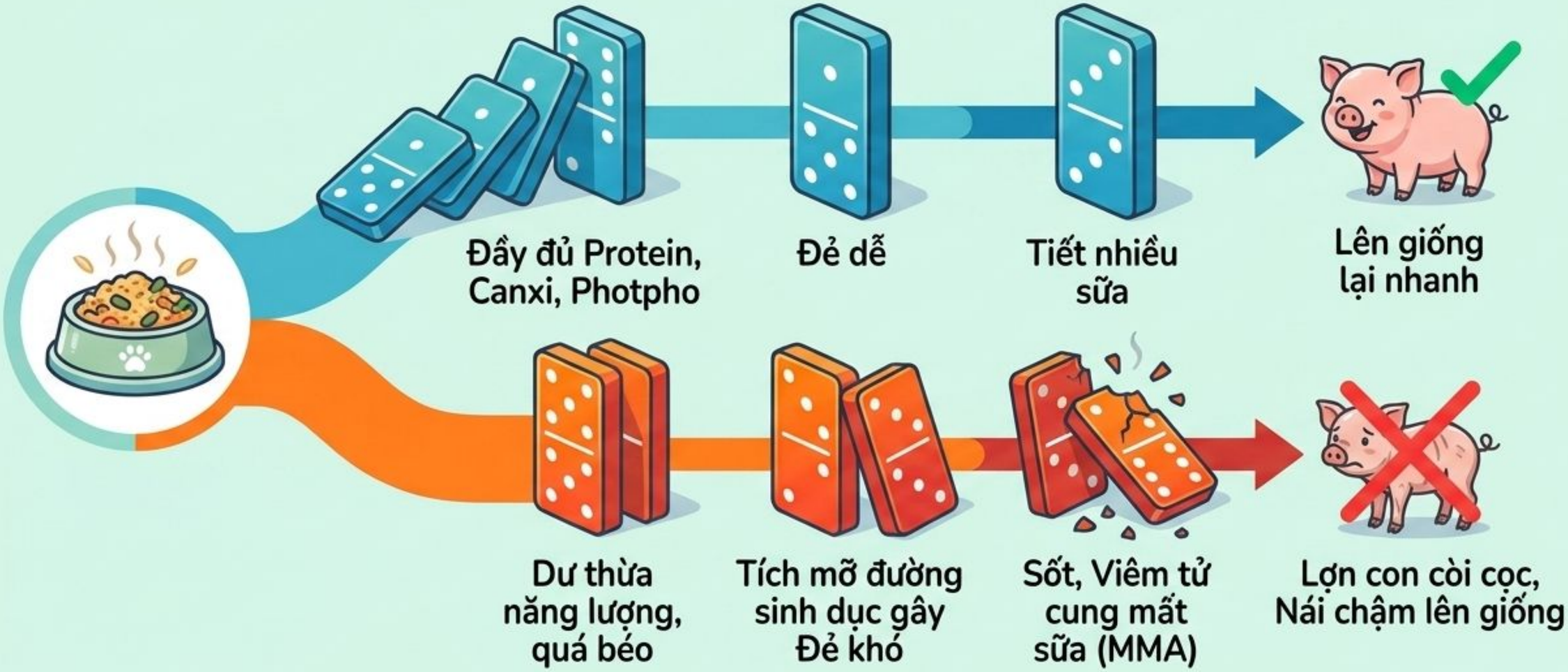
Tăng trưởng nhanh, hiệu quả kinh tế cao



An toàn sinh học, bền vững

Dinh Dưỡng Dẫn Dắt Sinh Lý: Hiệu Ứng Domino

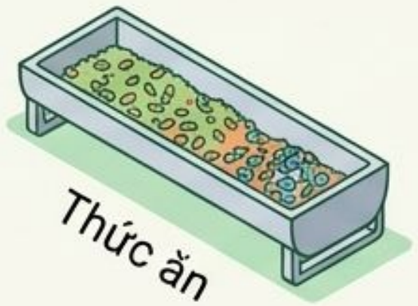
Quản lý thể trạng không chỉ là câu chuyện cân nặng, đó là chuỗi phản ứng sinh tồn.



NotebookLM

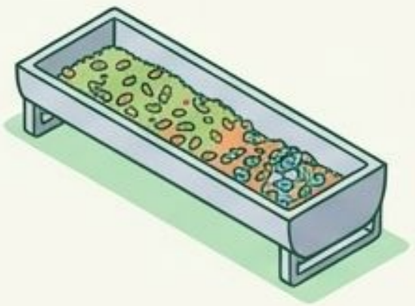
Dinh dưỡng phải dịch chuyển theo từng giai đoạn.





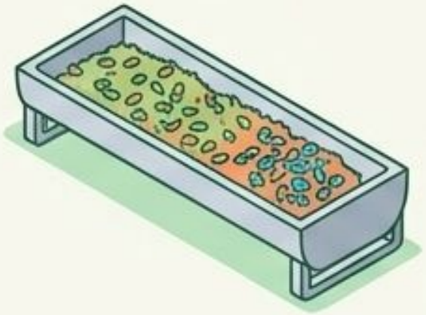
Hậu bị: Tập trung phát triển khung xương & cơ quan sinh dục.





Mang thai: Nuôi thai & kiểm soát mỡ (tránh béo phì).





Nuôi con (8 bé): Thúc đẩy tiết sữa & hạn chế hao mòn.





Nuôi con (12 bé): Nhu cầu tăng vọt. Cần bù đắp năng lượng khổng lồ.

Góc nhìn thực tế: Khẩu phần cho nái nuôi 12 con phải khác nái nuôi 8 con. Cào bằng thức ăn sẽ làm lợn n

NotebookLM

Bảng 1. Chế độ cho ăn của lợn nái sinh sản theo từng giai đoạn

Giai đoạn	Khối lượng thức ăn (kg/con/ngày)	Mục tiêu
Sau cai sữa → phối giống	3,5–4,5	Kích thích động dục, tăng số trứng rụng
Mang thai 1–30 ngày	2,0–2,3	Giúp phôi bám chắc, hạn chế chết phôi
Mang thai 31–84 ngày	2,2–2,5	Duy trì thể trạng, nuôi thai
Mang thai 85–110 ngày	2,8–3,2	Thai phát triển mạnh, tích lũy dinh dưỡng chuẩn bị tiết sữa
Mang thai 111–114 ngày (trước đẻ 3–5 ngày)	1,5–2,0	Giảm táo bón, giảm khó đẻ
Ngày đẻ	0–1,5	Chỉ cho ăn ít sau khi đẻ xong
Sau đẻ ngày 1	2,0	
Sau đẻ ngày 2	3,0	
Sau đẻ ngày 3	4,0	
Sau đẻ ngày 4	5,0	
Từ ngày thứ 5 đến cai sữa	Ăn tự do hoặc 6–8 kg + 0,35–0,45 kg/con con bú	Tối đa hóa sản lượng sữa

Lưu ý: Công thức thường dùng tại các trại công nghiệp:

Lượng cám/ngày = 2,5 kg + (0,4 kg × số con đang bú)

Ví dụ:

- 10 con bú → 6,5 kg/ngày
- 12 con bú → 7,3 kg/ngày
- 14 con bú → 8,1 kg/ngày

Khuyến cáo điều chỉnh lượng ăn trước, trong và sau khi đẻ nhằm bảo đảm sức khỏe nái và tiết sữa tốt cũng phù hợp với hướng dẫn thực hành chăn nuôi lợn an toàn, bền vững.

Bảng 2. Tiêu chuẩn dinh dưỡng khẩu phần lợn nái

Chỉ tiêu	Mang thai	Nuôi con
Năng lượng trao đổi (ME)	3.200–3.300 kcal/kg	3.250–3.350 kcal/kg
Protein thô	13–15 %	16–18 %
Lysine tổng số	0,60–0,75 %	0,90–1,05 %
Methionine	0,25–0,35 %	0,35–0,45 %
Methionine + Cystine	0,50–0,60 %	0,60–0,70 %
Threonine	0,50–0,60 %	0,65–0,75 %
Tryptophan	0,16–0,20 %	0,20–0,25 %
Canxi	0,80–1,00 %	0,80–1,00 %
Phospho tổng số	0,60–0,70 %	0,60–0,70 %
Muối (NaCl)	0,30–0,40 %	0,30–0,40 %
Chất xơ thô	5–8 %	3–5 %

Những điểm cần lưu ý

1. **Từ 85 ngày mang thai đến khi đẻ là giai đoạn thai phát triển nhanh nhất**, chiếm khoảng 65–70% khối lượng sơ sinh của thai, vì vậy không được cắt giảm dinh dưỡng.
2. **3–5 ngày trước đẻ cần giảm lượng cám nhưng không giảm nước**, đồng thời tăng chất xơ để hạn chế táo bón và khó đẻ.
3. **5 ngày đầu sau đẻ phải tăng lượng cám từ từ**, tránh bội thực và rối loạn tiêu hóa.
4. **Từ ngày thứ 5 sau đẻ nên cho ăn tối đa theo khả năng thu nhận**, vì đây là giai đoạn quyết định sản lượng sữa và tốc độ tăng trưởng của đàn con.
5. **Độc tố nấm mốc (DON, ZEA, aflatoxin)** có thể làm giảm lượng ăn, tăng tỷ lệ sảy thai, thai chết lưu và ảnh hưởng chất lượng sữa, nên cần kiểm soát nguyên liệu và sử dụng chất hấp phụ độc tố khi cần thiết.

QUY TRÌNH CHĂN NUÔI LỢN HẬU BỊ THEO HƯỚNG AN TOÀN SINH HỌC

HẬU BỊ KHỎE – SINH SẢN TỐT – NĂNG SUẤT CAO – HIỆU QUẢ BỀN VỮNG

1 CHỌN NGUỒN HẬU BỊ



- Chọn từ đàn giống uy tín, khỏe mạnh, không mang mầm bệnh.
- Nguồn gốc rõ ràng, hồ sơ đầy đủ.
- Ưu tiên cùng dòng, cùng trại để dễ quản lý.

2 CÁCH LY – KIỂM TRA SỨC KHỎE (2–4 TUẦN)



- Cách ly riêng biệt.
- Theo dõi thân nhiệt, ăn uống, dấu hiệu bệnh.
- Tiêm phòng, tẩy giun theo chương trình.
- Đạt yêu cầu mới nhập trại hậu bị.

3 NUÔI DƯỠNG TỪ 30–70 KG



- Thức ăn đầy đủ dinh dưỡng, ưu tiên phát triển khung xương.
- Mật độ phù hợp, chuồng trại sạch sẽ, thoáng mát.
- Theo dõi tăng trọng, tình trạng sức khỏe.

4 NUÔI DƯỠNG TỪ 70–120 KG



- Dinh dưỡng cân đối giúp phát triển thể khung, mông nở, chân vững.
- Tăng cường vận động.
- Kiểm soát ký sinh trùng, tiêm phòng đầy đủ.

5 CHỌN LỌC LOẠI THẢI (120–150 KG)



- Ngoại hình: 14 núm vú trở lên, đều, không dị tật.
- Chân, móng, dáng đi bình thường.
- Loại thải: kém phát triển, dị tật, núm vú ít, bệnh mãn tính.

6 PHỐI GIỐNG (150–200 KG)



- Theo dõi động dục 2 lần/ngày.
- Phối giống lần 1: 12–24h sau khi phát hiện động dục.
- Phối lại lần 2: sau 12–18h.
- Ghi chép đầy đủ.

7 QUẢN LÝ TRƯỚC KHI NHẬP ĐÀN NÁI



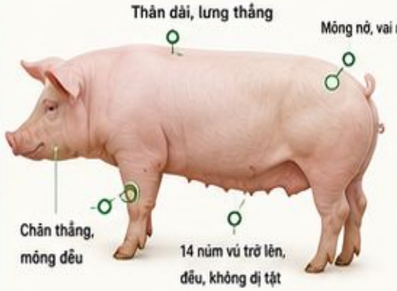
- Kiểm tra chửa (18–25 ngày sau phối).
- Tiêm phòng nhắc lại theo chương trình.
- Tẩy giun, bổ sung khoáng – vitamin.
- Chuẩn bị chuồng trại sạch sẽ, sẵn sàng nhập đàn.

MỤC TIÊU

NÁI KHỎE MẠNH
SẮC DỤC TỐT
ĐẺ NHIỀU
NUÔI CON GIỎI



TIÊU CHUẨN HẬU BỊ ĐẠT YÊU CẦU



- Tăng trọng bình quân tốt.
- Ăn khỏe, lông bóng mượt.
- Không dị tật, không bệnh.
- Tính tình hiền, nhanh nhẹn.
- 14 núm vú trở lên, đều, phát triển tốt.

CHƯƠNG TRÌNH DINH DƯỠNG THAM KHẢO

GIAI ĐOẠN	KHỐI LƯỢNG (KG)	MỤC TIÊU	KHẨU PHẦN THỨC ĂN (KG/con/ngày)	GHI CHÚ
Hậu bị nhỏ	30 – 70	Phát triển khung xương, tăng trọng nhanh	1,6 – 2,0	Protein 16–17% Năng lượng 2.900–3.100 Kcal/kg
Hậu bị trung bình	70 – 120	Hoàn thiện khung, tăng tích lũy nạc	2,0 – 2,4	Protein 14–15% Năng lượng 2.900–3.050 Kcal/kg
Hậu bị lớn	120 – 150	Chuẩn bị phối giống	2,2 – 2,6	Protein 13–14% Năng lượng 2.800–3.000 Kcal/kg
Hậu bị chửa	(sau phối)	Duy trì thể trạng, phát triển thai tốt	2,0 – 2,4	Protein 12–13% Bổ sung khoáng, vitamin đầy đủ

LỊCH TIÊM PHÒNG, TẨY GIUN THAM KHẢO

THỜI ĐIỂM	NỘI DUNG
Khi nhập trại	Tẩy giun, tiêm phòng dịch tả, tụ huyết trùng, Parvo...
30–60 ngày sau	Nhắc lại vắc xin: Dịch tả, Tai xanh (PRRS), Phó thương hàn...
Trước khi phối	Nhắc lại đầy đủ vắc xin theo chương trình trại.
Định kỳ 6 tháng/lần	Tẩy giun sán.

NGUYÊN TẮC AN TOÀN SINH HỌC

- Hạn chế người lạ ra vào khu vực chăn nuôi.
- Thực hiện sát trùng, thay đồ, đi qua hố sát trùng.
- Vệ sinh chuồng trại sạch sẽ, định kỳ.
- Không dùng chung dụng cụ, phương tiện với trại khác.
- Ghi chép đầy đủ, theo dõi và đánh giá thường xuyên.



LƯU Ý QUAN TRỌNG

- Hậu bị quyết định 70% hiệu quả của đàn nái.
- Không phối giống khi chưa đạt khối lượng và thể trạng.
- Quản lý tốt giai đoạn hậu bị giúp tăng năng suất, giảm chi phí.



ĐẦU TƯ CHO HẬU BỊ HÔM NAY
LÀ NỀN TẢNG CHO NĂNG SUẤT NGÀY MAI



AN TOÀN SINH HỌC – NỀN TẢNG CỦA CHĂN NUÔI HIỆU QUẢ VÀ BỀN VỮNG!

QUY TRÌNH THỤ TINH NHÂN TẠO CHO LỢN

THỤ TINH ĐÚNG KỸ THUẬT – NÂNG CAO TỶ LỆ ĐẬU THAI – TĂNG NĂNG SUẤT ĐÀN LỢN

AN TOÀN SINH HỌC

BIOSECURITY

1 CHUẨN BỊ DỤNG CỤ VÀ VỆ SINH



- Dụng cụ sạch, vô trùng.
- Pha dung dịch sát trùng.
- Kiểm tra nhiệt kế, giấy lau, khăn giấy, gel bôi trơn, bao tay.

2 KIỂM TRA TINH DỊCH TRƯỚC KHI SỬ DỤNG



- Kiểm tra màu sắc, thể tích, độ đặc, độ di động.
- Tinh dịch đạt yêu cầu: ≥ 70% tinh trùng tiến tới, không dị dạng.

3 PHA LOÃNG TINH DỊCH VÀ ĐÓNG GÓI



- Pha loãng theo tỷ lệ phù hợp.
- Đóng vào túi hoặc ống catheter (80 – 100 ml/liều).
- Ghi nhãn: ngày lấy, mã lợn, số lô, hạn sử dụng.

4 BẢO QUẢN TINH DỊCH



- Bảo quản ở nhiệt độ 15 – 18°C.
- Sử dụng trong 2 – 3 ngày.
- Tránh rung lắc, ánh sáng trực tiếp.

5 PHÁT HIỆN LỢN NÁI ĐỘNG DỤC



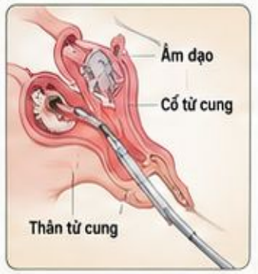
- Dấu hiệu: đứng yên khi có lợn đực nhảy, âm hộ sưng đỏ, dịch nhầy trong.
- Thời điểm phối tốt nhất: 12 – 24 giờ sau khi nái đứng yên.

6 CỐ ĐỊNH LỢN NÁI



- Cho nái vào chuồng phối.
- Cố định chắc chắn, tạo tư thế đứng vững.
- Vệ sinh âm hộ bằng khăn sạch.

7 ĐƯA DỤNG CỤ VÀO CỔ TỬ CUNG



- Đưa catheter qua âm đạo, qua cổ tử cung vào thân tử cung.
- Tránh đưa vào quá sâu.
- Giữ nhẹ nhàng, tránh gây tổn thương.

8 BƠM TINH DỊCH VÀO TỬ CUNG



- Bơm từ từ toàn bộ tinh dịch vào tử cung.
- Rút catheter ra nhẹ nhàng, xoay nhẹ khi rút.

9 MASSAGE VÀ THEO DÕI NÁI



- Massage nhẹ vùng mông 2 – 3 phút.
- Cho nái nghỉ yên tĩnh 30 – 60 phút.

10 GHI CHÉP VÀ QUẢN LÝ

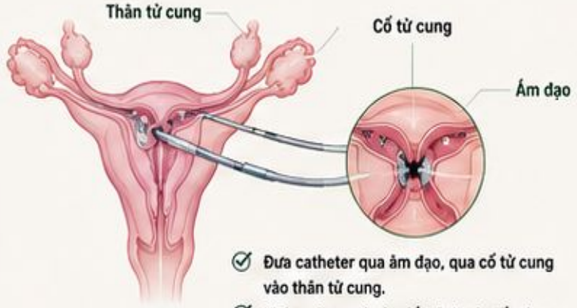


- Ghi chép đầy đủ: ngày giờ phối, mã nái, mã tinh.
- Theo dõi dấu hiệu động dục lại sau 18 – 24 ngày.
- Kiểm tra chửa sau 30 – 35 ngày.

DỤNG CỤ THỤ TINH NHÂN TẠO



VỊ TRÍ ĐƯA TINH DỊCH VÀO TỬ CUNG



- Đưa catheter qua âm đạo, qua cổ tử cung vào thân tử cung.
- Không đưa quá sâu để tránh gây tổn thương.

THỜI GIAN PHỐI GIỐNG HỢP LÝ



KHUYẾN NGHỊ

- Phối 2 lần/nái để tăng tỷ lệ thụ thai.
- Giữ bao tinh dịch ấm trong quá trình thao tác.
- Không sử dụng tinh dịch quá hạn hoặc chất lượng kém.
- Vệ sinh, sát trùng dụng cụ và chuồng trại thường xuyên.

LỢI ÍCH CỦA THỤ TINH NHÂN TẠO

- Tận dụng tối đa tinh đực giống tốt.
- Giảm nguy cơ lây truyền bệnh.
- Tiết kiệm chi phí nuôi đực giống.
- Nâng cao năng suất và hiệu quả chăn nuôi.

LƯU Ý QUAN TRỌNG

- Chỉ phối khi nái có dấu hiệu động dục rõ ràng.
- Thao tác nhẹ nhàng, tránh gây stress cho nái.
- Thực hiện đúng kỹ thuật – tăng tỷ lệ đậu thai.

THỤ TINH ĐÚNG KỸ THUẬT – ĐÀN LỢN KHỎE MẠNH – NĂNG SUẤT VƯỢT TRỘI

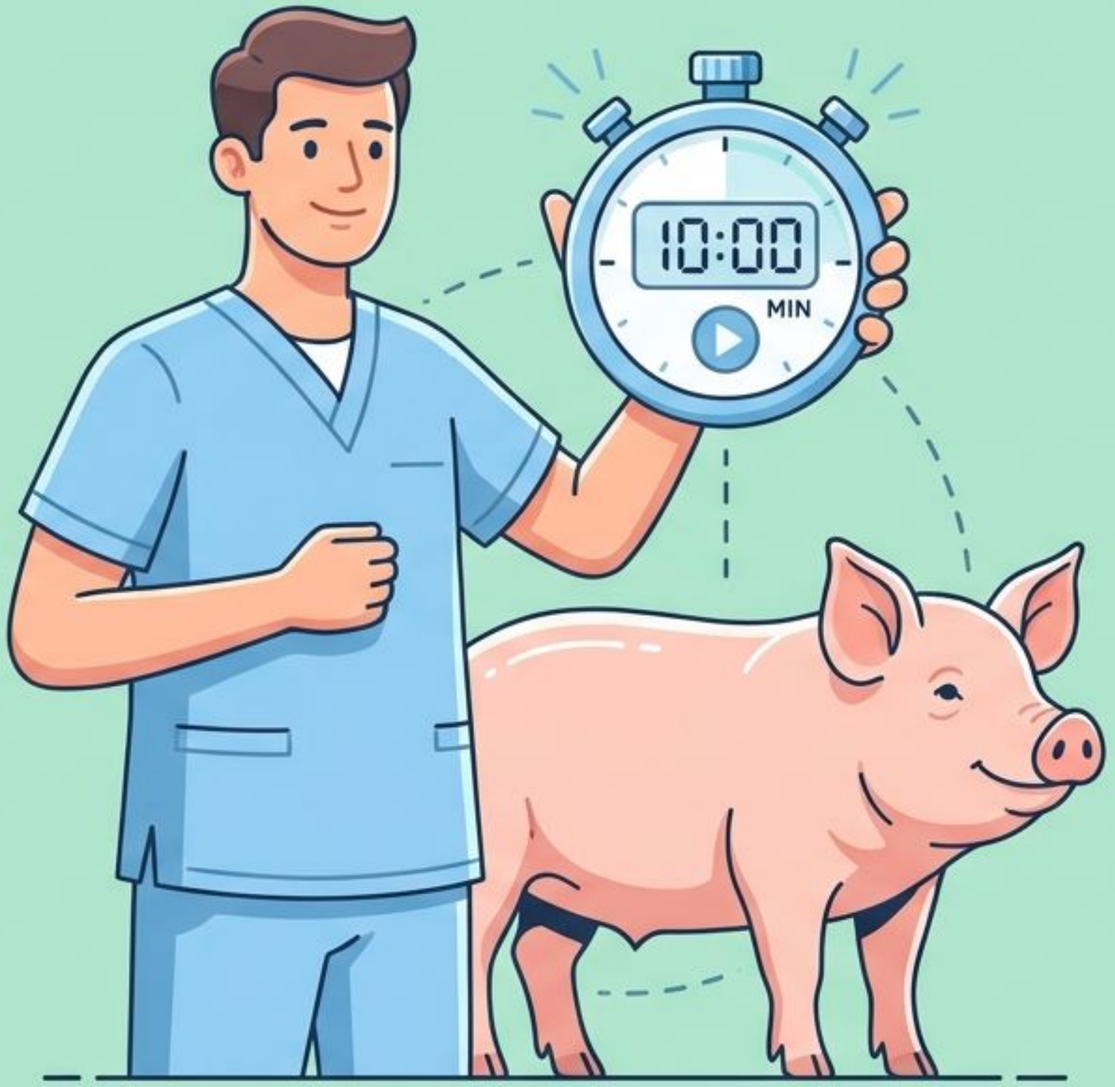
AN TOÀN SINH HỌC | TINH DỊCH CHẤT LƯỢNG | ĐÚNG THỜI ĐIỂM | ĐÚNG KỸ THUẬT | HIỆU QUẢ CAO



Đọc trong 10 phút | Dành cho Bác sĩ thú y & Sinh viên

Bí quyết Thụ thai 95%: Kỹ thuật Thụ tinh nhân tạo (TTNT) trên Lợn

Hướng dẫn trực quan từ sinh lý học đến thực hành lâm sàng.



NotebookLM

Đích đến của chúng ta là gì?

Một quy trình TTNT hoàn hảo, đồng bộ trên nái cao sản sẽ mang lại những con số trong mơ:



Làm sao để chúng ta đạt được những con số này? Mọi thứ bắt đầu từ khâu tuyển chọn...

NotebookLM

Tuyển chọn nái: Nền tảng của sự thành công

Lợn Hậu Bị

- 🎂 **Tuổi**: 220–250 ngày
- ⚖️ **Cân nặng**: 135–150 kg (Landrace/Yorkshire) | 145–160 kg (Duroc)
- 🔁 **Lịch sử**: Đã lên giống ≥ 2 lần (Chỉ phối ở lần 2 hoặc 3)
- 🌟 **Thể trạng (BCS)**: 3/5

Nái Sau Cai Sữa

- ⏱️ **Thời gian**: 4–6 ngày sau cai sữa
- 🫀 **Tử cung**: Hồi phục hoàn toàn
- 💪 **Thể trạng**: Ăn khỏe, sức khỏe tốt, không sốt

🚫 **TUYỆT ĐỐI KHÔNG PHỐI:** Nái quá béo/quá gầy, viêm tử cung/âm đạo, đang sốt hoặc đang điều trị kháng sinh.

NotebookLM

"Flushing" - Nạp năng lượng trước giờ G

7-14 ngày trước phối: Tăng khẩu phần ăn (Flushing).

Mức tăng: 0,5 – 1 kg thức ăn/ngày.

Ngày 0



Tăng số lượng trứng rụng

Tăng số con sơ sinh

Tăng tỷ lệ thụ thai

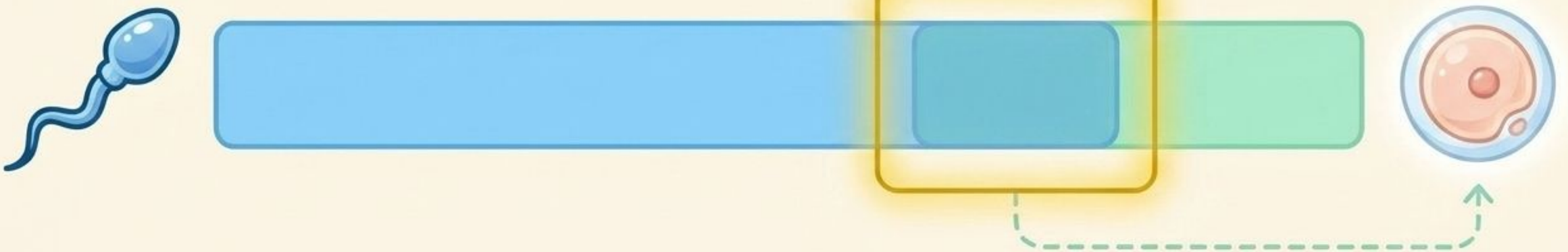
📉 Ngay sau khi phối: Quay lập tức về khẩu phần bình thường!

NotebookLM

Khung giờ vàng (The Golden Window)

Tinh trùng sống dai, chờ đợi: 24 - 36 giờ

Trứng có tuổi thọ rất ngắn: 8 - 12 giờ



Tinh trùng phải nằm sẵn trong tử cung TRƯỚC KHI trứng rụng từ 4 - 6 giờ!

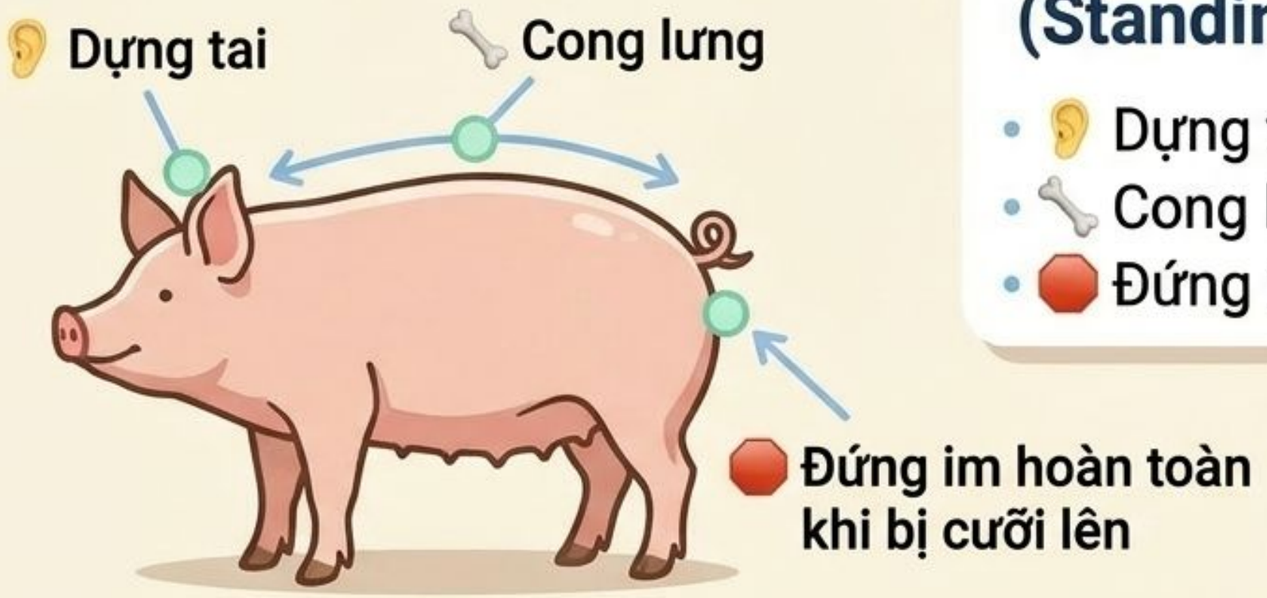
NotebookLM

Bắt mạch thời điểm vàng



Giai đoạn đầu (Chưa vội!)

Âm hộ sưng, đỏ, tiết dịch nhầy.



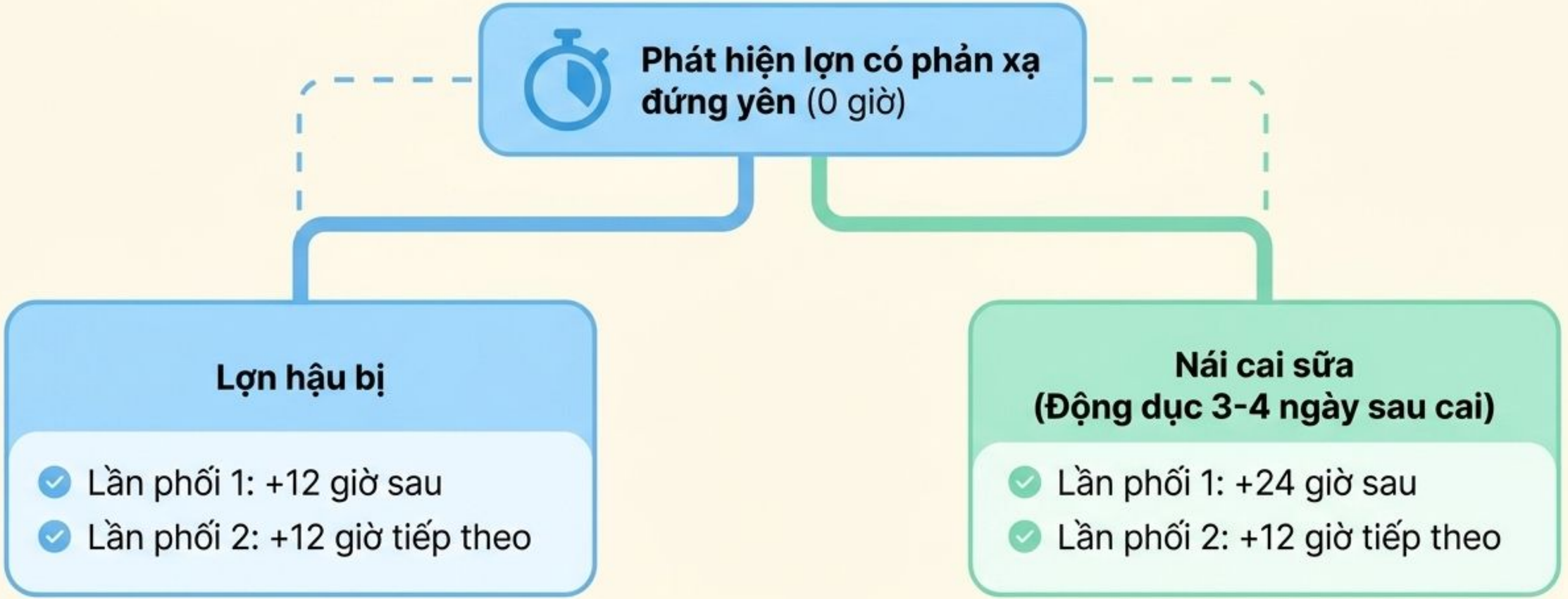
Giai đoạn Đỉnh điểm - Phản xạ đứng (Standing Reflex)

- Dựng tai
- Cong lưng
- Đứng im hoàn toàn khi bị cưỡi lên

Kiểm tra 2 lần/ngày (6-7h sáng & 16-17h chiều). **Phải có đực thí tình đi kèm!** (Tăng hiệu quả phát hiện thêm 20-30%).

NotebookLM

Góc nhìn lâm sàng: Quyết định thời điểm bơm tinh



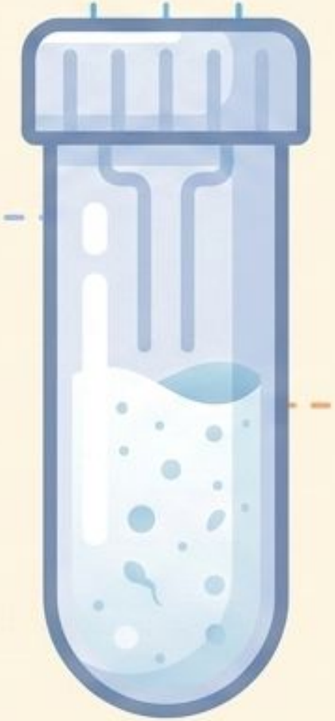
🕓 **Ngoại lệ:** Nếu nái động dục kéo dài (lên tới 60 giờ), có thể áp dụng lịch phối 3 lần: 0h - 12h - 24h.

NotebookLM

Vật liệu tinh túy: Quản lý tinh dịch

≥ 2,5–3 tỷ tinh trùng sống

Hoạt lực > 70% | Dị hình thấp | Không nhiễm khuẩn



Bảo quản:

- Nhiệt độ chuẩn: 16 – 18°C
- Tuyệt đối không dưới 12°C hoặc trên 25°C.

Trước khi phối:

- Lắc nhẹ nhàng (Không xóc mạnh).
- Ủ ấm ở 30 - 35°C trong 10-15 phút để đánh thức tinh trùng.

NotebookLM

Thao tác Nhẹ nhàng & Chậm rãi

1. Vệ sinh

Rửa sạch, lau khô âm hộ. Không dùng sát trùng mạnh làm chết tinh.

2. Đặt Catheter

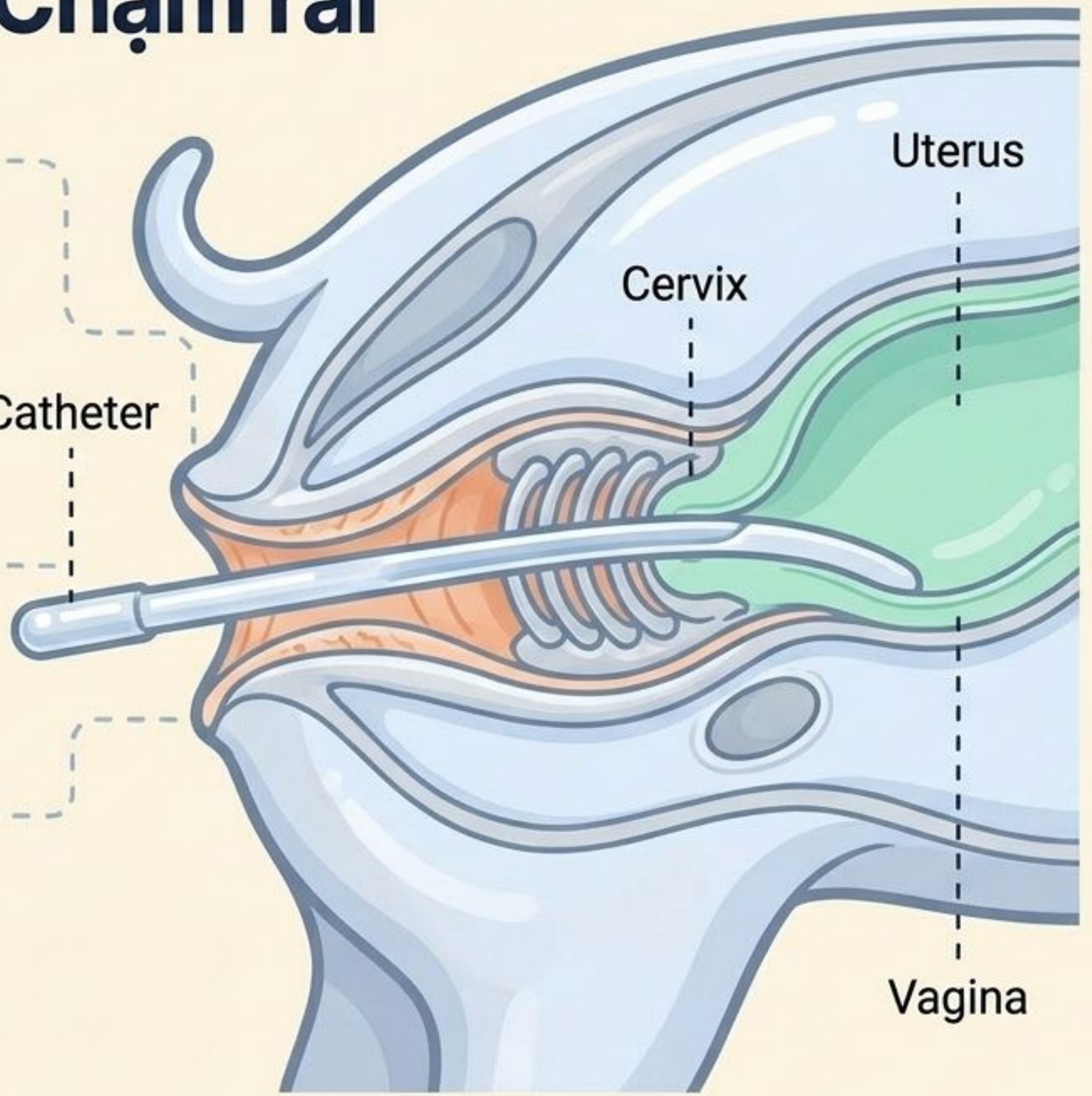
Đưa nhẹ nhàng, hướng lên trên, xoay theo chiều kim đồng hồ.

🎯 **Dấu hiệu đúng:** Cảm giác ống bị khóa lại ở cổ tử cung.

3. Bơm tinh

⏳ Thời gian vàng: 3 - 5 phút.

❌ **Không bóp mạnh chai tinh!** Để tinh tự chảy vào nhờ lực hút của tử cung.



NotebookLM

Tình huống thực tế: Hiện tượng Trào tinh và Cách xử lý



- Phối quá sớm.
- Bóp chai bơm quá nhanh / dồn ép.
- Cắm sai vị trí Catheter (chưa khóa cổ tử cung).
- Nái vận động mạnh, giật mình.

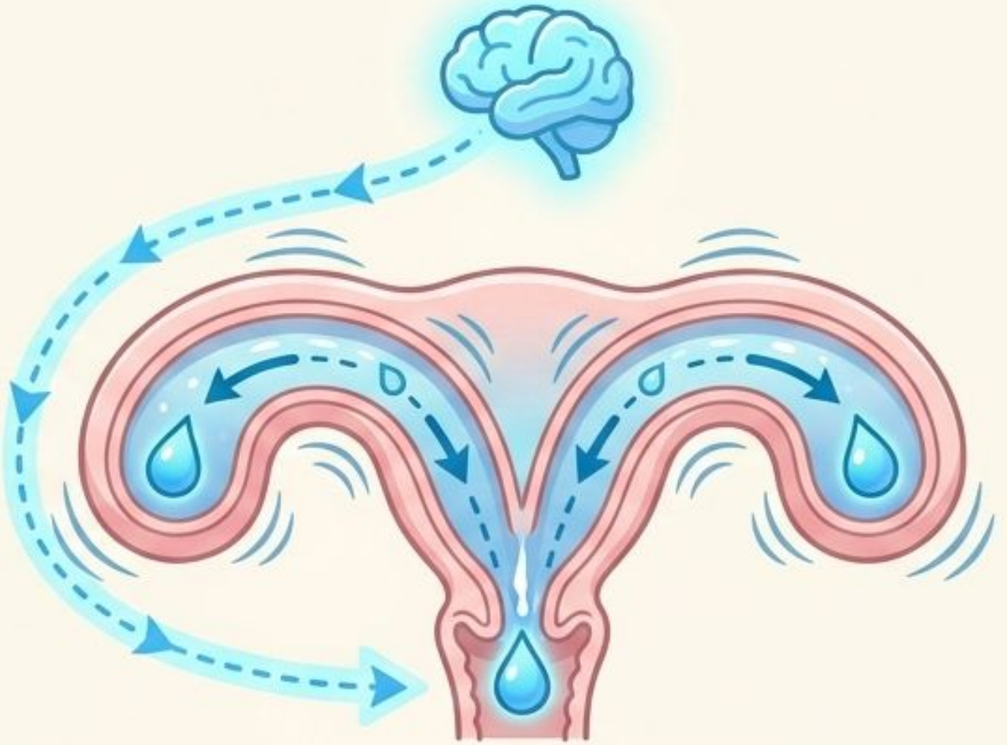
- Giữ nái đứng yên hoàn toàn trong suốt quá trình.
- Bơm chậm rãi, để tinh dịch tự chảy.

Mẹo vàng: Sau khi bơm hết, giữ nguyên Catheter thêm 3-5 phút rồi mới rút ra từ từ.

NotebookLM

Oxytocin: Người vận chuyển tự nhiên

Oxytocin làm tử cung co bóp, hút tinh dịch sâu vào sừng tử cung.



Kích thích tự nhiên:



- Có lợn đực thí tình đứng trước mặt.
- Massage hông và lưng liên tục trong lúc phối. Hiệu quả thụ thai tăng rõ rệt!

Can thiệp nhân tạo:



KHÔNG nên lạm dụng tiêm Oxytocin trong các ca phối giống thông thường.

NotebookLM

3 - 5 Ngày Đầu: Giai đoạn Thiền định làm tổ

Phôi thai đang di chuyển và làm tổ, cực kỳ nhạy cảm với stress.

🚫 Tuyệt đối KHÔNG:



- Chuyển chuồng, vận chuyển đường dài.
- Nhập đàn để lợn đánh nhau.
- Tiêm phòng, tẩy giun hoặc gây stress mạnh.

✅ ĐẢM BẢO:



- Nhiệt độ mát mẻ, thông thoáng (18–24°C).
- Cho ăn vừa phải (Tuyệt đối không tăng khẩu phần đột ngột lúc này).

NotebookLM

Hãy thử nghĩ xem... Vì sao ổ đẻ ít con?

Căn sai giờ: Phối quá sớm hoặc quá muộn so với lúc rụng trứng.

Thiếu vi chất: Thiếu hụt Vitamin A, E, Selen, Kẽm, Mangan ảnh hưởng đến trứng và phôi.



Số lượng con sơ sinh sụt giảm nghiêm trọng

Sốc nhiệt: Chuồng quá nóng (>30°C) làm chết phôi.

Stress môi trường: Chuyển chuồng/ tiêm phòng ngay sau khi phối.

Chất lượng tinh: Tinh bảo quản sai nhiệt độ, bảo quản quá lâu.

NotebookLM

📌 Ý CHÍNH CẦN NHỚ: Checklist 10 Bước Chuẩn Hóa

- ✓ 1. Khám động dục 2 lần/ngày (có đực thí tình).
- ✓ 2. Chỉ phối khi có phản xạ đứng im rõ rệt.
- ✓ 3. Căn giờ: Hậu bị (+12h). Nái rạ (+24h).
- ✓ 4. Phối nhắc lại lần 2 sau 12 giờ.
- ✓ 5. Ủ ấm tinh ở 30-35°C trước khi phối.
- ✓ 6. Bơm cực chậm (3-5 phút), tuyệt đối không ép bóp.
- ✓ 7. Luôn có đực kích thích & massage lưng khi phối.
- ✓ 8. Giữ catheter 3-5 phút sau khi bơm.
- ✓ 9. Hạn chế stress tuyệt đối trong 3-5 ngày sau phối.
- ✓ 10. Duy trì chuồng mát 18-24°C và đủ vi chất dinh dưỡng.

NotebookLM

Sự Tỉ Mỉ Tạo Nên Phép Màu Sinh Học

Việc đạt được tỷ lệ đậu thai 95% không đến từ may mắn. Nó đến từ sự tôn trọng tuyệt đối nhịp độ sinh lý của con vật và tính chính xác trong từng thao tác lâm sàng.

Hãy áp dụng 10 bước chuẩn hóa này vào trại của bạn ngay hôm nay để thấy sự khác biệt.



Quét để tải về tài liệu
Sổ tay Lâm sàng TTNT.

NotebookLM

QUY TRÌNH CHĂN NUÔI LỢN NÁI GIAI ĐOẠN CHỬA

CHĂN NUÔI AN TOÀN SINH HỌC
NĂNG SUẤT – HIỆU QUẢ – BỀN VỮNG

MỤC TIÊU: Nái khỏe – Thai phát triển tốt – Giảm hao hụt – Năng suất cao

AN TOÀN SINH HỌC
LÀ CHÌA KHÓA THÀNH CÔNG

1 CHUẨN BỊ TRƯỚC PHỐI



- Nái đạt độ tuổi, khối lượng phối giống: 7–8 tháng tuổi, 130–150 kg.
- Kiểm tra sức khỏe tổng quát, loại thải nái kém.
- Tẩy giun, tiêm phòng đầy đủ theo chương trình.
- Bổ sung dinh dưỡng: vitamin, khoáng, đặc biệt là E, Se, A, D3.
- Tắm rửa, vệ sinh sạch sẽ trước khi phối.

Nái khỏe mạnh là nền tảng cho thai kỳ thành công

2 PHỐI GIỐNG



- Phát hiện nái động dục: sưng đỏ âm hộ, bồn chồn, đứng im khi chịu đực.
- Thời điểm phối tốt nhất: sau khi phát hiện động dục 12–24 giờ.
- Phối 2 lần: lần 1 và lần 2 cách nhau 12 giờ.
- Ghi chép đầy đủ: ngày phối, số lần phối, đực phối.

Phối đúng thời điểm tăng tỷ lệ thụ thai và số con sinh ra

3 XÁC ĐỊNH CÓ CHỬA



- Kiểm tra lại nái sau phối 18–24 ngày.
- Dùng que thử thai hoặc siêu âm.
- Ghi nhận và chuyển nái chửa sang khu chuồng phù hợp.

Xác định sớm – chăm sóc đúng

4 CHĂM SÓC – DINH DƯỠNG THEO GIAI ĐOẠN CHỬA

GIAI ĐOẠN CHỬA SỚM (0–30 NGÀY)

- Thai mới hình thành, dễ bị ảnh hưởng.
- Khẩu phần: 2,0 – 2,2 kg thức ăn/con/ngày.
- Dinh dưỡng: đủ năng lượng, đạm, vitamin, khoáng.



GIAI ĐOẠN CHỬA GIỮA (31–84 NGÀY)

- Thai phát triển ổn định.
- Khẩu phần: 2,2 – 2,5 kg thức ăn/con/ngày.
- Bổ sung Ca, P, vi lượng.

GIAI ĐOẠN CHỬA MUỘN (85 NGÀY ĐẾN TRƯỚC ĐẺ)

- Thai phát triển nhanh, nhu cầu dinh dưỡng cao.
- Khẩu phần: 2,5 – 2,8 kg thức ăn/con/ngày.
- Tăng cường đạm, khoáng, vitamin, chất xơ.

Luôn đảm bảo nước sạch, mát cho nái uống tự do.

5 QUẢN LÝ CHUỒNG TRẠI VÀ MÔI TRƯỜNG



- Chuồng sạch, khô ráo, thoáng mát, nhiệt độ thích hợp: 18–28°C.
- Mật độ nuôi phù hợp: 1,6–2,0 m^2/nái.
- Vệ sinh, khử trùng định kỳ.
- Hạn chế tiếng ồn, ánh sáng mạnh, stress.
- Kiểm soát tốt chuột, côn trùng và mầm bệnh.

Môi trường tốt – nái khỏe, thai phát triển ổn định

6 THEO DÕI SỨC KHỎE VÀ QUẢN LÝ



- Theo dõi hàng ngày: ăn uống, đi lại, phân, da, hô hấp.
- Kiểm tra định kỳ: thể trạng, vú, âm hộ, bụng.
- Tiêm phòng đầy đủ theo chương trình: Tai xanh, Parvo, Tụ huyết trùng, PRRS…
- Xử lý kịp thời nái ốm.

Phát hiện sớm – xử lý kịp thời – giảm thiểu rủi ro

7 VẬN ĐỘNG HỢP LÝ



- Cho nái vận động nhẹ nhàng 20–30 phút/ngày.
- Tránh vận động mạnh, nhốt quá chật hoặc nền trơn trượt.
- Vận động giúp nái khỏe mạnh, đẻ dễ và nhiều sữa.

Vận động hợp lý – nái khỏe, đẻ dễ, nuôi con tốt

8 CHUẨN BỊ TRƯỚC ĐẺ



- Chuyển nái về chuồng đẻ trước 5–7 ngày.
- Kiểm tra và vệ sinh chuồng đẻ, đèn sưởi, máng ăn, núm uống.
- Giảm khẩu phần ăn 1–2 ngày trước đẻ, tăng nước uống.
- Theo dõi dấu hiệu sắp đẻ: bầu vú căng, âm hộ sưng, có dịch nhầy, bỏ ăn…

Chuẩn bị tốt – sinh đẻ dễ dàng, con khỏe mạnh

NGUYÊN TẮC VÀNG TRONG GIAI ĐOẠN CHỬA

- ☑ Dinh dưỡng đầy đủ – cân đối
- ☑ Môi trường sạch sẽ – thoải mái
- ☑ Quản lý tốt – theo dõi sát sao
- ☑ Phòng bệnh hơn chữa bệnh
- ☑ Ghi chép đầy đủ – khoa học

NHỮNG ĐIỀU CẦN TRÁNH

- ✗ Cho ăn quá nhiều gây béo, khó đẻ
- ✗ Thay đổi thức ăn đột ngột
- ✗ Stress: nóng, ồn, đánh đập, vận chuyển xa
- ✗ Chuồng bẩn, ẩm ướt, gió lùa
- ✗ Bỏ qua tiêm phòng và tẩy ký sinh trùng

LỊCH TIÊM PHÒNG THAM KHẢO CHO NÁI CHỬA

BỆNH	THỜI ĐIỂM TIÊM
Tai xanh (PRRS)	Trước phối 1 tháng
Parvo	Trước phối 1 tháng
Tụ huyết trùng	Trước phối 2–3 tuần
E.Coli, Phó thương hàn	Trước đẻ 3–4 tuần
Cúm heo (nếu có)	Theo khuyến cáo



Lưu ý: Tuân thủ hướng dẫn của bác sĩ thú y và chương trình tiêm phòng địa phương.

HIỆU QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

- ✓ Tỷ lệ thụ thai cao: > 90%
- ✓ Số con sơ sinh/ổ: 12–14 con
- ✓ Tỷ lệ nuôi sống sau cai sữa: > 85%
- ✓ Giảm chi phí – Tăng lợi nhuận – Phát triển bền vững



AN TOÀN SINH HỌC – NỀN TẢNG CỦA CHĂN NUÔI HIỆU QUẢ VÀ BỀN VỮNG

Cách ly – Kiểm soát ra vào | Vệ sinh – Khử trùng định kỳ | Dụng cụ – Trang thiết bị riêng biệt | Con người – Phương tiện kiểm soát

QUY TRÌNH CHĂN NUÔI LỢN NÁI – GIAI ĐOẠN LỢN ĐẺ

AN TOÀN SINH HỌC
LÀ CHÌA KHÓA THÀNH CÔNG

VỆ SINH – KHỬ TRÙNG
THƯỜNG XUYÊN

MỤC TIÊU: Lợn nái đẻ an toàn – Con sơ sinh khỏe mạnh – Tỷ lệ sống cao – Mau lớn đồng đều

1 CHUẨN BỊ TRƯỚC KHI NÁI ĐẺ



- Vệ sinh, khử trùng chuồng đẻ trước khi nái vào 1–2 ngày.
- Kiểm tra và điều chỉnh chuồng đẻ: máng ăn, máng uống, đèn sưởi, ổ úm, thanh chắn.
- Lót ổ úm khô, sạch (trấu, mùn cưa).
- Đưa nái vào chuồng đẻ trước ngày dự kiến (5–7 ngày), theo dõi biểu hiện chuẩn bị đẻ.

2 DẤU HIỆU NÁI SẮP ĐẺ



- Bầu vú căng, sữa trong.
- Âm hộ sưng, đỏ, có dịch nhầy.
- Náo nục, ăn kém hoặc bỏ ăn.
- Nằm xuống đứng lên liên tục, làm ổ.
- Thời gian đẻ thường sau khi có dấu hiệu 6–24 giờ.

3 QUÁ TRÌNH NÁI ĐẺ – HỖ TRỢ KHI CẦN



- Thời gian đẻ trung bình 2–6 giờ.
- Khoảng cách giữa 2 con 10–30 phút.
- Hỗ trợ khi nái khó đẻ, thai ngược, thai kẹt.
- Sau khi con ra: lau sạch nhớt mũi, miệng, kích thích hô hấp.
- Buộc và cắt rốn cách bụng 2–3 cm, sát trùng rốn bằng cồn i-ốt 5%.

4 CHĂM SÓC LỢN CON SAU SINH



- Lau khô, giữ ấm ngay.
- Cho bú sữa đầu trong 2 giờ đầu sau sinh.
- Tiêm sắt (200 mg Fe/con) trong 1–3 ngày tuổi.
- Cắt răng nanh, mài răng (nếu cần).
- Đuôi (nếu cần), thiến (nếu nuôi).
- Đánh dấu tai theo lứa.

5 QUẢN LÝ NÁI SAU ĐẺ



- Kiểm tra nhau, đảm bảo sổ hết.
- Cung cấp nước ấm sạch ngay sau khi đẻ.
- Cho ăn thức ăn dễ tiêu, tăng dần trong 2–3 ngày.
- Theo dõi thân nhiệt, tình trạng sức khỏe, xử lý viêm vú, táo bón, sốt...
- Giữ chuồng mát về mùa nóng, ấm về mùa lạnh.

6 QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG CHUỒNG ĐẺ

Nhiệt độ
- Lợn con: 30–32°C (tuần đầu)
- Nái: 18–22°C

Độ ẩm 60–70%

Thông thoáng nhưng tránh gió lùa

- Đèn sưởi 24/24h cho lợn con tuần đầu.
- Vệ sinh, thay lót ổ úm thường xuyên.
- Khử trùng chuồng trại định kỳ.

7 THEO DÕI LỢN CON HÀNG NGÀY



- Kiểm tra bú sữa, màu phân, thân nhiệt, tiếng kêu.
- Bổ sung lợn con yếu sang nái khác (cùng lứa, số con).
- Cắt tia móng, vệ sinh chuồng.
- Ghi chép số con sinh ra, số con sống, chết, nguyên nhân.

8 CHUẨN BỊ CAI SỮA



- Tập ăn sớm cho lợn con từ 5–7 ngày tuổi.
- Giảm dần thời gian bú trước khi cai sữa.
- Cai sữa đúng tuổi: 21–28 ngày.

Tuổi cai sữa khuyến cáo: 21 – 28 ngày tuổi

CHĂM SÓC LỢN CON SƠ SINH

1. Lau khô – giữ ấm



Lau sạch nhớt, để nơi ấm, tránh nhiễm lạnh.

2. Cho bú sữa đầu



Sữa đầu giàu kháng thể, giúp tăng sức đề kháng.

3. Sát trùng rốn



Dùng cồn i-ốt 5% sát trùng rốn, phòng nhiễm trùng.

4. Tiêm sắt



200 mg Fe/con trong 1–3 ngày tuổi.

5. Cắt răng – đuôi (nếu cần)



Cắt răng nanh, đuôi, mài răng để tránh cắn.

6. Đánh dấu tai



Đánh dấu tai để nhận biết, quản lý lứa dễ dàng.

DINH DƯỠNG CHO NÁI SAU ĐẺ

Thời gian	Khẩu phần khuyến cáo
Ngày 1	1,5 – 2,0 kg thức ăn dễ tiêu, nhiều nước
Ngày 2 – 3	2,5 – 3,0 kg, tăng dần lượng ăn
Sau ngày 4	3,5 – 5,0 kg tùy số con bú và thể trạng

Luôn có nước sạch mát, đủ và tự do.

Bổ sung điện giải, vitamin, men tiêu hóa khi cần.

THEO DÕI & GHI CHÉP

- ✓ Ngày đẻ, số con sinh ra (sống/chết).
- ✓ Khối lượng sơ sinh (nếu có).
- ✓ Xử lý lợn con (tiêm sắt, cắt răng, thiến...).
- ✓ Tình trạng sức khỏe nái và lợn con hàng ngày.

Ghi chép đầy đủ giúp quản lý tốt và nâng cao hiệu quả chăn nuôi.

MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP



Viêm vú – MMA → Tiêu chảy sơ sinh → Nhiễm trùng rốn → Suy yếu, nhiễm lạnh

PHÒNG BỆNH LÀ CHÍNH

Vệ sinh sạch sẽ | Khử trùng định kỳ | Giữ ấm lợn con | Dinh dưỡng đầy đủ

AN TOÀN SINH HỌC – NỀN TẢNG CỦA CHĂN NUÔI HIỆU QUẢ VÀ BỀN VỮNG

Cách ly – Kiểm soát ra vào | Vệ sinh – Khử trùng định kỳ | Không để người lạ vào khu chăn nuôi | Dụng cụ riêng cho từng khu vực | Quản lý chất thải hợp lý | Quan sát – Phát hiện sớm – Xử lý kịp thời

AN TOÀN SINH HỌC

VI. QUY TRÌNH CHĂN NUÔI LỢN CON GIAI ĐOẠN THEO MẸ

KHỎE MẠNH – TĂNG TRƯỞNG TỐT – TỶ LỆ SỐNG CAO

AN TOÀN SINH HỌC – CHUỒNG SẠCH – CON KHỎE – NĂNG SUẤT CAO

MỤC TIÊU

- Tỷ lệ sống ≥ 95%
- Tăng trọng bình quân 200 – 250 g/con/ngày
- Cai sữa đồng đều, khỏe mạnh
- Hạn chế bệnh, giảm chi phí

1 CHUẨN BỊ TRƯỚC KHI ĐẺ



- Vệ sinh, sát trùng chuồng trại.
- Kiểm tra và chuẩn bị đèn sưởi, ổ úm, máng ăn, núm uống.
- Kiểm tra lợn nái trước khi đẻ, bổ sung dinh dưỡng đầy đủ.

2 ĐỠ ĐẺ & CHĂM SÓC SAU ĐẺ



- Đỡ đẻ nhẹ nhàng, giúp lợn con thở tốt.
- Lau khô, sát trùng rốn (cồn 5%).
- Cho bú sữa đầu trong 24 giờ đầu tiên.

3 GIỮ ẤM CHO LỢN CON



- Nhiệt độ ổ úm: 32 – 34°C (giảm dần mỗi tuần 2 – 3°C).
- Đảm bảo lợn con luôn khô ráo, không bị gió lùa.

4 BÚ SỮA ĐẦU & SỮA MẸ



- Nhiệt đủ giàu kháng thể, giúp tăng miễn dịch.
- Đảm bảo mọi lợn con đều được không đầu trong 24 giờ đầu.

5 CẮT RĂNG – CẮT ĐUÔI BẤM SỐ



- Cắt răng: ngày 2 – 3 sau sinh.
- Cắt đuôi: ngày 2 – 4 sau sinh.
- Bấm số tai để quản lý.
- Sát trùng dụng cụ trước và sau khi thao tác.

6 TIÊM SẮT VÀ PHÒNG BỆNH



- Tiêm sắt 1–2 ml/con, ngày 3 – 5 sau sinh.
- Theo dõi, tiêm phòng theo chương trình của trại.

7 THEO DÕI & CHĂM SÓC HÀNG NGÀY



- Theo dõi sức khỏe lợn con và lợn nái.
- Kiểm tra nhiệt độ, độ ẩm, thay chất độn chuồng khi ướt.
- Đảm bảo lợn con bú đủ, không đè lẫn nhau.

8 BỔ SUNG NƯỚC VÀ TẬP ĂN SỚM



- Từ ngày 5 – 7: cho uống nước sạch (nước ấm).
- Từ ngày 7 – 10: tập ăn thức ăn dễ tiêu, giàu dinh dưỡng.

9 QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG



- Thông thoáng, ánh sáng phù hợp.
- Nhiệt độ thích hợp theo từng giai đoạn.
- Vệ sinh, khử trùng định kỳ.

10 CHUẨN BỊ CAI SỮA



- Tuổi cai sữa: 21 – 28 ngày.
- Tăng cường tập ăn, giảm dần lượng bú.
- Chuyển sang chuồng cai sữa trước khi cai 3 – 5 ngày.

ĐIỀU KIỆN CHUỒNG NUÔI & TRANG THIẾT BỊ

Nhiệt độ:
32 – 34°C (lợn con sơ sinh)
Giảm 2 – 3°C mỗi tuần

Độ ẩm:
60 – 70%

Thông gió:
Không gió lùa, không khí trong lành

Ánh sáng:
Vừa đủ, không chiếu trực tiếp vào ổ úm





ĐÈN SƯỞI



Ổ ÚM



MÁNG ĂN TẬP ĂN



NÚM UỐNG NƯỚC

LỊCH CHĂM SÓC LỢN CON GIAI ĐOẠN THEO MẸ

THỜI GIAN	NHIỆT ĐỘ Ổ ÚM (°C)	CÔNG VIỆC CHÍNH	LƯU Ý
Ngày 1 – 3	32 – 34	Giữ ấm, cho bú sữa đầu, sát trùng rốn, theo dõi sức khỏe	Đảm bảo lợn con bú đủ sữa đầu
Ngày 4 – 7	30 – 32	Tiêm sắt, cắt răng, cắt đuôi, bấm số, giữ chuồng khô ráo	Sát trùng dụng cụ, theo dõi lợn nái
Ngày 8 – 14	28 – 30	Tập uống nước, tập ăn sớm, bổ sung dinh dưỡng cho nái	Thức ăn tập ăn dễ tiêu, sạch sẽ
Ngày 15 – 21	26 – 28	Tăng cường tập ăn, theo dõi tăng trưởng	Giữ ấm, không để lợn con bị lạnh
Ngày 22 – 28	24 – 26	Giảm dần bú sữa mẹ, chuẩn bị cai sữa	Chuyển chuồng trước cai sữa 3 – 5 ngày

Lưu ý: Theo dõi lợn con hàng ngày: hoạt bát, da hồng, bụng nhỏ, phân vàng là khỏe mạnh. Phát hiện và xử lý sớm lợn con yếu, tiêu chảy, viêm phổi...

PHÒNG BỆNH CHO LỢN CON

- Vệ sinh, sát trùng chuồng trại thường xuyên.
- Giữ chuồng khô ráo, thay chất độn chuồng.
- Tiêm phòng đầy đủ theo chương trình.
- Cách ly lợn ốm, điều trị kịp thời.
- Không để người lạ, động vật khác vào khu nuôi.

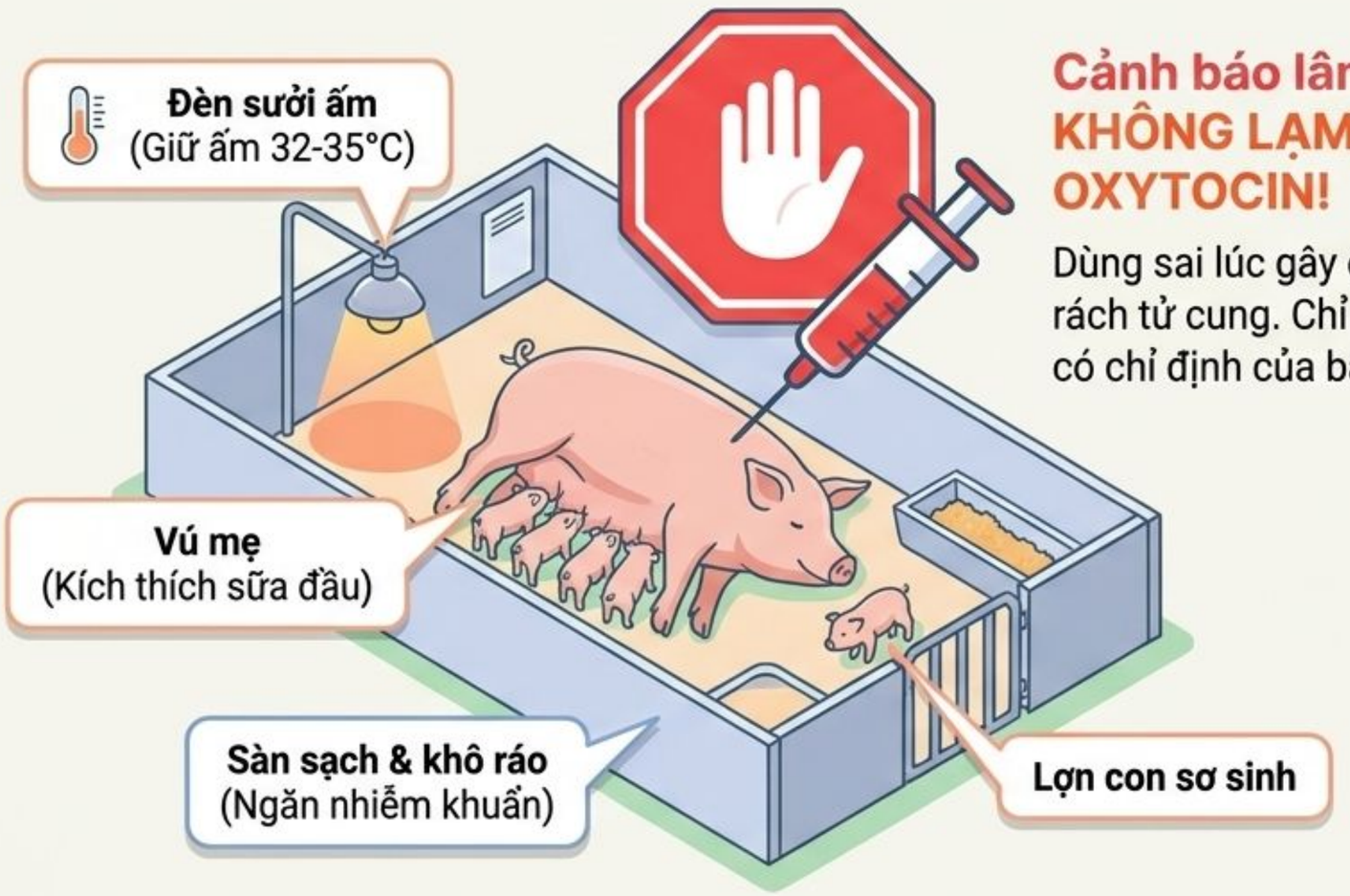
LỢI ÍCH KHI CHĂN NUÔI TỐT GIAI ĐOẠN THEO MẸ

- Lợn con khỏe mạnh, tỷ lệ sống cao
- Tăng trọng nhanh, đồng đều
- Hạn chế bệnh tật, giảm chi phí thuốc
- Hiệu quả kinh tế cao



AN TOÀN SINH HỌC LÀ NỀN TẢNG – CHĂN NUÔI KHOA HỌC LÀ CHÌA KHÓA – THÀNH CÔNG BỀN VỮNG !

Chăm sóc nái đẻ & 24 giờ vàng của lợn con.



Cảnh báo lâm sàng: KHÔNG LẠM DỤNG OXYTOCIN!

Dùng sai lúc gây đẻ khó và rách tử cung. Chỉ dùng khi có chỉ định của bác sĩ.

4 Việc bắt buộc trong 24h đầu

1. **Bú sữa đầu**
(Quyết định kháng thể).
2. **Giữ ấm**
(Chống sốc nhiệt).
3. **Sát trùng rốn**
(I-ốt).
4. **Tiêm sắt**
(Phòng bần huyết).

Thực tế: 20-30% lợn con chết không do virus, mà do lạnh, mẹ đè, hoặc đói sữa đầu.

NotebookLM

24 Giờ Vàng: Kích Hoạt Sinh Mệnh Lợn Con

Những thao tác trong ngày đầu tiên quyết định sức bền của lợn con suốt vòng đời.



Bú sữa đầu



Ủ ấm



Bấm răng
& Cắt đuôi



Tiêm sắt





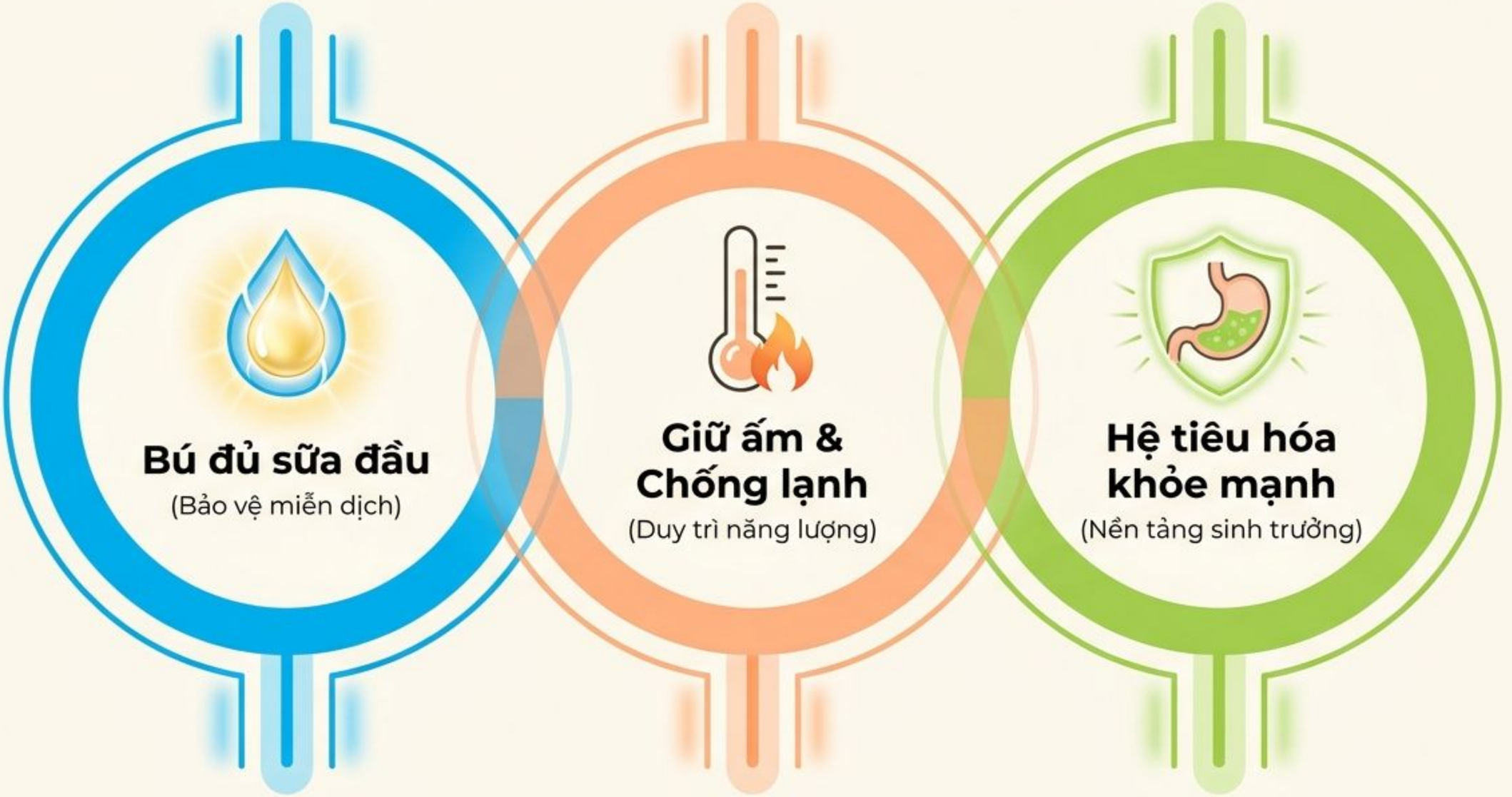
Ghép đàn



Tập ăn sớm

NotebookLM

Ba nguyên tắc vàng quyết định 80-90% tỷ lệ thành công



NotebookLM

TẠI SAO LỢN CON PHẢI BÚ SỮA ĐẦU SỚM NHẤT?

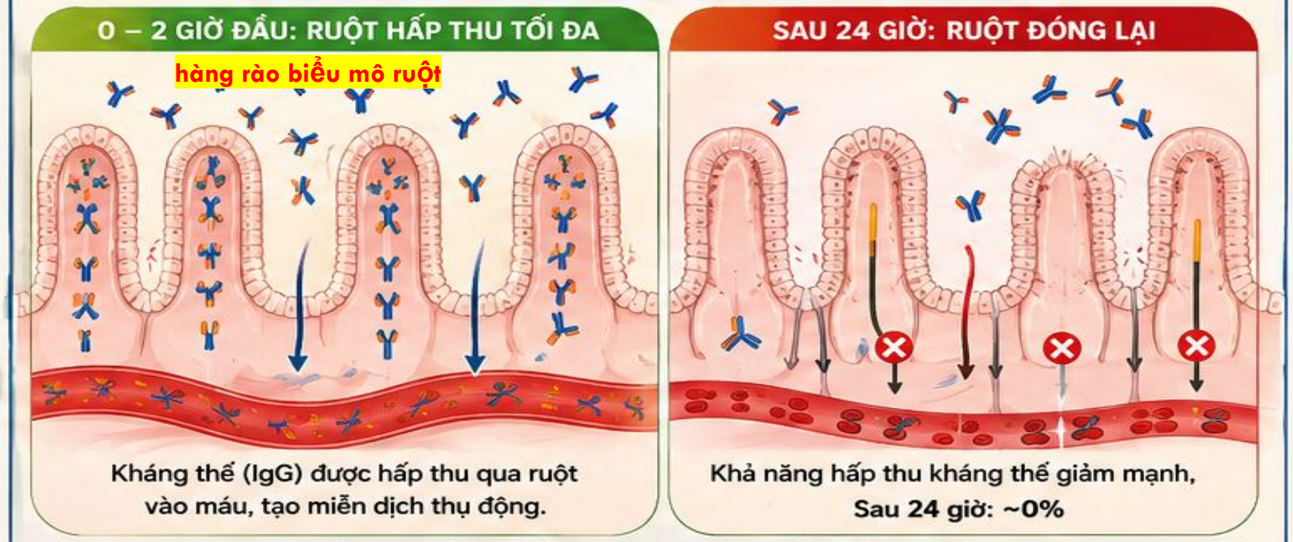
Sữa đầu – "liều vắc xin tự nhiên" và "nguồn sống" cho lợn con

1 SỮA ĐẦU LÀ GÌ?

Sữa đầu (colostrum) là sữa tiết ra trong 24 giờ đầu sau khi lợn nái sinh. Đặc sệt, màu vàng, giàu kháng thể, dinh dưỡng và các yếu tố sống còn.



THỜI GIAN VÀNG: 0 – 2 GIỜ ĐẦU SAU SINH



LỢN CON PHẢI BÚ SỮA ĐẦU TRONG 2 GIỜ ĐẦU TIÊN SAU SINH. HẠN CHÓT LÀ 6 GIỜ!

2 SỮA ĐẦU GIÀU GÌ?

- **Kháng thể (IgG):** Bảo vệ lợn con khỏi vi khuẩn, virus và độc tố.
- **Dinh dưỡng dậm đặc:** Nhiều năng lượng, protein, vitamin, khoáng.
- **Yếu tố tăng trưởng:** Giúp phát triển niêm mạc ruột, tiêu hóa tốt hơn.
- **Enzyme & Hormone:** Hỗ trợ hấp thu, điều hòa sinh lý.
- **Nhuận tràng tự nhiên:** Đào thải phân su, giảm vàng da, giảm nguy cơ táo bón.

3 LỢI ÍCH KHI LỢN CON BÚ SỮA ĐẦU SỚM

- ✓ Tăng sức đề kháng, giảm bệnh tật
- ✓ Giảm tỷ lệ chết, đặc biệt trong 7 ngày đầu
- ✓ Phát triển tốt, tăng trọng nhanh, đồng đều
- ✓ Hệ tiêu hóa khỏe mạnh
- ✓ Giảm chi phí thú y, tăng hiệu quả chăn nuôi

SO SÁNH: BÚ SỮA ĐẦU SỚM VS. MUỘN / KHÔNG BÚ

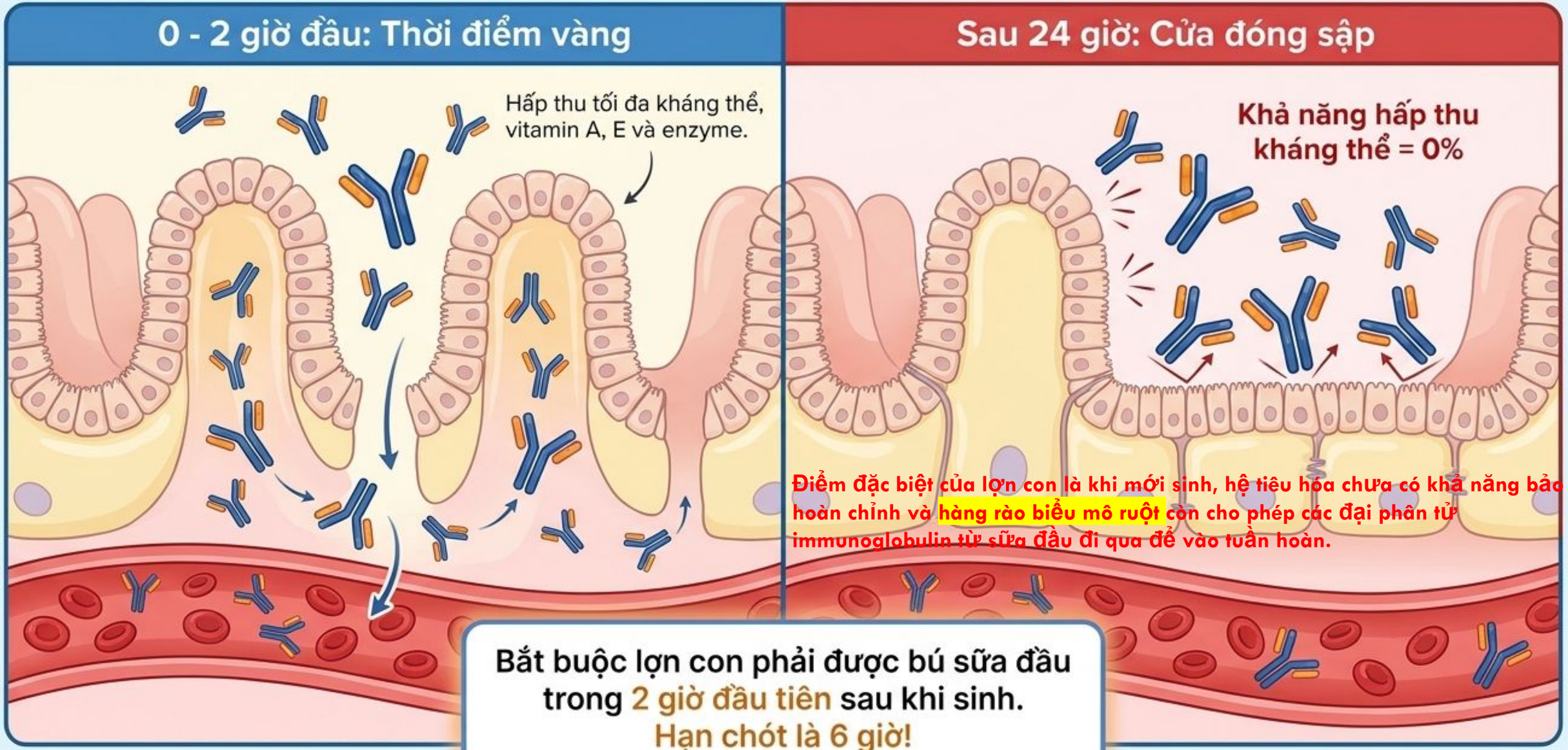


4 LÀM GÌ ĐỂ LỢN CON BÚ SỮA ĐẦU SỚM?



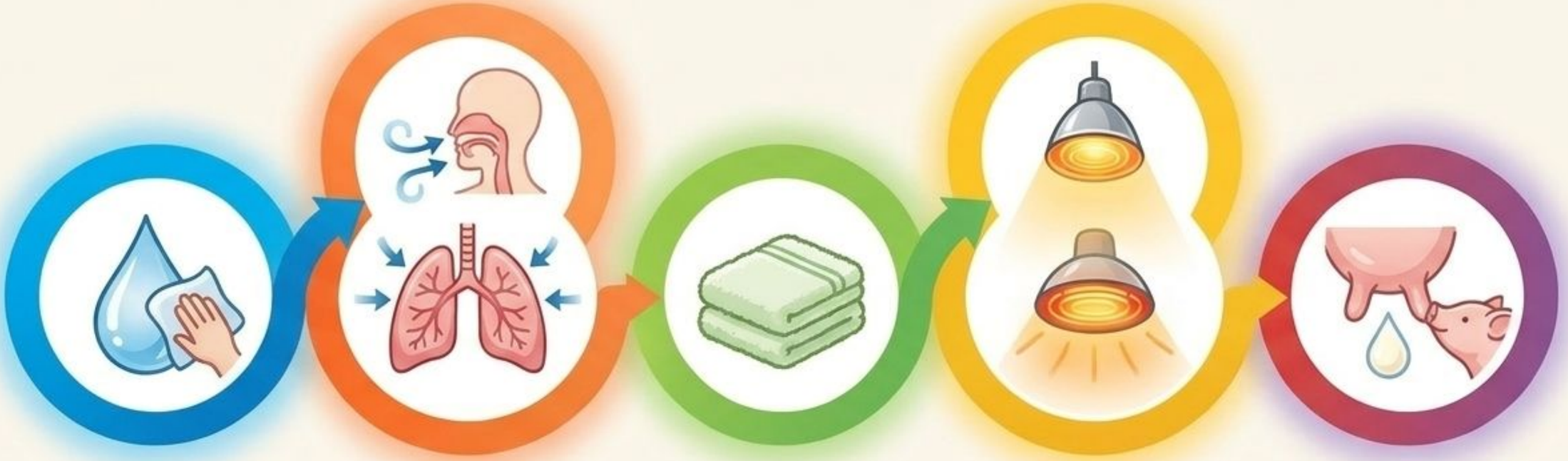
GHI NHỚ: Sữa đầu là **"vắc xin"** tự nhiên không thể thay thế.
Bú sữa đầu sớm – Bước khởi đầu cho một đàn lợn khỏe mạnh và năng suất cao!

Góc nhìn lâm sàng: Tại sao "Sữa Đầu" là cuộc đua với thời gian?



NotebookLM

Quy trình xử lý cấp cứu và chăm sóc trong "24 Giờ Vàng"



Lau sạch nhớt mũi/miệng

Kích thích hô hấp

Lau khô toàn thân

Giữ ấm ngay lập tức

Bú sữa đầu

Chú ý: Nếu bỏ qua bước lau khô -> Lợn con lạnh -> Giảm bú -> Hạ thân nhiệt -> Suy giảm miễn dịch -> Tỷ lệ tử vong cao.

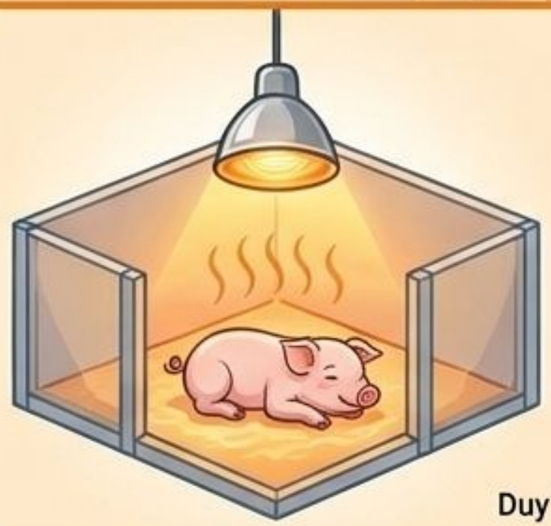
NotebookLM

Nghịch lý nhiệt độ: Mẹ cần mát mẻ, con cần ấm áp

Lợn mẹ: 20–22°C



Nhiệt độ cao làm mẹ giảm ăn, mất sữa.



Nhiệt độ ô úm chuẩn:	
- 0–3 ngày:	32–34°C
- 4–7 ngày:	30–32°C
- Tuần 2:	28–30°C
- Tuần 3:	26–28°C

Duy trì độ ẩm: 60-70% | Khí độc NH3 < 20ppm

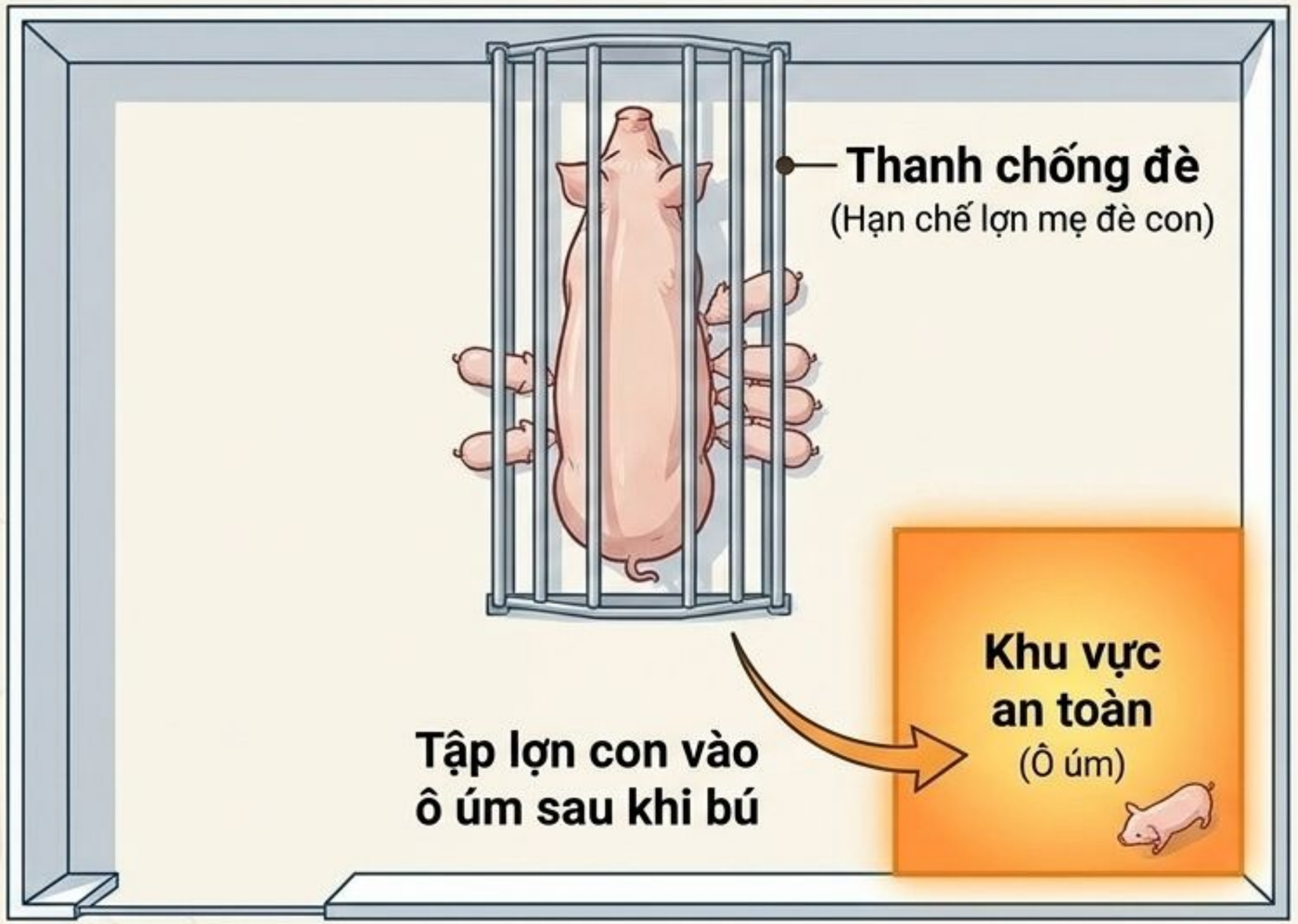
Lợn con: Cần rất ấm



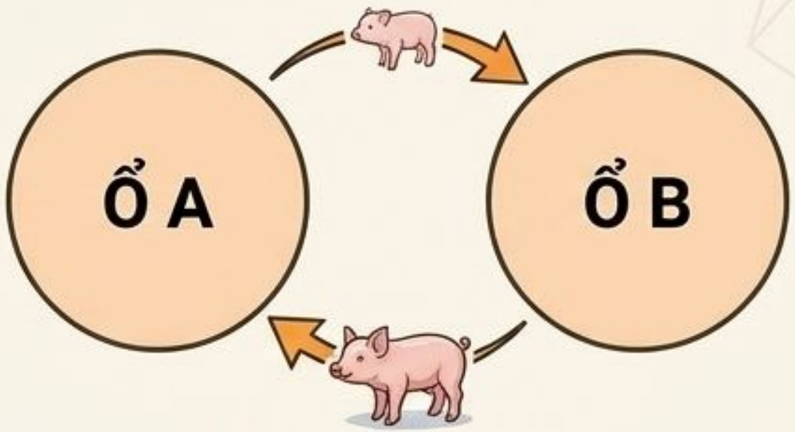
Sơ sinh chưa có khả năng tự điều hòa thân nhiệt.

NotebookLM

Chống đè chết và Nghệ thuật đồng đều đàn



Đồng đều đàn



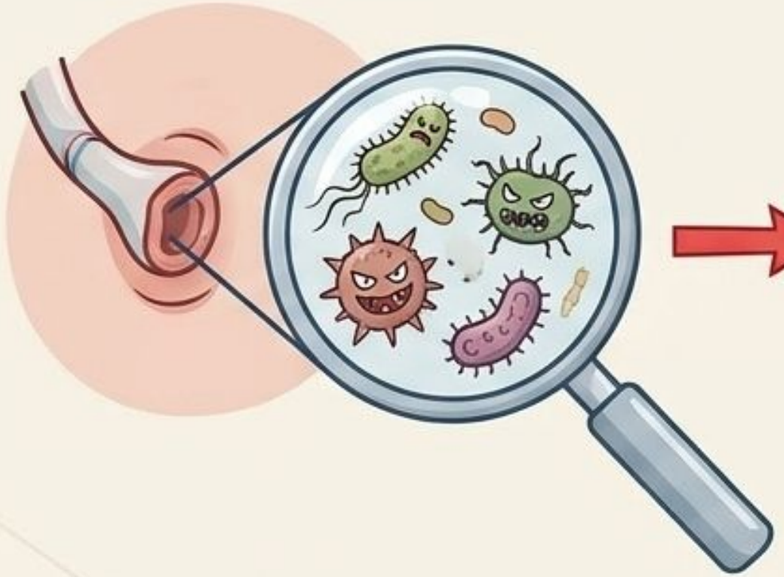
Hoàn thành ghép đàn trong 24h đầu.

Quy tắc: Ghép theo khối lượng và số lượng vú mẹ.

Lợi ích: Ít tranh giành bú, tăng trọng đều, giảm hao hụt.

NotebookLM

Góc nhìn lâm sàng: Cánh cửa nhiễm trùng & Mối nguy thiếu máu



Rốn - Ngay sau sinh

Rốn: Cửa ngõ viêm nhiễm nguy hiểm (dẫn đến viêm khớp, nhiễm trùng huyết).

Hành động:

Cắt rốn đúng kỹ thuật & **Sát trùng** kỹ bằng **I-ốt.**



Sắt - Ngày 3 đến 5

Sữa mẹ **nghèo Sắt.**
Thiếu máu gây nhợt nhạt, chậm lớn, suy giảm miễn dịch và **tiêu chảy.**

Hành động:

Tiêm sắt vào ngày 3-5 (Theo chỉ định thú y).

NotebookLM

Đánh thức hệ tiêu hóa: Tập ăn & Nước uống sạch (Ngày 5-7)

Tập ăn



- Thức ăn phải rất thơm, dễ tiêu.
- Giàu đạm chất lượng cao.
- Chia nhỏ, thay mới nhiều lần trong ngày.

Nước sạch



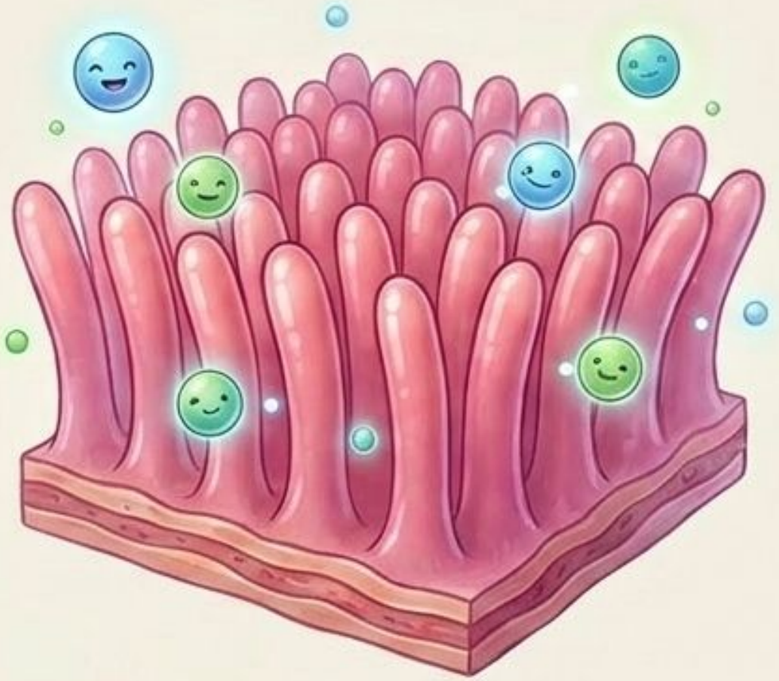
- Kích thích tăng lượng thức ăn tập ăn.
- Ngăn ngừa táo bón.
- Bù nước, chống tỷ lệ hao hụt do tiêu chảy.

Mục tiêu cốt lõi: Tập ăn không phải để no,
mà để "huấn luyện" đường ruột và tăng tiết enzyme tiêu hóa.

NotebookLM

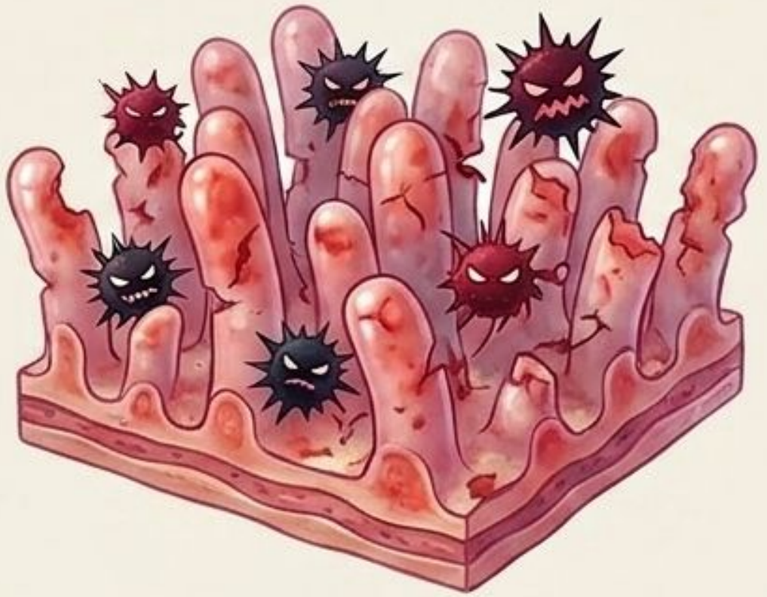
Bí mật vi mô: Bảo vệ "rừng" nhung mao ruột

Khỏe mạnh - Nhờ tập ăn sớm



Ruột khỏe mạnh: Tập ăn sớm kích thích cơ học giúp nhung mao mọc dài. Tăng diện tích hấp thu, tạo màng chắn thép bảo vệ lợn con.

Tổn thương - Do stress/độc tố



Ruột tổn thương: Do stress, thức ăn ôi thiu hoặc thay đổi đột ngột. Nhung mao teo tóp, lợn con dễ mắc tiêu chảy nặng sau cai sữa.

NotebookLM

Nghệ thuật giảm Stress trong tuần cuối trước cai sữa

Sự quen thuộc - Cần duy trì



Giữ nguyên khẩu phần
& Nhiệt độ ổn định

Các yếu tố Gây Sốc - Cần loại bỏ

Không ghép đàn - Không tiếng ồn
- Không đổi cám

Bí quyết cai sữa thành công: Giữ trạng thái cân bằng tuyệt đối.
Không tạo thêm bất kỳ cú sốc tâm lý hay sinh lý nào để tránh bỏ ăn.

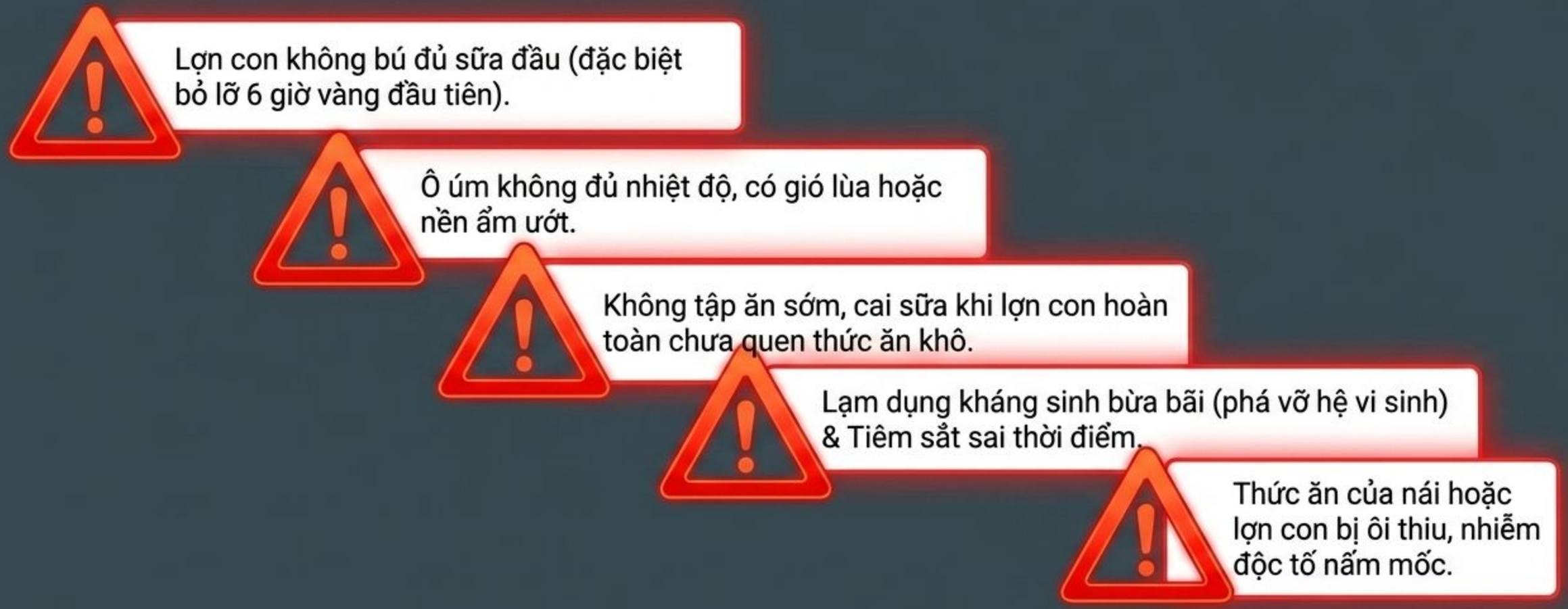
NotebookLM

HUẤN LUYỆN ĐƯỜNG RUỘT SỚM.
BẢO VỆ NHUNG MAO.
GIẢM TỐI ĐA STRESS TRƯỚC CAI SỮA.

Thông điệp cốt lõi quyết định chất lượng cai sữa (Ngày 5 - 28)

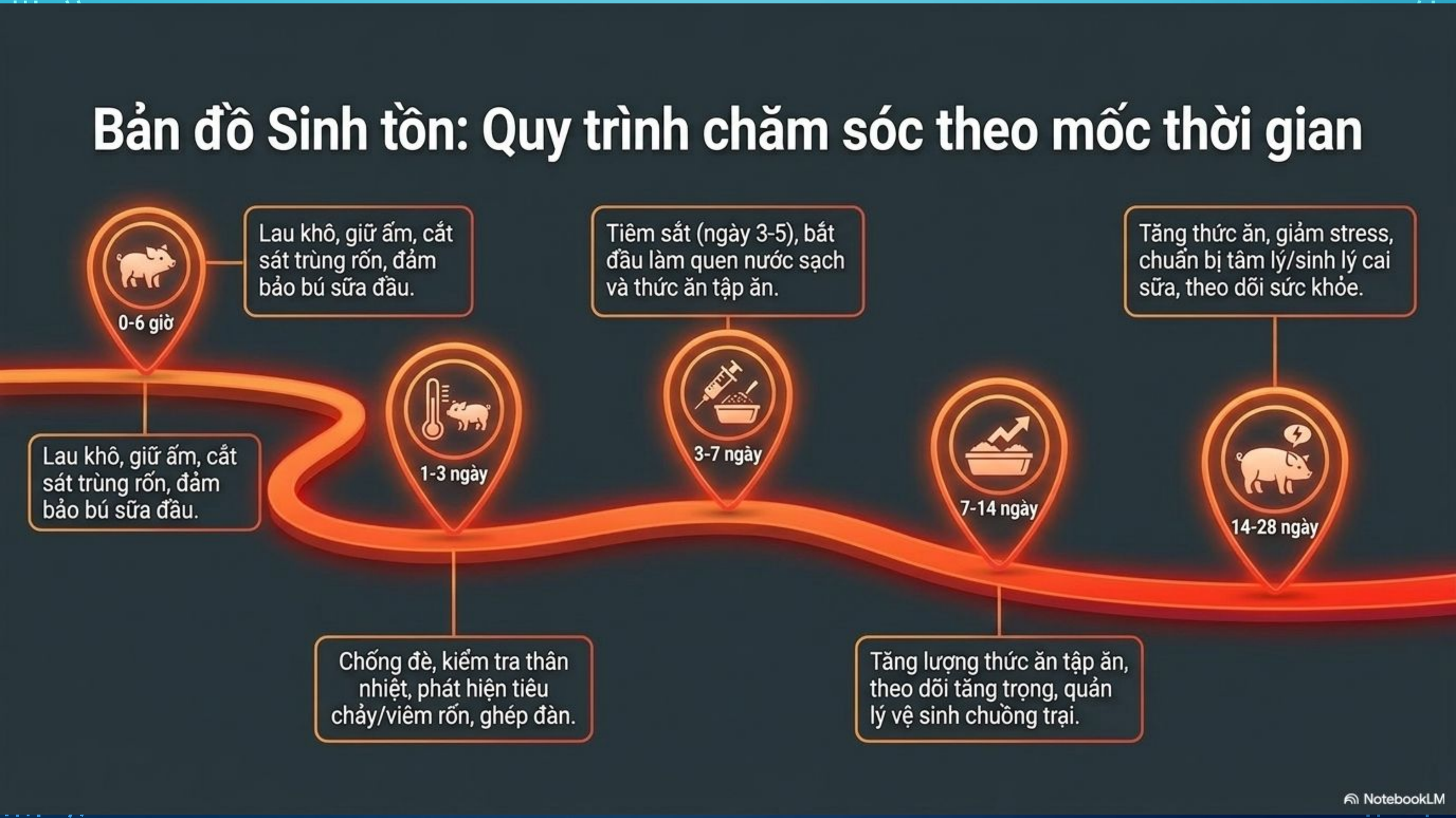
NotebookLM

Cảnh báo: 5 Sai lầm "Chí Mạng" thường gặp nhất



NotebookLM

Bản đồ Sinh tồn: Quy trình chăm sóc theo mốc thời gian



NotebookLM

Thước đo thành công & Đích đến cuối cùng



Tỷ lệ sống đến cai sữa
(Mục tiêu xuất sắc: 96-98%)



Khối lượng cai sữa
(Tại thời điểm 21-28 ngày)



Tỷ lệ tiêu chảy
(Trong suốt giai đoạn theo mẹ)

> “Thành công lúc cai sữa được quyết định từ giây phút lợn con chào đời. Hãy lấy hệ tiêu hóa và miễn dịch làm nền tảng trọng tâm.”

NotebookLM

AN TOÀN SINH HỌC
NỀN TẢNG CỦA HIỆU QUẢ

QUY TRÌNH CHĂN NUÔI LỢN CON SAU CAI SỮA

CHĂM TỪ BƯỚC NHỎ
HIỆU QUẢ Ở TƯƠNG LAI

MỤC TIÊU: Lợn con khỏe mạnh – Ít stress – Ăn tốt – Lớn nhanh – Tỷ lệ sống cao

1 CHUẨN BỊ TRƯỚC CAI SỮA



- Vệ sinh, rửa sạch, sát trùng chuồng trại, để trống chuồng ít nhất 1–2 ngày.
- Kiểm tra, sửa chữa máng ăn, núm uống, hệ thống sưởi, thông gió.
- Chuẩn bị thức ăn, thuốc, men tiêu hóa, điện giải, chất sát trùng.
- Tập cho lợn con ăn thức ăn khô trước cai sữa 5–7 ngày.

2 CAI SỮA ĐÚNG KỸ THUẬT



- Tuổi cai sữa: 21–28 ngày tuổi.
- Tách lợn con nhẹ nhàng, tránh gây stress.
- Chuyển lợn theo nhóm kích cỡ đồng đều (8–12 con/ô).
- Cân trọng lượng, theo dõi và ghi chép.

Cai sữa đột ngột thường gây stress – nên tập ăn trước và cai sữa từ từ nếu có thể.

3 CHĂM SÓC – QUẢN LÝ SAU CAI SỮA



- Giữ ấm: 28–30°C tuần đầu, giảm dần 1–2°C/tuần.
- Đảm bảo thông thoáng, tránh gió lùa, khí độc (NH_3, H_2S).
- Mật độ nuôi hợp lý: 0,25–0,3 m²/con.
- Cung cấp nước sạch liên tục.
- Theo dõi lợn hàng ngày: ăn uống, phân, ho, hô hấp...
- Giảm stress: không trộn nhóm, hạn chế tiếng ồn, thao tác nhẹ nhàng.

Môi trường ổn định – sạch sẽ – ấm áp giúp lợn nhanh hồi phục và ăn tốt.

4 DINH DƯỠNG HỢP LÝ



- Dùng thức ăn tập ăn (pre-starter) 7–14 ngày sau cai sữa.
- Thức ăn dễ tiêu hóa, thơm ngon, năng lượng cao, đạm chất lượng tốt.
- Cho ăn tự do 4–6 lần/ngày (tuần đầu), sau đó giảm dần.
- Bổ sung men tiêu hóa, acid hữu cơ, kẽm oxyd, vitamin, điện giải.

Ăn sớm – Ăn đủ – Dễ tiêu hóa là chìa khóa thành công.

5 PHÒNG BỆNH CHỦ ĐỘNG



- Vệ sinh – sát trùng chuồng trại định kỳ.
- Tiêm phòng đầy đủ theo lịch:
  – Dịch tả lợn, Phó thương hàn, PRRS, PCV2...
- Bổ sung khoáng, vitamin, nâng cao sức đề kháng.
- Cách ly lợn ốm, xử lý kịp thời.

Phòng bệnh tốt – giảm thuốc – giảm chi phí – tăng hiệu quả.

6 THEO DÕI TĂNG TRƯỞNG



- Cân lợn định kỳ: 7 ngày/lần.
- Ghi chép: trọng lượng, lượng ăn, tình trạng sức khỏe, tiêu tốn thức ăn.
- Điều chỉnh khẩu phần và chăm sóc kịp thời.

Theo dõi tốt – điều chỉnh đúng – lợn lớn nhanh, đồng đều.

7 XUẤT CHUỒNG / CHUYỂN GIAI ĐOẠN



- Khi lợn đạt 28–30 kg (khoảng 6–7 tuần sau cai sữa) thì chuyển sang giai đoạn nuôi thịt.
- Vệ sinh, sát trùng chuồng trại trước khi nhập lứa mới.

Xuất chuồng đúng thời điểm – hiệu quả kinh tế cao.

YẾU TỐ QUAN TRỌNG SAU CAI SỮA

NHIỆT ĐỘ
Ổn định 28–30°C tuần đầu

NƯỚC UỐNG
Sạch, mát, đủ lưu lượng

THÔNG GIÓ
Thoáng mát không gió lùa

MẬT ĐỘ NUÔI
0,25–0,3 m²/con (8–12 con/ô)

VỆ SINH
Sát trùng định kỳ, giữ chuồng sạch

KHẨU PHẦN THUỐC ĂN THAM KHẢO SAU CAI SỮA

GIAI ĐOẠN	PRE-STARTER (0–7 ngày)	STARTER (8–14 ngày)	GROWER (15 ngày – 28 kg)
Năng lượng trao đổi (kcal/kg)	3.300 – 3,400	3,200 – 3.300	3.100 – 3.200
Protein thô (%)	20 – 22	18 – 20	16 – 18
Lysine tổng (%)	1,30 – 1,40	1,10 – 1,20	0,90 – 1,00
Canxi (%)	0,80 – 0,90	0,70 – 0,80	0,60 – 0,70
Phốt pho tổng (%)	0,60 – 0,65	0,55 – 0,60	0,45 – 0,50

LƯỢNG THỨC ĂN THAM KHẢO (kg/con/ngày)

Trọng lượng (kg)	Lượng ăn (kg/ngày)
5 – 7	0,15 – 0,20
7 – 10	0,20 – 0,25
10 – 15	0,30 – 0,40
15 – 20	0,40 – 0,55
20 – 28	0,60 – 0,80

MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP SAU CAI SỮA



TIÊU CHẢY
(E.coli, Salmonella)



VIÊM PHỔI
(Mycoplasma, APP)



SUY HÔ HẤP
(PRRS, PCV2)



PHỦ ĐẦU
(E.coli độc tố)



VIÊM KHỚP
(Streptococcus)



KÝ SINH TRÙNG
(Giun, sán)

GHI NHỚ VÀNG

- ✓ Tập ăn sớm – Cai sữa đúng tuổi.
- ✓ Giữ ấm – Thoáng mát – Sạch sẽ.
- ✓ Dinh dưỡng tốt – Nước sạch đầy đủ.
- ✓ Phòng bệnh chủ động – Giảm stress.
- ✓ Theo dõi – Ghi chép – Điều chỉnh kịp thời.



Lợn khỏe – Ăn tốt – Lớn nhanh
Hiệu quả – Bền vững – Lợi nhuận cao!

AN TOÀN SINH HỌC – CHÌA KHÓA CỦA THÀNH CÔNG

SẠCH SẼ
VỆ SINH CHUỒNG TRẠI

AN TOÀN
KIỂM SOÁT DỊCH BỆNH

DINH DƯỠNG TỐT
LỢN LỚN NHANH

QUẢN LÝ TỐT
HIỆU QUẢ CAO

AN TOÀN SINH HỌC
NỀN TẢNG CỦA HIỆU QUẢ

VII. QUY TRÌNH CHĂN NUÔI LỢN THỊT

CHĂM TỪ KHẨU PHẦN
ĐẾN THÀNH PHẨM

Lợn khỏe – Mau lớn – Ít bệnh – Hiệu quả cao

1 CHUẨN BỊ CHUỒNG TRẠI



- Vệ sinh, cọ rửa, sát trùng chuồng trại.
- Để trống chuồng ít nhất 3–5 ngày.
- Kiểm tra hệ thống máng ăn, núm uống, quạt thông gió, hệ thống làm mát.
- Chuồng khô ráo, thoáng mát, không khí sạch sẽ.

Sạch chuồng – Thoáng mát – Khô ráo – Không mầm bệnh

2 NHẬP LỢN



- Chọn lợn khỏe mạnh, đồng đều.
- Xuất chuồng lúc mát mẻ, vận chuyển nhẹ nhàng.
- Cách ly, theo dõi 3–5 ngày đầu.
- Bổ sung điện giải, vitamin, men tiêu hóa.

Nhập khỏe – Cách ly tốt
Khởi đầu thuận lợi

3 GIAI ĐOẠN 1: 7 – 30 kg



- Nhiệt độ: 26–30°C, giảm dần 2–3°C/tuần.
- Thức ăn: Dễ tiêu, giàu năng lượng, đạm, đầy đủ vitamin và khoáng.
- Cho ăn nhiều bữa/ngày (3–4 bữa).
- Nước uống sạch, mát, luôn đủ.
- Theo dõi phân, sức khỏe hàng ngày.

Mục tiêu: Lợn khỏe, ít tiêu chảy, tăng trọng đều, ít stress

4 GIAI ĐOẠN 2: 30 – 60 kg



- Nhiệt độ: 22–26°C.
- Thức ăn: Cân đối năng lượng – đạm – xơ – khoáng.
- Cho ăn 2–3 bữa/ngày.
- Đảm bảo thông thoáng, mật độ hợp lý.
- Theo dõi tăng trọng định kỳ.

Mục tiêu: Tăng trọng nhanh, hiệu quả thức ăn tốt

5 GIAI ĐOẠN 2: 60 kg – XUẤT CHUỒNG



- Nhiệt độ: 18–24°C.
- Thức ăn: Tối ưu hóa để tăng trọng nhanh, giảm mỡ lưng.
- Cho ăn 2 bữa/ngày.
- Quản lý chặt vệ sinh, hạn chế mùi hôi.
- Theo dõi trọng lượng, tỷ lệ nạc.

Mục tiêu: Lợn lớn nhanh, nạc cao, đạt trọng lượng tối ưu

6 CHĂM SÓC – QUẢN LÝ HÀNG NGÀY



- Quan sát lợn: ăn uống, đi lại, phân.
- Điều chỉnh khẩu phần, lượng ăn phù hợp,
- Kiểm soát nhiệt độ, độ ẩm, thông gió.
- Vệ sinh máng ăn, núm uống hàng ngày.
- Ghi chép: lượng ăn, tăng trọng, thuốc, vắc xin, chi phí...

Theo dõi hàng ngày – Phát hiện sớm – Xử lý kịp thời

7 XUẤT CHUỒNG



- Xuất khi đạt trọng lượng mục tiêu.
- Nhịn ăn 8–12 giờ trước khi xuất chuồng, vẫn cho uống nước.
- Vận chuyển nhẹ nhàng, tránh stress.
- Vệ sinh, sát trùng chuồng trại sau khi xuất để chuẩn bị lứa mới.

Xuất đúng thời điểm – Hiệu quả kinh tế cao.

MẬT ĐỘ NUÔI THAM KHẢO (con/m²)

Trọng lượng (kg)	Nền bê tông (con/m²)	Nền sàn (con/m²)
7 – 15	0,25 – 0,30	0,30 – 0,40
15 – 30	0,30 – 0,40	0,40 – 0,50
30 – 60	0,40 – 0,50	0,50 – 0,60
60 – 90	0,50 – 0,60	0,60 – 0,70
> 90	0,60 – 0,70	0,70 – 0,80

Mật độ hợp lý giúp lợn khỏe mạnh, tăng trưởng tốt, giảm bệnh tật.

NHIỆT ĐỘ VÀ THÔNG GIÓ

Nhiệt độ thích hợp
18 – 26°C

Thông gió tốt, không khí trong lành

Độ ẩm thích hợp
60 – 70%



Giảm khí độc (NH_3, H_2S, CO_2) – Giảm stress – Tăng hiệu quả chăn nuôi

KHẨU PHẦN THAM KHẢO THEO GIAI ĐOẠN

Chỉ tiêu	Giai đoạn 1 7 – 30 kg	Giai đoạn 2 30 – 60 kg	Giai đoạn 3 60 kg – xuất chuồng
Năng lượng trao đổi (kcal/kg)	3.200 – 3.300	3.100 – 3.200	3.000 – 3.100
Protein thô (%)	20 – 21	18 – 19	16 – 17
Lysine tổng (%)	1,20 – 1,30	1,00 – 1,10	0,80 – 0,90
Canxi (%)	0,70 – 0,80	0,60 – 0,70	0,50 – 0,60
Phốt pho tổng (%)	0,60 – 0,70	0,50 – 0,60	0,45 – 0,55

Cần bổ sung đầy đủ vitamin, khoáng chất và chất xơ để hỗ trợ tiêu hóa, tăng sức đề kháng.

PHÒNG BỆNH CHỦ ĐỘNG

- Vệ sinh – sát trùng chuồng trại định kỳ.
- Tiêm phòng đầy đủ theo chương trình.
- Kiểm soát người, phương tiện, dụng cụ ra vào trại.
- Thực hiện an toàn sinh học nghiêm ngặt.
- Phát hiện sớm – cách ly – xử lý kịp thời.

Phòng bệnh hơn chữa bệnh – Tiết kiệm chi phí, tăng lợi nhuận

MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP



Dịch tả lợn



Tai xanh



Lở mồm long móng



Phó thương hàn



E.coli tiêu chảy



Cầu trùng

Quan sát hàng ngày – Phát hiện sớm – Xử lý kịp thời

5 NGUYÊN TẮC VÀNG ĐỂ NUÔI LỢN THỊT HIỆU QUẢ

- **AN TOÀN SINH HỌC** – Ngăn mầm bệnh từ bên ngoài
- **DINH DƯỠNG HỢP LÝ** – Đúng giai đoạn – Đúng nhu cầu
- **MÔI TRƯỜNG THÍCH HỢP** – Thoáng mát – Sạch sẽ – Khô ráo
- **QUẢN LÝ TỐT** – Theo dõi – Ghi chép – Điều chỉnh
- **HIỆU QUẢ KINH TẾ CAO** – Tăng trọng nhanh – Giảm chi phí – Lợi nhuận cao

AN TOÀN SINH HỌC
NỀN TẢNG CỦA HIỆU QUẢ

QUY TRÌNH PHÒNG VẮC XIN CHO LỢN NÁI

NÁI KHỎE – CON KHỎE – NĂNG SUẤT CAO – HIỆU QUẢ BỀN VỮNG



1. LỊCH TIÊM PHÒNG VẮC XIN CHO LỢN NÁI THEO GIAI ĐOẠN

GIAI ĐOẠN	VẮC XIN PHÒNG BỆNH	LẦN TIÊM	THỜI ĐIỂM TIÊM	ĐƯỜNG TIÊM	GHI CHÚ
NÁI HẬU BỊ (Trước phối giống)	• Dịch tả lợn (CSF) • Parvo virus • Leptospira	2 mũi	Mũi 1: Trước phối giống 4 – 6 tuần Mũi 2: Sau mũi 1 từ 3 – 4 tuần	Tiêm bắp (IM)	Tạo miễn dịch nền, đảm bảo nái khỏe trước khi mang thai
NÁI CHỬA	• Dịch tả lợn (CSF) • Parvo virus • Leptospira	Nhắc lại 1 mũi	Sau phối giống 20 – 30 ngày	Tiêm bắp (IM)	Giảm sảy thai, chết lưu, thai yếu
NÁI TRƯỚC ĐẺ	• E.coli (Phù đầu, tiêu chảy) • Tụ huyết trùng	1 mũi	Trước khi đẻ 3 – 4 tuần	Tiêm bắp (IM)	Tăng kháng thể sữa đầu, giúp bảo vệ lợn con
NÁI ĐANG NUÔI CON	• Tụ huyết trùng • E.coli	1 mũi	Sau khi đẻ 7 – 10 ngày	Tiêm bắp (IM)	Duy trì miễn dịch, giảm bệnh cho nái và lợn con
NÁI SAU CAI SỮA	• Dịch tả lợn (CSF) • PRRS (tùy tình hình dịch) • Leptospira	1 mũi	Sau cai sữa 7 – 10 ngày	Tiêm bắp (IM)	Tăng miễn dịch, chuẩn bị cho chu kỳ sinh sản mới

Lưu ý: Lịch tiêm có thể điều chỉnh theo tình hình dịch tễ tại địa phương và hướng dẫn của nhà sản xuất vắc xin.

2. NHÓM VẮC XIN THƯỜNG DÙNG CHO LỢN NÁI

Dịch tả lợn (CSF)
Phòng bệnh dịch tả lợn – bảo vệ đàn, giảm hao hụt.

Parvo virus
Phòng sảy thai, thai chết lưu, đen sơ sinh, viêm cơ tim.

Leptospira
Phòng sảy thai, đẻ non, viêm thận.

E.coli (Phù đầu, tiêu chảy)
Phòng tiêu chảy sơ sinh, phù đầu lợn con.

Tụ huyết trùng
Phòng viêm phổi, viêm màng não, đột tử, sốt cao.

PRRS (tùy tình hình)
Phòng hội chứng rối loạn sinh sản và hô hấp ở lợn.

2. QUY TRÌNH TIÊM PHÒNG ĐÚNG KỸ THUẬT



1. Chuẩn bị
- Vắc xin đúng loại, còn hạn dùng
- Bơm kim sạch, vô trùng
- Bảo quản vắc xin đúng nhiệt độ (2 – 8°C)



2. Kiểm tra trước tiêm
- Kiểm tra sức khỏe nái
- Nái khỏe mạnh, ăn uống bình thường
- Không tiêm khi nái đang sốt, stress



3. Pha và sử dụng vắc xin
- Lắc đều trước khi dùng
- Pha theo hướng dẫn của nhà SX
- Dùng ngay sau khi pha



4. Tiêm đúng vị trí
- Tiêm bắp: vùng cổ sau tai hoặc vùng đùi
- Sát trùng vị trí tiêm trước khi tiêm

5. Theo dõi sau tiêm
- Theo dõi nái 30 – 60 phút sau tiêm
- Ghi chép ngày tiêm, loại vắc xin, số lô, hạn dùng

4. NGUYÊN TẮC VÀNG KHI TIÊM PHÒNG

- Tiêm phòng đầy đủ, đúng lịch
- Bảo quản vắc xin đúng nhiệt độ
- Dụng cụ vô trùng, không tái sử dụng
- Tiêm cho nái khỏe, không stress
- Ghi chép đầy đủ, theo dõi hiệu quả

5. LỢI ÍCH CỦA TIÊM PHÒNG ĐẦY ĐỦ CHO LỢN NÁI

- ✓ Nái khỏe mạnh, ít bệnh, tăng tuổi thọ khai thác
- ✓ Giảm sảy thai, đẻ non, chết lưu, lợn con yếu
- ✓ Tăng kháng thể sữa đầu – lợn con khỏe mạnh
- ✓ Giảm chi phí thuốc, điều trị – tăng hiệu quả kinh tế
- ✓ Bảo vệ đàn – hạn chế lây lan dịch bệnh



6. LƯU Ý QUAN TRỌNG

- ⚠ Không dùng vắc xin quá hạn hoặc bảo quản sai quy định
- ⚠ Không trộn lẫn nhiều loại vắc xin trong cùng một bơm tiêm
- ⚠ Định kỳ vệ sinh, khử trùng dụng cụ và chuồng trại
- ⚠ Khi có dịch bệnh, tham khảo ý kiến cán bộ thú y trước khi tiêm

TIÊM PHÒNG HÔM NAY – NĂNG SUẤT NGÀY MAI

ĐÚNG VẮC XIN | ĐÚNG LỊCH | ĐÚNG KỸ THUẬT | ĐÚNG LIỀU LƯỢNG | GHI CHÉP ĐẦY ĐỦ | AN TOÀN SINH HỌC

QUY TRÌNH PHÒNG VẮC XIN CHO LỢN CON

PHÒNG BỆNH HƠN CHỮA BỆNH – BẢO VỆ LỢN CON KHỎE MẠNH, TĂNG TRƯỞNG TỐT

AN TOÀN – ĐÚNG KỸ THUẬT – ĐÚNG LỊCH – ĐÚNG LIỀU – ĐÚNG ĐƯỜNG

1 CHUẨN BỊ DỤNG CỤ VÀ VẮC XIN



- Vắc xin đúng loại, còn hạn sử dụng.
- Bảo quản đúng nhiệt độ (2 – 8°C).
- Dụng cụ vô trùng, bơm tiêm, kim.
- Hộp an toàn đựng bơm kim sau sử dụng.

2 KIỂM TRA SỨC KHỎE LỢN CON



- Chỉ tiêm cho lợn con khỏe mạnh, nhanh nhẹn.
- Không tiêm cho lợn bị sốt, tiêu chảy, suy nhược.
- Tách riêng lợn ốm để điều trị.

3 LẮC ĐỀU VẮC XIN



- Lắc nhẹ và đều trước khi sử dụng (đối với vắc xin nhũ dầu, vắc xin bất hoạt).
- Tránh lắc mạnh gây tạo bọt.

4 HÚT VẮC XIN ĐÚNG LIỀU



- Hút đúng liều theo hướng dẫn của nhà sản xuất.
- Thay kim mới, đảm bảo vô trùng.
- Loại bỏ bọt khí trong ống tiêm.

5 CỐ ĐỊNH LỢN CON



- Cố định chắc chắn, nhẹ nhàng.
- Giữ lợn con thoải mái, tránh stress.
- Có thể nhờ người hỗ trợ.

6 SÁT TRÙNG VỊ TRÍ TIÊM



- Dùng bông tẩm cồn 70° lau sạch vị trí tiêm.
- Để khô tự nhiên trước khi tiêm.
- Vị trí tiêm phải sạch, không bẩn.

7 TIÊM VẮC XIN ĐÚNG KỸ THUẬT



- Tiêm đúng đường: bắp / dưới da theo hướng dẫn.
- Tiêm đúng vị trí: cổ, sau tai, đùi...
- Tiêm dứt khoát, nhanh gọn.
- Rút kim nhanh, không xoa bóp.

8 THEO DÕI SAU TIÊM



- Theo dõi phản ứng sau tiêm 30 – 60 phút.
- Một số phản ứng nhẹ: sốt nhẹ, bỏ ăn, sưng tại chỗ tiêm.
- Xử lý kịp thời nếu có phản ứng nặng.

9 GHI CHÉP THÔNG TIN



- Ghi rõ: ngày tiêm, loại vắc xin, lô SX, hạn dùng, liều lượng, đường tiêm, người tiêm.
- Lưu hồ sơ, theo dõi lịch nhắc lại.

10 VỆ SINH DỤNG CỤ SAU TIÊM



- Bỏ kim tiêm vào hộp an toàn.
- Vệ sinh, khử trùng dụng cụ.
- Tiêu hủy theo quy định.

LỊCH PHÒNG VẮC XIN CHO LỢN CON (THAM KHẢO)

STT	BỆNH PHÒNG	VẮC XIN SỬ DỤNG	THỜI GIAN TIÊM		ĐƯỜNG TIÊM	LIỀU DÙNG
			LỢN CON THEO MẸ	LỢN CON CAI SỮA		
1	Dịch tả lợn (CSF)	Vắc xin nhược độc CSF	21 – 28 ngày tuổi	Sau cai sữa 7 – 10 ngày	Dưới da (sau tai)	2 ml/con
2	Phó thương hàn (Phó hàn)	Vắc xin E.coli	3 – 5 ngày tuổi	Nhắc lại sau 3 – 4 tuần	Dưới da	2 ml/con
3	Đóng dấu (Erysipelas)	Vắc xin Erysipelas	8 – 10 ngày tuổi	Nhắc lại sau 4 – 6 tuần	Dưới da	2 ml/con
4	Tụ huyết trùng	Vắc xin Tụ huyết trùng	14 – 21 ngày tuổi	Nhắc lại sau 4 – 6 tuần	Dưới da / Bắp	2 ml/con
5	Rotavirus, E.coli (tiêu chảy)	Vắc xin Rotavirus, E.coli	3 – 5 ngày tuổi	Nhắc lại theo khuyến cáo	Uống	2 ml/con
6	Mycoplasma	Vắc xin Mycoplasma	Không tiêm	Sau cai sữa 7 – 10 ngày	Dưới da	2 ml/con
7	PRRS (nếu có)	Vắc xin PRRS	Không tiêm	Sau cai sữa 14 – 21 ngày	Dưới da	2 ml/con

Lưu ý: Lịch trên chỉ mang tính tham khảo, cần điều chỉnh theo tình hình dịch bệnh thực tế của từng trại và hướng dẫn của thú y.

VỊ TRÍ TIÊM THƯỜNG DÙNG

Dưới da sau tai



(Thường dùng cho vắc xin dịch tả, tụ huyết trùng...)

Dưới da cổ



(Thường dùng cho vắc xin đóng dấu...)

Bắp đùi



(Thường dùng cho vắc xin tụ huyết trùng...)

BẢO QUẢN VẮC XIN



Bảo quản 2 – 8°C

Tránh ánh sáng trực tiếp

Không dùng vắc xin quá hạn

Không để đóng băng

NGUYÊN TẮC 5 ĐÚNG

- **ĐÚNG VẮC XIN:** Chọn đúng loại vắc xin phù hợp với bệnh, độ tuổi.
- **ĐÚNG LIỀU:** Tiêm đúng liều lượng theo hướng dẫn.
- **ĐÚNG ĐƯỜNG:** Tiêm đúng đường (dưới da, bắp, uống....).
- **ĐÚNG LỊCH:** Tiêm đúng thời điểm, nhắc lại đầy đủ.
- **ĐÚNG KỸ THUẬT:** Tiêm đúng kỹ thuật, đảm bảo vô trùng.



LƯU Ý QUAN TRỌNG

- Không tiêm khi lợn con đang bị sốt cao, tiêu chảy.
- Không dùng chung kim tiêm giữa các lợn.
- Không tự ý đổi loại vắc xin hoặc lịch tiêm.
- Phối hợp vệ sinh trại, dinh dưỡng tốt để tăng hiệu quả vắc xin.

PHÒNG BỆNH CHỦ ĐỘNG – CHĂN NUÔI AN TOÀN – HIỆU QUẢ BỀN VỮNG



AN TOÀN SINH HỌC

PHÒNG BỆNH HƠN CHỮA BỆNH

TĂNG TRƯỞNG TỐT

HIỆU QUẢ KINH TẾ

VÌ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG

AN TOÀN SINH HỌC
NỀN TẢNG CỦA HIỆU QUẢ



PHÒNG VÀ TRỊ MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP Ở LỢN CON GIAI ĐOẠN THEO MẸ

LỢN CON KHỎE MẠNH – BÚ TỐT – LỚN NHANH – TỶ LỆ SỐNG CAO



ĐẶC ĐIỂM LỢN CON THEO MẸ

- Hệ miễn dịch chưa hoàn thiện, dễ nhiễm bệnh.
- Phụ thuộc vào sữa đầu, sữa mẹ và môi trường chuồng trại.
- Nhiệt độ cơ thể kém ổn định.
- Dễ bị tác động bởi vi khuẩn, virus, ký sinh trùng và điều kiện nuôi dưỡng.

NGUYÊN TẮC PHÒNG BỆNH CHUNG

- Vệ sinh chuồng trại sạch sẽ, khô ráo, ấm về mùa lạnh, mát về mùa nóng.
- Cho lợn con bú sữa đầu trong 24 giờ đầu.
- Giữ ấm, tránh gió lùa, mật độ nuôi phù hợp.
- Tẩy ký sinh trùng định kỳ cho lợn nái.
- Tiêm phòng đầy đủ cho lợn nái.
- Bổ sung vitamin, khoáng, men tiêu hóa cho nái và lợn con.
- Phát hiện sớm – Cách ly kịp thời – Điều trị đúng.

DẤU HIỆU LỢN CON KHỎE MẠNH

- Bú mạnh, nằm ổ, da hồng hào, bụng tròn.
- Hoạt bát, kêu to, phản xạ tốt.
- Phân khuôn, không tiêu chảy.
- Tăng trọng đều.



MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP Ở LỢN CON GIAI ĐOẠN THEO MẸ

BỆNH	NGUYÊN NHÂN	DẤU HIỆU	PHÒNG BỆNH	ĐIỀU TRỊ
TIÊU CHẢY SƠ SINH (E.coli) 	• Vi khuẩn E.coli gây bệnh. • Chuồng trại ẩm ướt, bẩn. • Lợn nái thiếu kháng thể. • Lợn con bú sữa đầu kém.	• Tiêu chảy phân trắng hoặc vàng nhạt. • Phân loãng, dính quanh hậu môn. • Mất nước, kém bú, nằm tụm lại. • Nặng có thể chết nhanh.	• Vệ sinh chuồng trại sạch, khô. • Cho bú sữa đầu trong 24h đầu. • Tiêm phòng E.coli cho nái trước đẻ. • Bổ sung men tiêu hóa, điện giải.	• Bù nước, điện giải (Oresol, Gluco-KC). • Kháng sinh: Amoxicillin, Colistin, Enrofloxacin theo chỉ dẫn. • Men tiêu hóa, men vi sinh.
TIÊU CHẢY DO CLOSTRIDIUM (Phân vàng, phân sáp) 	• Vi khuẩn Clostridium perfringens. • Lợn con bú sữa mẹ kém. • Chuồng bẩn, thay đổi thức ăn nái đột ngột.	• Tiêu chảy phân vàng, sáp, mùi hôi. • Bỏ bú, nằm nhiều, mất nước. • Cơ thể mất nước, nhanh chết.	• Giữ vệ sinh, khô ráo, ấm áp. • Tăng sức đề kháng cho nái và lợn con. • Bổ sung men tiêu hóa, acid hữu cơ.	• Kháng sinh, đặc trị: Tiamulin, Lincomycin, Gentamicin... • Bù nước, điện giải. • Men tiêu hóa, vitamin.
VIÊM RỐN 	• Rốn không được sát trùng. • Vi khuẩn xâm nhập qua rốn. • Chuồng trại bẩn, ẩm ướt.	• Rốn sưng, đỏ, chảy dịch. • Lợn con biếng bú, sốt. • Nặng: nhiễm trùng máu, chết.	• Cắt rốn 2–3 cm và sát trùng bằng cồn i-ốt 5–7%. • Giữ chuồng khô, sạch.	• Sát trùng rốn bằng cồn i-ốt. • Kháng sinh: Penicillin, Amoxicillin. • Vitamin, điện giải.
VIÊM PHỔI, VIÊM KHỚP (Hô hấp phức hợp) 	• Vi khuẩn, virus (Mycoplasma, PRRS, APP). • Chuồng lạnh, gió lùa, ẩm ướt. • Mật độ nuôi cao, stress.	• Ho, khó thở, thở khò khè. • Sốt nhẹ, bỏ bú, chậm lớn. • Có thể viêm khớp, đi khập khiễng.	• Giữ ấm, thông thoáng, giảm ẩm. • Tiêm phòng đầy đủ cho nái. • Bổ sung vitamin C, men tiêu hóa.	• Kháng sinh: Tylosin, Florfenicol, Doxycycline... • Hạ sốt, bổ trợ: vitamin, điện giải.
CẦU TRÙNG 	• Ký sinh trùng Eimeria. • Chuồng ẩm, phân nhiễm bẩn. • Mật độ nuôi cao.	• Tiêu chảy có máu, phân nát. • Lợn gầy, kém ăn, chậm lớn. • Nặng: thiếu máu, chết.	• Giữ chuồng khô, sạch. • Thay chất độn chuồng thường xuyên. • Bổ sung thuốc phòng cầu trùng định kỳ.	• Thuốc đặc trị: Toltrazuril, Sulfaquinoxaline, Diclazuril... • Bổ máu, vitamin, điện giải.

CHĂM SÓC LỢN CON THEO MẸ

Giữ nhiệt độ phù hợp
- 1–3 ngày tuổi: 32–34°C
- 4–7 ngày tuổi: 30–32°C
- 2 tuần tuổi: 28–30°C

Cho bú đầy đủ
- Bú sữa đầu trong 24 giờ đầu.
- Đảm bảo mỗi con có đủ núm vú.

Bổ sung sớm
- Từ ngày thứ 3 cho uống nước sạch.
- Từ ngày thứ 5 cho tập ăn bột để tiêu.

Vệ sinh chuồng trại
- Dọn phân thường xuyên.
- Phun sát trùng định kỳ.

Bổ sung dinh dưỡng
- Vitamin, khoáng, men tiêu hóa.
- Tăng sức đề kháng, giảm tiêu chảy.

KHI LỢN CON CÓ DẤU HIỆU BỆNH

- Cách ly ngay con bệnh.
- Giữ ấm, bù nước – điện giải.
- Dùng thuốc đúng loại – đúng liều.
- Theo dõi sát, nếu nặng báo thú y.

LỢN CON KHỎE – NÁI KHỎE – TRANG TRẠI HIỆU QUẢ



LỊCH TIÊM PHÒNG CHO LỢN NÁI (THAM KHẢO)

Parvo	E.coli	Dịch tả lợn	PRRS	Tụ huyết trùng
Trước phối giống 2 – 4 tuần	Trước khi đẻ 2 – 4 tuần	Trước khi đẻ 4 – 6 tuần	Trước khi đẻ 4 – 6 tuần	Trước khi đẻ 2 – 4 tuần

THỰC HÀNH AN TOÀN SINH HỌC

- Hạn chế người ra vào trại
- Khử trùng dụng cụ, phương tiện
- Thay quần áo, ủng riêng
- Kiểm soát động vật gây hại
- Cách ly lợn mới nhập 7 – 14 ngày

PHÒNG VÀ TRỊ MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP Ở LỢN CON GIAI ĐOẠN SAU CAI SỮA (7 – 30 NGÀY)

AN TOÀN SINH HỌC

BIOSECURITY

PHÁT HIỆN SỚM – XỬ LÝ KỊP THỜI – ĐIỀU TRỊ ĐÚNG PHÁC ĐỒ – CHĂM SÓC TỐT – HẠN CHẾ THIỆT HẠI

BỆNH	NGUYÊN NHÂN	TRIỆU CHỨNG	PHÒNG BỆNH	ĐIỀU TRỊ (Tham khảo theo chỉ dẫn của thú y)
1 TIÊU CHẢY SAU CAI SỮA (E.COLI) • Phân lỏng, màu vàng – trắng. • Thay đổi thức ăn đột ngột. • Dễ chết nhanh nếu không xử lý.	• Phân lỏng, màu vàng – trắng. • Thay đổi thức ăn đột ngột. • Dễ chết nhanh nếu không xử lý.	• Tiêu chảy, phân lỏng. • Mất nước, da khô. • Kém ăn, nằm chồng đống.	• Giữ chuồng khô ráo, sạch sẽ. • Không thay đổi thức ăn đột ngột. • Bổ sung men tiêu hóa, điện giải.	• Điện giải, vitamin C, men tiêu hóa. • Kháng sinh: Enrofloxacin, Colistin, Amoxicillin... • Cốm/thuốc cầm tiêu chảy.
2 TIÊU CHẢY DO ROTAVIRUS • Phân lỏng, màu vàng nhạt. • Nôn, bỏ ăn, chậm lớn. • Gặp nhiều ở lợn 7 – 14 ngày tuổi.	• Virus Rotavirus. • Môi trường ô nhiễm. • Sức đề kháng kém.	• Tiêu chảy cấp. • Nôn ói, mất nước. • Lợn mệt, nằm nhiều.	• Vệ sinh chuồng trại tốt. • Tiêm phòng vắc xin Rotavirus cho lợn con. • Bổ sung men tiêu hóa.	• Oresol, điện giải, vitamin C. • Men tiêu hóa, kẽm. • Kháng sinh khi có bội nhiễm.
3 TIÊU CHẢY DO CẦU TRÙNG • Phân lỏng, có bọt, lẫn máu. • Lợn gầy còm, kém ăn, chậm lớn sau cai sữa.	• Ký sinh trùng Cầu trùng. • Chuồng ẩm, phân ứ đọng. • Mật độ nuôi cao.	• Tiêu chảy có máu. • Gầy yếu, kém lớn. • Niêm mạc nhợt.	• Vệ sinh chuồng trại. • Giữ chuồng khô ráo. • Tẩy cầu trùng định kỳ.	• Thuốc đặc trị cầu trùng: Toltrazuril, Diclazuril, Sulfaquinoxaline... • Điện giải, vitamin, men tiêu hóa.
4 VIÊM PHỔI (CRD) • Ho, khó thở, thở khò khè. • Sốt nhẹ, bỏ ăn, mất đó. • Còi cọc, tăng trọng kém.	• Vi khuẩn, virus (PRRS, Mycoplasma, Pasteurella...). • Thay đổi nhiệt độ, thông thoáng kém. • Stress, vận chuyển, trộn đàn.	• Ho, khó thở. • Sốt, bỏ ăn. • Thở rít, mũi chảy dịch.	• Tiêm phòng đầy đủ (PRRS, Mycoplasma...). • Giữ ấm, thông thoáng. • Giảm stress, trộn đàn hợp lý.	• Kháng sinh: Tylosin, Florfenicol, Doxycycline, Enrofloxacin... • Long đờm, hạ sốt, vitamin C. • Men tiêu hóa, giải độc.
5 BỆNH GHẸT (PHÙ ĐẦU) • Lợn sốt cao đột ngột. • Phù nề vùng đầu, mắt sưng. • Đi loạng choạng, co giật, chết nhanh.	• E.coli độc tố (phù đầu). • Stress, thay đổi môi trường. • Sức đề kháng kém.	• Sốt cao 40 – 42°C. • Phù đầu, mắt, tai. • Co giật, chết nhanh.	• Tiêm phòng E.coli (phù đầu). • Giữ ấm, giảm stress. • Tăng cường sức đề kháng.	• Kháng sinh: Enrofloxacin, Colistin, Amoxicillin... • Hạ sốt, vitamin C. • Bổ trợ tim, giải độc.
6 TIM GAN (MYOCARDITIS) • Đột ngột chết, không biểu hiện. • Mổ khám: tim sưng, gan có đốm trắng.	• Vi khuẩn Mycoplasma hyopneumoniae. • Stress, thời tiết thay đổi.	• Đột ngột chết. • Mổ khám: tim sưng, gan có đốm trắng.	• Tiêm phòng Mycoplasma. • Quản lý tốt môi trường. • Giảm stress.	• Kháng sinh: Tylosin, Tilmicosin, Lincomycin... • Vitamin E, Selenium. • Điều trị hỗ trợ.
7 TỤ HUYẾT TRÙNG • Sốt cao, bỏ ăn, tím tái tai, bụng. • Đi đứng khó khăn, nằm một chỗ. • Chết nhanh trong 24 – 48 giờ.	• Vi khuẩn Pasteurella multocida. • Môi trường ẩm ướt, gió lùa. • Tiêm phòng kém.	• Sốt cao, 41 – 42°C. • Tím tái, khó thở. • Chết nhanh.	• Tiêm phòng Pasteurella. • Giữ chuồng khô, ấm. • Vệ sinh sát trùng định kỳ.	• Kháng sinh: Streptomycin, Enrofloxacin, Penicillin... • Hạ sốt, vitamin C. • Bồi bổ sức khỏe.
8 KÝ SINH TRÙNG ĐƯỜNG RUỘT • Lợn gầy, kém ăn, lông xù. • Phân lẫn nhầy, có thể có máu. • Chậm lớn, hấp thu kém.	• Giun tròn, giun đũa, giun móc, sán. • Vệ sinh kém, chuồng trại bẩn. • Không tẩy giun định kỳ.	• Gầy còm, kém ăn. • Phân lỏng, có trứng giun. • Lông xù, da dày.	• Tẩy giun định kỳ 3 – 4 tuần/lần. • Giữ chuồng sạch. • Quản lý phân, rác tốt.	• Thuốc tẩy giun: Ivermectin, Albendazole, Fenbendazole... • Bổ sung vitamin, khoáng. • Men tiêu hóa.

NGUYÊN TẮC CHUNG

- Vệ sinh chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi hàng ngày.
- Sát trùng định kỳ 1 – 2 lần/tuần.
- Thức ăn, nước uống sạch, đủ dinh dưỡng.
- Giữ ấm, thông thoáng, tránh gió lùa.
- Giảm stress (trộn đàn, vận chuyển, thời tiết).
- Tiêm phòng đầy đủ theo lịch thú y.
- Theo dõi đàn hàng ngày, phát hiện sớm.
- Ghi chép, báo cáo, xử lý kịp thời.

XỬ LÝ KHI LỢN BỊ BỆNH

- Cách ly ngay lợn bệnh, tránh lây lan.
- Báo thú y để chẩn đoán và điều trị.
- Điều trị theo hướng dẫn, đúng liều – đủ thời gian.
- Tăng cường chăm sóc, bù nước, điện giải.
- Vệ sinh, sát trùng chuồng trại sau điều trị.

LỊCH TẨY GIUN THAM KHẢO

TUỔI LỢN	LỊCH TẨY GIUN
7 – 10 ngày	Lần 1
21 – 24 ngày	Lần 2
45 – 50 ngày	Lần 3
Sau đó 3 – 4 tuần/lần	

BỔ SUNG DINH DƯỠNG – TĂNG SỨC ĐỀ KHÁNG

- Men tiêu hóa Probiotic
- Vitamin C, B-Complex Tăng sức đề kháng
- Kẽm, Selen, Khoáng Giúp nhanh lớn
- Điện giải, nước sạch Luôn luôn cung cấp

DẤU HIỆU CẢNH BÁO

- Bỏ ăn, nằm một chỗ
- Sốt cao, thở khó
- Tiêu chảy, phân bất thường
- Tím tái, co giật
- Chết nhiều bất thường

LIÊN HỆ THÚ Y KHI

- ☑ Bệnh kéo dài > 2 ngày không khỏi.
- ☑ Tỷ lệ chết > 2% trong đàn.
- ☑ Không xác định được nguyên nhân.

AN TOÀN SINH HỌC – CHÌA KHÓA THÀNH CÔNG



Lợn khỏe – lợn nhanh – hiệu quả cao

An toàn sinh học – lợi nhuận bền vững

PHÒNG BỆNH HƠN CHỮA BỆNH – CHĂN NUÔI AN TOÀN – HIỆU QUẢ BỀN VỮNG

AN TOÀN SINH HỌC
NỀN TẢNG CỦA HIỆU QUẢ



PHÒNG VÀ TRỊ MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP Ở LỢN CON GIAI ĐOẠN NUÔI THỊT

LỢN KHỎE – LỚN NHANH – ÍT BỆNH – HIỆU QUẢ KINH TẾ CAO



NGUYÊN TẮC PHÒNG BỆNH

- Áp dụng nghiêm ngặt an toàn sinh học.
- Chuồng trại sạch sẽ, khô ráo, thông thoáng.
- Mật độ nuôi phù hợp, tránh quá chật.
- Thức ăn, nước uống đảm bảo chất lượng.
- Tiêm phòng đầy đủ theo lịch.
- Tẩy giun định kỳ.
- Theo dõi đàn thường xuyên, phát hiện sớm và xử lý kịp thời.

LỊCH TIÊM PHÒNG CHO LỢN CON NUÔI THỊT

Dịch tả lợn (CSF)	: 21 – 28 ngày tuổi
Tụ huyết trùng (E.coli)	: 21 – 28 ngày tuổi
Phó thương hàn	: 35 – 40 ngày tuổi
PRRS (tùy tình hình)	: 28 – 35 ngày tuổi
Mycoplasma (viêm phổi)	: 35 – 45 ngày tuổi

Lưu ý: Lịch tiêm có thể thay đổi tùy tình hình dịch bệnh của từng địa phương.

DẤU HIỆU LỢN CON BỊ BỆNH

- ✓ Bỏ ăn, chậm lớn, gầy còm.
- ✓ Sốt cao hoặc hạ thân nhiệt.
- ✓ Ho, khó thở, thở khò khè, chảy mũi.
- ✓ Phân lỏng, tiêu chảy, có mùi hôi.
- ✓ Da tím tái, xuất huyết, lông xù.
- ✓ Nằm tụm, ít vận động, ủ rũ.



MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP Ở LỢN CON GIAI ĐOẠN NUÔI THỊT

BỆNH	NGUYÊN NHÂN	DẤU HIỆU	PHÒNG BỆNH	ĐIỀU TRỊ	HÌNH ẢNH MINH HỌA
DỊCH TẢ LỢN (CSF)	• Virus CSFV gây ra. • Lây truyền qua tiếp xúc, thức ăn, nước uống, dụng cụ, người và phương tiện.	• Sốt cao 40 – 41°C, bỏ ăn. • Xuất huyết ở da (tai, bụng, đùi). • Nôn, táo bón hoặc tiêu chảy. • Chết nhanh, tỷ lệ chết cao.	• Tiêm vắc xin đầy đủ. • An toàn sinh học nghiêm ngặt. • Cách ly lợn mới nhập 7 – 14 ngày. • Khử trùng chuồng trại, dụng cụ.	• Chưa có thuốc đặc trị, điều trị triệu chứng. • Hạ sốt, bổ sung điện giải, vitamin. • Kháng sinh phòng bội nhiễm. • Cách ly và xử lý ổ dịch.	
TIÊU CHẢY DO E.coli	• Vi khuẩn E.coli gây ra. • Do vệ sinh kém, thay đổi thức ăn, stress, thời tiết.	• Tiêu chảy phân vàng, trắng hoặc xanh. • Mất nước, mất trùng. • Lợn gầy nhanh, dễ chết.	• Vệ sinh chuồng trại, máng ăn, uống. • Cung cấp nước sạch, thức ăn tốt. • Bổ sung men tiêu hóa, điện giải. • Tiêm phòng E.coli định kỳ.	• Kháng sinh: Colistin, Enrofloxacin, Gentamicin, Florfenicol... • Bù nước, điện giải. • Men tiêu hóa, vitamin.	
VIÊM PHỔI (Mycoplasma, APP)	• Vi khuẩn Mycoplasma hyopneumoniae, Actinobacillus pleuropneumoniae. • Lây qua đường hô hấp.	• Ho, khó thở, thở nhanh. • Sốt nhẹ, bỏ ăn, chậm lớn. • Tai, mõm tím tái.	• Tiêm phòng đầy đủ. • Giữ chuồng trại thông thoáng, không khí trong lành. • Hạn chế thay đổi nhiệt độ đột ngột.	• Kháng sinh: Tilmicosin, Tylosin, Florfenicol, Doxycycline... • Long đờm, giảm ho. • Bổ sung vitamin C, điện giải.	
TỤ HUYẾT TRÙNG	• Vi khuẩn Pasteurella multocida. • Lây qua đường hô hấp, vết thương.	• Sốt cao, bỏ ăn, khó thở. • Sưng khớp, viêm màng não. • Chết nhanh nếu không điều trị.	• Tiêm phòng đầy đủ. • Giữ ấm, tránh gió lùa, ẩm thấp. • Vệ sinh sát trùng chuồng trại.	• Kháng sinh: Amoxicillin, Enrofloxacin, Tiamulin, Florfenicol... • Chống viêm, hạ sốt. • Bổ sung vitamin, nâng cao đề kháng.	
PHÓ THƯƠNG HÀN	• Vi khuẩn Salmonella choleraesuis. • Lây qua thức ăn, nước uống, chuột, dụng cụ.	• Sốt cao, bỏ ăn. • Tiêu chảy, phân có máu. • Da đỏ, xuất huyết, chết nhanh.	• Tiêm phòng định kỳ. • Vệ sinh chuồng trại, diệt chuột. • Không dùng thức ăn ôi thiu.	• Kháng sinh: Enrofloxacin, Florfenicol, Trimethoprim + Sulfa... • Bù nước, điện giải. • Dùng thuốc hạ sốt, tăng sức đề kháng.	
GIUN SÁN	• Nhiễm giun tròn, giun đũa, giun móc, sán dây, sán lá. • Do thức ăn, nước uống, nền chuồng nhiễm trứng giun.	• Gầy còm, chậm lớn. • Phân lẫn nhầy, máu. • Bụng to, lông xù.	• Tẩy giun định kỳ 2 – 3 tháng/lần. • Vệ sinh chuồng trại, nền chuồng khô ráo. • Không để chuột, côn trùng xâm nhập.	• Thuốc tẩy giun: Levamisole, Albendazole, Fenbendazole, Ivermectin... • Bổ sung vitamin, khoáng chất.	

CHĂM SÓC LỢN CON NUÔI THỊT

Nhiệt độ
- 1 – 2 tuần tuổi: 30 – 32°C
- 3 – 4 tuần tuổi: 26 – 28°C
- Trên 4 tuần tuổi: 24 – 26°C

Mật độ nuôi
- 7 – 20 kg: 0,3 – 0,4 m^2/con
- 20 – 50 kg: 0,5 – 0,6 m^2/con
- 50 – 100 kg: 0,8 – 1,0 m^2/con

Thức ăn - Nước uống
- Cung cấp đủ dinh dưỡng theo giai đoạn.
- Nước sạch, mát, thay hàng ngày.
- Bổ sung men tiêu hóa, vitamin.

Vệ sinh chuồng trại
- Dọn phân, vệ sinh hàng ngày.
- Khử trùng định kỳ 1 – 2 lần/tuần.
- Giữ chuồng luôn khô ráo, thoáng mát.

KHI LỢN CON CÓ DẤU HIỆU BỆNH

- ✓ Cách ly ngay lợn bệnh.
- ✓ Theo dõi và báo thú y khi cần thiết.
- ✓ Không tự ý dùng thuốc bừa bãi.
- ✓ Vệ sinh, khử trùng khu vực có lợn bệnh.
- ✓ Tiêu hủy lợn chết đúng quy định.

THỰC HÀNH AN TOÀN SINH HỌC

- Hạn chế người ra vào trại
- Khử trùng dụng cụ, phương tiện
- Thay quần áo, ủng riêng
- Kiểm soát côn trùng, chuột
- Không cho lợn ăn thức ăn thừa
- Cách ly lợn mới nhập 7 – 14 ngày
- Theo dõi sức khỏe hàng ngày

GHI NHỚ

- Phòng bệnh là chính – điều trị là phụ.
- Tiêm phòng đầy đủ – vệ sinh thường xuyên – dinh dưỡng hợp lý sẽ giúp lợn khỏe mạnh, lớn nhanh, hiệu quả cao!



BỆNH DỊCH TẢ CHÂU PHI Ở LỢN (ASF)

HIỂU ĐÚNG – PHÒNG TỐT – KHÔNG DỊCH



1. NGUYÊN NHÂN

- Do virus ASF gây ra
  Họ *Asfarviridae*, rất bền vững trong môi trường.
- Chưa có vắc xin đặc hiệu và chưa có thuốc điều trị.

ĐƯỜNG LÂY TRUYỀN

- Lợn bệnh, lợn mang trùng tiếp xúc trực tiếp.
- Thức ăn thừa, thịt lợn, sản phẩm từ lợn nhiễm virus chưa được nấu chín.
- Vận chuyển lợn, dụng cụ, chuồng trại, người, quần áo, giày dép bị nhiễm virus.
- Ve mềm (*Ornithodoros* sp.) có thể mang và truyền virus.
- Xác lợn bệnh, chất thải, máu, dịch tiết chưa được xử lý làm lây lan virus.

ĐẶC ĐIỂM CỦA VIRUS ASF

- Sống rất lâu ngoài môi trường (máu, thịt, phân, xác lợn).
- Chịu được pH rộng, nhiệt độ thấp, sát trùng thông thường.
- Không lây sang người, không nguy hiểm cho sức khỏe con người.

2. TRIỆU CHỨNG

- Sốt cao 41 – 42°C, bỏ ăn, ủ rũ, nằm chồng đống.
- Da tai, bụng, đùi, mông có màu tím đỏ.
- Lợn khó thở, thở gấp, ho, mắt đỏ, chảy nước mắt, nước mũi.
- Nôn, tiêu chảy (phân có thể lẫn máu).
- Sảy thai ở lợn nái.
- Tỷ lệ chết cao 80 – 100%, có thể chết đột ngột.



3. BỆNH TÍCH



Hạch bạch huyết xuất huyết



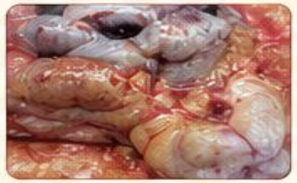
Lách sưng to, xuất huyết



Thận xuất huyết điểm



Phổi xuất huyết, phù nề



Xuất huyết ở ruột, hạch mạc treo



Da tai, bụng, đùi, mông tím đỏ

4. CÁCH PHÒNG CHỐNG

ÁP DỤNG AN TOÀN SINH HỌC

Chuồng trại kiên cố, vệ sinh sạch sẽ, khử trùng định kỳ.
Hạn chế người và phương tiện ra vào khu chăn nuôi.

KHÔNG SỬ DỤNG THỨC ĂN THỪA

Không cho lợn ăn thức ăn thừa chưa nấu chín.
Kiểm soát nguồn thức ăn, nước uống.

CÁCH LY, KIỂM SOÁT

Cách ly lợn mới nhập ít nhất 21 ngày.
Theo dõi sức khỏe đàn lợn hằng ngày.

VỆ SINH, KHỬ TRÙNG

Thường xuyên vệ sinh, khử trùng chuồng trại, dụng cụ, phương tiện chăn nuôi.

XỬ LÝ KỊP THỜI KHI CÓ DỊCH

Báo ngay cho thú y địa phương khi nghi ngờ có dịch.
Tiêu hủy lợn bệnh, chết theo đúng quy định.
Không giấu dịch, không bán, vận chuyển lợn bệnh.

5. KHI PHÁT HIỆN LỢN CÓ DẤU HIỆU BỆNH

BÁO NGAY CHO THÚ Y ĐỊA PHƯƠNG → CÁCH LY LỢN BỆNH, KHÔNG BÁN, KHÔNG GIẾT MỔ → TĂNG CƯỜNG VỆ SINH, KHỬ TRÙNG → KHÔNG VẬN CHUYỂN LỢN, SẢN PHẨM TỪ LỢN RA KHỎI KHU VỰC CÓ DỊCH

GHI NHỚ

- ASF chưa có vắc xin và thuốc điều trị đặc hiệu.
- Phòng bệnh là biện pháp hiệu quả nhất.
- Chăn nuôi an toàn – Hiệu quả bền vững!



TỔNG HỢP VỀ VẮC XIN PHÒNG BỆNH
DỊCH TẢ CHÂU PHI Ở LỢN (ASF)



VẮC XIN – GIẢI PHÁP QUAN TRỌNG TRONG PHÒNG, CHỐNG DỊCH TẢ CHÂU PHI Ở LỢN

1. CÁC CHỦNG VI RÚT GÂY BỆNH DỊCH TẢ CHÂU PHI Ở LỢN

ASFV có tính đa dạng di truyền cao, được chia thành 24 kiểu gen (Genotype) I–XXIV.

Các chủng gây bệnh chính lưu hành trên thế giới

NHÓM	KIỂU GEN (GENOTYPE)	PHÂN BỐ CHÍNH	ĐẶC ĐIỂM
Chủng độc lực cao (Highly virulent)	I, II, V, VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII, XIII, XIV, XVI, XVII	Châu Phi, Châu Âu, Châu Á (kể cả Việt Nam)	Gây bệnh nặng, chết cao 100% ở lợn chưa có miễn dịch.
Chủng độc lực trung bình (Moderately virulent)	III, IV	Châu Phi, một số nước Châu Âu	Triệu chứng nhẹ hơn, tỷ lệ chết thấp hơn chủng độc lực cao.
Chủng độc lực thấp (Low virulent)	XVIII, XIX, XX, XXI, XXII, XXIII, XXIV	Châu Phi	Ít gây bệnh hoặc không gây bệnh rõ ràng.

★ Tại Việt Nam:

Chủng ASFV **genotype II** đang lưu hành và gây thiệt hại nghiêm trọng trên đàn lợn từ năm 2019 đến nay.

2. VẮC XIN PHÒNG BỆNH DỊCH TẢ CHÂU PHI Ở LỢN HIỆN NAY TẠI THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

Hiện nay, Cục Thú y (Bộ NN&PTNT) đã cấp phép lưu hành thương mại cho 02 loại vắc xin ASF tại Việt Nam:

01 NAVET-ASFVAC
(CÔNG TY CP THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO) — NAVETCO



- Vắc xin nhược độc, nhược độc lực chủng ASFV-G-ΔI177L
- **Dạng bào chế:** Hỗn dịch tiêm
- **Đối tượng:** Lợn từ 4 tuần tuổi trở lên
- **Lịch tiêm:** 2 mũi
  - Mũi 1: Từ 4 tuần tuổi
  - Mũi 2: Sau mũi 1 khoảng 21 ngày
- **Miễn dịch đạt được:** Sau 21 ngày kể từ mũi 2
- **Thời gian miễn dịch:** ≥ 6 tháng

ĐÃ ĐƯỢC CẤP PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM

02 AVAC ASF LIVE
(CÔNG TY CỔ PHẦN AVAC VIỆT NAM) — AVAC



- Vắc xin nhược độc, nhược độc lực chủng AVL/24
- **Dạng bào chế:** Hỗn dịch tiêm
- **Đối tượng:** Lợn từ 4 tuần tuổi trở lên
- **Lịch tiêm:** 2 mũi
  - Mũi 1: Từ 4 tuần tuổi
  - Mũi 2: Sau mũi 1 khoảng 21 ngày
- **Miễn dịch đạt được:** Sau 21 ngày kể từ mũi 2
- **Thời gian miễn dịch:** ≥ 6 tháng

ĐÃ ĐƯỢC CẤP PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM

Lưu ý chung: Vắc xin chỉ có tác dụng phòng bệnh, không dùng để điều trị. Cần tuân thủ đúng lịch tiêm và kết hợp nghiêm ngặt các biện pháp an toàn sinh học.

3. CƠ CHẾ PHÒNG BỆNH BẰNG VẮC XIN

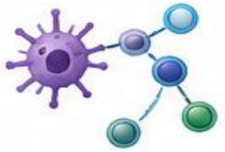
- Vắc xin ASF chứa vi rút sống nhược độc/nhược độc lực, không gây bệnh nhưng vẫn kích thích hệ miễn dịch của lợn tạo miễn dịch bảo hộ.

1. Tiêm vắc xin



Vắc xin (vi rút nhược độc) được đưa vào cơ thể lợn.

2. Kích thích miễn dịch



Vi rút nhược độc được tế bào miễn dịch nhận diện và xử lý, kích hoạt đáp ứng miễn dịch.

3. Hình thành miễn dịch



Cơ thể sinh kháng thể đặc hiệu, tế bào lympho B và T nhớ, tạo miễn dịch bảo hộ.

4. Bảo vệ khi gặp vi rút gây bệnh



Vi rút ASF (độc lực cao)

Bị vô hiệu hóa không gây bệnh

Kết quả: Lợn được bảo vệ, không mắc bệnh hoặc nếu có nhiễm thì giảm triệu chứng và giảm thải vi rút ra môi trường.

LỢI ÍCH CỦA TIÊM VẮC XIN ASF

- ✓ Giảm nguy cơ mắc bệnh và chết do ASF.
- ✓ Giảm thiệt hại kinh tế, ổn định sản xuất.
- ✓ Hạn chế phát tán vi rút ra môi trường.
- ✓ Kết hợp an toàn sinh học giúp kiểm soát dịch bền vững.

KHUYẾN CÁO

- Tiêm phòng đầy đủ, đúng lịch.
- Kết hợp chặt chẽ các biện pháp an toàn sinh học: cách ly, vệ sinh, khử trùng, kiểm soát người và phương tiện ra vào trại.
- Theo dõi sức khỏe đàn lợn sau tiêm và báo ngay cho thú y khi có bất thường.



GHI NHỚ

"Vắc xin không thay thế an toàn sinh học, nhưng là công cụ quan trọng để kiểm soát dịch tả châu phi ở lợn".

TỔNG KẾT CÁC NỘI DUNG CHÍNH
KỸ THUẬT CHĂN NUÔI LỢN THEO HƯỚNG AN TOÀN SINH HỌC

I. GIỐNG

- Chọn giống khỏe mạnh, tăng trưởng tốt, kháng bệnh tốt.
- Nguồn gốc rõ ràng, có kiểm dịch.
- Phù hợp mục tiêu sản xuất.



II. XÂY DỰNG CHUỒNG TRẠI

- Vị trí cao ráo, xa khu dân cư, nguồn nước sạch.
- Thiết kế chuồng trại hợp lý, thông thoáng, dễ vệ sinh.
- Hệ thống xử lý chất thải, nước thải đạt chuẩn.
- Có khu cách ly và khu chăn nuôi riêng biệt.



III. DINH DƯỠNG

- Cung cấp khẩu phần đầy đủ năng lượng, protein, vitamin, khoáng.
- Sử dụng thức ăn chất lượng, an toàn.
- Nước sạch luôn sẵn có.
- Điều chỉnh khẩu phần theo từng giai đoạn sinh trưởng, sinh sản.



IV. CHĂM SÓC LỢN CÁI HẬU BỊ VÀ TTNT CHO LỢN CÁI SINH SẢN

- Chăm sóc lợn cái hậu bị đạt khối lượng, thể trạng và độ tuổi phối giống phù hợp.
- Áp dụng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo đúng quy trình.
- Quản lý thai kỳ tốt, chăm sóc lợn nái trước và sau sinh.



V. CHĂM SÓC LỢN NÁI QUA CÁC GIAI ĐOẠN

- Giai đoạn mang thai: dinh dưỡng hợp lý, vận động, vệ sinh.
- Giai đoạn nuôi con: khẩu phần giàu dinh dưỡng, đảm bảo nước sạch.
- Theo dõi thể trạng, phát hiện sớm bất thường.



VI. CHĂM SÓC LỢN CON THEO MẸ VÀ CHĂM SÓC LỢN CON SAU CAI SỮA

- Cho bú sữa đầu sớm nhất trong 2 giờ đầu tiên.
- Giữ ấm, khô ráo, mật độ phù hợp.
- Cung cấp thức ăn tập ăn, nước sạch sau cai sữa.
- Theo dõi sức khỏe, phòng bệnh đầy đủ.



VII. CHĂM SÓC LỢN THỊT

- Cung cấp khẩu phần phù hợp từng giai đoạn: 15–30 kg, 30–60 kg, 60 kg – xuất bán.
- Quản lý chuồng trại tốt, kiểm soát nhiệt độ, độ ẩm, mật độ.
- Theo dõi tăng trọng, hệ số chuyển hóa thức ăn (FCR).



VIII. CÔNG TÁC THÚ Y

- Phòng bệnh hơn chữa bệnh.
- Tiêm phòng đầy đủ, đúng lịch.
- Vệ sinh, sát trùng chuồng trại, dụng cụ.
- Theo dõi sức khỏe, phát hiện và xử lý kịp thời.



NGUYÊN TẮC CHUNG

- An toàn sinh học là nền tảng của chăn nuôi bền vững.
- Phòng bệnh là chính – Chăm sóc tốt – Dinh dưỡng đầy đủ – Quản lý chặt chẽ.
- Ghi chép, theo dõi và đánh giá thường xuyên.

AN TOÀN SINH HỌC – CHÌA KHÓA CHO TRANG TRẠI HIỆU QUẢ VÀ BỀN VỮNG

